

## *Mục lục*

Lời giới thiệu .....	3
Đoản văn.....	4
Bến nước.....	4
Ta đang đi.....	6
Săn chuột đồng.....	8
Cửa .....	10
Gửi theo người.....	12
Hoa cà .....	14
Hương thị.....	16
Khúc giữa .....	18
Kiếp phận .....	20
Màu vôi mới.....	22
Món trung lưu.....	24
Mùa lên đường .....	26
Những đêm.....	28
Vườn khuya .....	30
Tản văn .....	32
Canh cua thiên lý .....	32
Mảnh sành.....	34
Mưa quê.....	36
Quà rong.....	38
Quả thu.....	40
Rau mảnh bát.....	42
Chim thành phố.....	44
Đút gánh.....	46
Hạt bụi.....	48

Hoa người .....	50
Hoa xuân .....	52
Tuỳ bút.....	54
Hương đầu hè.....	54
Rạng rỡ một Bắc Ninh.....	56
Chiều cuối năm.....	62
Đời một phố .....	66
Đường hoa.....	71
Đường xuân một đoạn.....	75
Nền đất .....	82
Thu .....	86
Băng Sơn với Hà Nội .....	89
Nghìn năm Hà Nội .....	89
Nét đan thanh Hà Nội.....	95
Hà Nội ngày thường.....	99
Mưa xanh Hà Nội .....	105
Chân cầu.....	107
Mùa đông Hà Nội.....	110
Môi trường xanh .....	115
Chữ hàng ẩm thực .....	120
Những bài viết về Băng Sơn.....	124
Đầu xuân gặp gỡ nhà văn Băng Sơn .....	124
Đọc tuỳ bút Băng Sơn .....	128
Mối tình xuyên qua nửa thế kỷ.....	133
Băng Sơn với những tuỳ bút Hà Nội .....	136
Băng Sơn: "Cây" đoản văn của Hà Nội.....	138
Chân dung nhà báo về hưu vẫn viết khoẻ .....	142
Băng Sơn và tình yêu Hà Nội.....	146
"Cái chính là bản thân người viết có nhàm chán hay không".....	148

## *Lời giới thiệu*

Băng Sơn là nhà văn chuyên viết về Hà Nội, tác giả của những tập tùy bút, đoản văn được bạn đọc chú ý như: Thú ăn chơi người Hà Nội (Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin - 1993), Nghìn năm còn lại (Nhà xuất bản Hà Nội - 1996), Nước Việt hồn tôi (Nhà xuất bản Phụ Nữ - 1995), Đường vào Hà Nội (Nhà xuất bản Thanh Niên - 1997)...Chủ đề Hà Nội dường như có sức cuốn hút lớn nhất đối với nhà văn Băng Sơn. Nhân dịp đầu Xuân Quý Mùi, chúng tôi có cuộc trò chuyện ngắn với nhà văn Băng Sơn.

## *Đoàn văn*

### BẾN NƯỚC

Cảng hàng không là chỗ cho máy bay đi về, lên xuống, nghĩa là bến của tàu bay. Nhà ga là bến của những chuyến xe lửa vượt đường ngắn, đường dài, ngược Bắc xuôi Nam.... Nhưng có lẽ chỉ có những bến sông mới làm ta xao xuyến, tưởng tượng ra, nhớ về, thức lên những kỷ niệm đời người, từ thuở bé thơ đến khi khôn lớn, nào tiễn người đi, nào đón người về, nào đứng trên bờ nhìn cánh buồm dần khuất hay chờ đợi mái chèo đánh vỡ tan những con sóng, làm nổi lên những làn ánh sáng như vàng như bạc cứ trôi hoài, trôi đắm hồn ta....

Chỉ riêng chữ BẾN NƯỚC đã gợi cho ta hình ảnh những quê hương, quê ta và quê bạn, quê nội và quê ngoại, quê kết nghĩa nơi ta gửi gắm hay nơi đợi ta một lần trở lại với ân tình.

Mênh mang là bến nước trên dòng sông Cái. Nhỏ nhoi là bến nước làng ta, con sông hẹp tây gang, chỉ chiếc thuyền nan đi về khoả mấy tay chèo đã vượt sông tới bến.....

Góc xa kia là bờ lau xào xạc. Chỗ gần hơn là bãi nổi bùn non, có con trai, con hến, con trùng trục, con cá chọi chọi làm cánh giang cánh diệc phải dừng lại thềm thuồng mò mẫm..... Ngay chỗ bến gác

mái chèo, cô lái đò dừng tay, bên này bên kia có cái túp nhỏ lợp tranh lợp lá..... Quán nước tuềnh toàng, món quà rẻ tiền quen thuộc mà cũng có khi chẳng có chiếc quán nào, bến bơ vơ trong cô đơn, cỏ lấn vào sông, sông ủa lên bến, người qua kẻ lại, vén ống quần mà lội xuống lòng đò, vương chút nước phù xa hay dính tẹo bùn au đở....

Bến nước lập nên và mất đi, tùy theo con nước, tùy theo quê ta lớn lên hay đổi tên, rạn vỡ hay đổi thay đường nét mà thời hiện đại gọi là quy hoạch....

Có ai không ít nhất đôi ba lần trong đời mình qua những dòng sông bến nước như thế.... Bến Mỹ Thuận hay Tân Đệ, bến Bính hay bến Ngọc Tháp, bến Bình Ca, bến Bồ Đề, chi chi cái bến không tên chỉ có người làng sở tại biết nó..... Rồi những cái bến nào có cây cầu thay thế... Rồi có những ra đi vĩnh viễn, không về cùng bến....? Cả những người rời bỏ bến, không phải chẳng nghĩa ân mà chỉ vì lẽ đời sinh tử.

Một cái bến nước nữa trong lòng ta cứ khắc khoải không yên. Đó là bến nước của người con gái sang ngang. Hạnh phúc và đớn đau. Vẹn toàn và dang dở.... Ai và bao giờ biết được....

## TA ĐANG ĐI

Một quyển sách hay một quyển vở đều do nhiều tờ đóng lại. Một năm có nhiều tiết học mới thành. Một con đường gần hay xa cũng đều có nhiều cây số, nhiều chỗ thẳng chỗ cong, chỗ phẳng chỗ gập gềnh cùng ngày nắng ngày mưa. Một đời người có nhiều năm tháng đại khôn, có những mùa lao đao hay nhàn nhã. Một khu vườn nhỏ bé thôi cũng không thể chỉ có một gốc cây duy nhất. Phải nhiều loại cây, hoặc chỉ một loài nhưng phải nhiều gốc cây riêng biệt.

Ta sinh ra, lớn lên rồi già đi, trở lại thành cát bụi. Ta ăn bao nhiêu bữa cơm trong cõi đời này. Ta ăn bao nhiêu thứ khác nhau từ năm này sang năm khác. Chắc chắn không ai suốt đời mình chỉ ăn một bữa hoặc một thứ, cho đến việc chữa bệnh, phải ăn kiêng, người ta truyền nhau phương thuốc "gạo lức muối mè" nghĩa là ăn cơm thổi bằng gạo xay còn nguyên vỏ cám, ăn cùng với món muối vừng, ngoài ra không ăn một thứ gì khác dù là sơn hào hải vị. Ăn thế khỏi bệnh. Nhưng đời bình thường, ăn pha tạp nhiều thứ khác nhau, nhiều món khác nhau...

Nếu khoảng cách cần đi chỉ là từ chiếc giường ra chiếc bàn uống nước, không cần đi xa, không có nắng gió, không có cột cây số, không lên dốc xuống đèo, không dừng chân trong quán nước, không gặp một bóng cây nào... thì khoảng cách không gian ấy không thể gọi là con đường.

Nếu khu đất bằng, mặt đất sạch bong, chỉ là đất nền như sân đánh quần vợt, không một chiếc lá, không một gốc cây, không một ngọn cỏ cho gió về lay động... thì chắc chắn cũng không thể gọi được là khu vườn, mảnh vườn. Nó chỉ là một khu đất chết.

Lá thư tình trên giấy xanh, lời nồng nàn tha thiết, từng chữ âu yếm say sưa... nhưng không có nhiều tờ đóng gáy vào nhau, thì nó vẫn chỉ là tờ giấy, lá thư, dù tờ hay lá ấy rất quý, đáng giữ gìn, nhưng không thể gọi là quyển sách. Ta đang sống và đang đi, đi về cuối trời, và cuối đường, cuối đời... Ta cần bao nhiêu thứ, và có bao nhiêu thứ... Và có thể mới là cuộc đời...

## SĂN CHUỘT ĐỒNG

Đi úp cá phải có cái nơm. Trầy ỏi trầy thị phải có cái "dọng". Cũng gần như thế, cái dụng cụ để săn chuột đồng, na ná như cái dọng. Nó là ống tre, chẻ một đầu, ken cho rộng ra, còn đầu kia vẫn để nguyên. Cái đầu rộng ra để cắm vào hang chuột. Khí giới của người săn chuột là chiếc nơm rơm bốc khói, cái quạt nan có khi còn cả một ôm rơm, nhưng thường thì không cần, đến đâu nhổ gốc rạ hoặc vun lá tre khô đến đấy. Đôi khi còn có người bạn trung thành đáng tin cậy nữa. Người bạn ấy không bao giờ phản lại chủ, đó là con chó săn, con Vện hay con Vàng, con Mực, lúc nào cũng chạy gần bên chủ.

Ra cánh đồng, tìm bờ ruộng hoặc chân tre, có cái miệng hang là cái lỗ tun hút, hang nào nhả thín là có chuột. Nhét rơm, châm lửa rồi quạt. Tìm xem chỗ nào có khói ra thì lấy đất chét lại, chỉ chừa lại một hang thôi, cắm cái "dọng" vào, đón lỏng con chuột sắc khói chạy ra. Thường thì hang chuột nào cũng có ba bốn cửa hang. Bọn chuột khôn thật. Chắc chúng biết là có người đi săn, nên đã làm sẵn nhiều cửa để thoát ra khi nguy hiểm. Nhưng con người khôn ngoan hơn thành ra cái loài ăn hại này vẫn không thoát được.

Quạt. Quạt mạnh vào. Hết rơm khô thì nhổ cỏ khô, ngắt chộm lá chuối khô. Nhiều khi tôi quạt đến toát mồ hôi mà con chuột sù chịu chết ngạt, không ra. Gan thật. Người bé nhất bọn là người phải quạt nhiều nhất, còn các anh lớn thì ngồi sẵn ở cửa hàng áo cắm cái dọng,



nếu nó ra, chui vào dộng thì bóp chặt, cầm đuôi rút ra, quay mấy vòng cho nó chóng mặt, thế là cu cậu nằm quay lơ.

Hun được con chuột thích thật vì trừ được tên ăn hại.

Nhìn một người bé cầm cái ống bơ hay cái trai vỡ cổ đi đổ dế, làm con dế ngạt nước phải chui lên, tôi lại nhớ đến những ngày đi săn chuột đồng. Hai thứ này gần giống nhau là trừ con vật hại.

Thích nhất là bắt được con chuột đầu tiên, con chó săn cứ sủa ầm lên, nhảy căng, lăn xả vào con chuột, hít hít. Có khi con chuột sống ra, nhưng chuột không nhanh bằng chó, nó bị ngoạm ngay. Qua mỗi cửa hang, con chó bao giờ cũng hít hít. Hang nào có chuột nó sủa ầm ĩ ngay. Và đúng là sẽ bắt được chuột. Tài thật.

Lâu nay, chuột sinh sôi nảy nở kinh khủng, bắt chuột, săn chuột không chỉ là thú chơi mà là một công việc có ích, rất cần thiết, đối với trẻ ở nông thôn mà ngày xưa tôi từng là một chú bé như thế.

## CỬA

Không có ngôi nhà nào không có cửa, có nhà có cửa và còn có cả cổng nữa. Cửa gắn liền với nhà còn cổng thường xa hơn một đoạn.

Có cơ man nào là loại cửa, đơn sơ nhất là cửa bằng phen nứa, liếp đan cạp xung quanh bằng tre cho chắc chắn, buông xuống nhấc lên hoặc kéo ra, kéo vào, và cũng có những ngôi nhà tuy có cửa mà quanh năm không cần đóng cửa bởi khu vực ấy quá yên bình, hơn nữa nhà quá nghèo, không có gì đáng giá mà phải đề phòng quân kẻ trộm.

Nhà nào khá hơn có cửa bằng gỗ, giàu nữa thì bằng sắt, có khi là hai lớp vừa kính vừa chớp theo kiểu mới hoặc một lớp gỗ thật dày gọi là cửa bức bàn, cũng có thể còn lắp thêm những hoa văn bằng sắt uốn theo nhiều hình thù hoa lá khác nhau....

Đến cái cây cũng có những cái cửa mà mắt ta không nhìn thấy, đó là những lỗ thủng li ti trên mặt lá xanh gọi là khổng bào để cây có thể thở dễ dàng, hút lấy thán khí và thả vào không gian dưỡng khí.

Có nhiều thứ cửa có mà không có, có vì ta vẫn nghe thấy nhưng không có vì ta không nhìn thấy. Cửa rừng ở đâu khi có lệnh "đóng cửa rừng" nghĩa là không có một ai vào khu rừng ấy nữa. Cửa rừng không là cánh cửa, cũng không là cánh cổng mở ra đóng vào hay dương lên hạ xuống, nhưng thực sự là có đấy.

Hai nước có chiến tranh hoặc mâu thuẫn gì đó, thế là "đóng cửa biên giới". Cửa của một đất nước ấy, hình thù ra sao, chắc nghìn xưa đã có, nay nó là tượng trưng, gọi theo thói quen; chứ làm gì có cánh cổng, cánh cửa, làm gì có then cài hay có chiếc khoá....

Nhiều nước còn có lệ trao cho ai đó chiếc chìa khoá một thành phố, nó rất to.... nhưng có chiếc cửa cụ thể nào đâu để tra chiếc chìa khoá ấy vào ổ khoá, mà nhiều khi chiếc chìa ấy mạ vàng hay bằng vàng rất quý...

Chiếc lều tùm hum canh ruộng dưa còn có cửa. Nhà sàn, nhà chóc trời, chuồng trâu cũng phải có cửa. Thế còn con người, mỗi cơ thể con người có cửa để tiếp xúc với đời không?

## GỬI THEO NGƯỜI

Xin gửi theo người gió sông và trăng bãi có lá buồm mờ ảo như từ dĩ vãng trôi ra và khuất vào vô định.

Xin gửi theo người con đường chỉ có hai ta đêm ấy dệt chéo những ánh đèn vàng như ngân nhũ mà người không nở đặt chân lên.

Xin gửi theo người hồi trống hội làng, người như con chim non còn ta chẳng vô tư cứ đi theo lan hương hoa bưởi vương trong không khí mùa xuân dệt bằng mái tóc trong mộng tưởng mà người không hề biết.

Gửi theo người hình chiếc khăn trắng vấy theo làn khói con tàu, một đi là đi mãi, đi đến cùng kiệt hồn ta, đi quên cả lối về.

Xin gửi theo người sợi mưa và giọt nắng trên giàn hoa leo đợi đến úa tàn bao nhiêu mùa qua không biết nữa.

Xin gửi theo người dòng lệ nên héo hon lã chã mà ta biết người không bao giờ cần trong cõi luân hồi mù mịt người không thể từ đây quay về lấy bàn tay che gió.

Xin gửi theo người chén nước ta đang uống đầy đắng cay và ngọt bùi, nóng bỏng và lạnh buốt mà người không bao giờ uống nữa bởi đã tan vào đại dương ngừng lặng.

Xin gửi theo người trăm ngàn vạn triệu những êm đềm và khát khao từng là sợi dây căng chừng giữa ước ao hai ta từng giờ từng phút của tuổi trẻ chỉ đối diện cũng dằm tâm.

Ta một phương trời. Người thành nẻo khác tấm mà ngăn cách là mầu đen hay trong suốt nhưng dây đặc toàn gai nhọn của nỗi "chẳng bao giờ..."

Ta đang ngồi đang đứng. Người đang bay trên chiếc cầu vòng chơi với lưng lơ?

Ta gửi theo nhưng người có nhận?

Không ai biết và không bao giờ biết. Chỉ nỗi cách xa này là hữu thể đọng đầy hồn ta và tràn lũ không ngưng.

## HOA CÀ

Có một màu tím nhạt gọi là "tím hoa cà". Nó nhạt hơn màu tím Huế, cũng không giống thứ tím lam của bìm bìm núi, và chẳng giống loài bìm bìm mọc trên những hàng rào vườn quê tịch mịch.

Hoa cà mọc ra từ cây cà, cây cà pháo, cà bát đến cà dê và cả cây cà gai hoang dại mọc ven đường. Hoa đẹp, quá đẹp nhưng không ăn được, không dùng được vào bất cứ việc gì.

Hoa cà đúng là màu tím. Lại một điều là hoa không ngừng mặt bao giờ, không giống hoa hồng, hoa sói, hoa sen.... mà nó luôn luôn cúi xuống, cứ như tự mình soi gương xem mặt mình ra sao, mà tấm gương chính là mặt đất, chỉ là mặt đất. Mấy cánh hoa màu tím nhạt, chiếc nhụy thò hẳn ra ngoài, vàng choé. Hoa cà nhỏ li ti nên chẳng ai ngắt nó mà chơi.

Tuy nhiên, màu tím ấy đã đi vào lòng người từ bao nhiêu kiếp nên người ta lấy màu của nó mà đặt tên cho màu.

Có lẽ không có người con gái nào lại không yêu màu tím, từ tím thắm Huế đến tím nhạt hoa cà....

Chiếc áo cánh cổ tròn, tấm thắt lưng phát phơ, chiếc quai nón bay bay nhẹ nhẹ.... màu tím hoa cà ấy đúng là thật nhẹ nhàng, cứ như làm tâm hồn con người sắp bay bổng lên.

Có anh con trai nào không nhớ về người thương của mình khi có màu tím hoa cà phát phơ vào giấc mơ như thế.

Mọi cây cà, hoa đều tím. Vậy mà quả cà sao mà khác nhau đến vậy. Cà pháo tròn xoe như hòn bi, thứ xanh, thứ trắng, thứ có xọc. Cà bát to bằng nắm tay, thứ dẹt để muối xổi, để nén mặn, thứ tròn để bung, thứ cà dê để rán, để nướng....

Không hiểu được và chưa ai giải thích được xem tại sao cùng màu hoa, cùng dáng hoa mà quả khác nhau làm vậy? Thành món ăn của con người cũng khác nhau làm vậy?

Không hiểu màu tím có giòn không, mà sao khi ta ăn quả cà thì nó giòn đến thế? Chưa ai được ăn màu tím bao giờ, chứ nếu ăn một lần thì mới biết, đành cứ để nó là bí mật, một bí mật đáng yêu, nhất là những ai từng đi trồng cà vào mùa xuân, ăn cà bung vào hôm mát trời, nhai quả cà muối mặn với bát canh cua rau đay, mừng trời chiều hè lồng gió... Và cứ tưởng tượng rằng ta nhai màu tím hoa cà, có sai đâu.

## HƯƠNG THỊ

Chắc không phải chỉ là tự nhiên mà tác giả vô danh của chuyện Tấm Cám cho cô Tấm từ trong quả thị chui ra. Người cô gái ấy chắc phải thơm lắm, vì quả thị có màu đẹp thế, da thịt căng thế, hương thị thơm thế. Nếu không thì sao cô Tấm không chui ra từ quả mít, quả na, quả sầu riêng, quả bứa thật chua, quả dứa toàn nước...?

Cứ cuối mùa hạ lại là mùa thị chín. Cây thị là cây cổ thụ, một làng gần Đồ Sơn có một xóm Thị, hàng chục cây thị khổng lồ, thân đã vắn vẹo trong sơ tước và trong sâu mỗi đục đẽo, nhưng năm nào cũng vẫn cho quả. Người ở đây khoe rằng hàng cây này đã sống hàng nghìn năm vì thế xóm mới mang tên Xóm Thị. Nếu như thế thì hàng cây ấy đã chứng kiến bao nhiêu con nước ròng, con nước kiệt, bao nhiêu giông bão, bao nhiêu con thuyền mang người đánh cá ra khơi, có thuyền trở lại, có thuyền không bao giờ về.....

Cây thị cứ xanh đời đời. Nếu so với cây đa, cây đề, cây thông, cây sấu.... thì ai già hơn ai? Ta chỉ biết cây là một phần hồn đất nước. Bộ rễ của cây cứ lặn sâu vào lòng đất. Bộ lá của cây cứ vươn vào trời xanh.... Và hương thị thơm xa, thơm ngát, thơm như một loài hoa.... cứ phảng phất mơ hồ suốt bao nhiêu năm tháng trong mùa thị, và cả khi hết mùa quả chín câu chuyện Tấm Cám được kể lên, thì hương thị cứ thơm, thơm như cổ tích, thơm như ước muốn của nỗi lòng người mong cho cô gái kia sung sướng, mong cho hoàng tử gặp được nàng con gái tằm trầu cánh phượng, có giọng nói như chim Vàng Anh, mà con chim Vàng Anh thì có màu giống da quả thị lắm lắm.....



Có một quả thị trên bàn, có khi ta mơ hồ tan vào giấc ngủ đầy hương mà ta cho đó là hoa, hoa hồng, trộn vào hoa huệ, hoa nhài trộn lẫn móng rồng.... nhưng sự tĩnh, thì vẫn chỉ là hương quả màu vàng có cô Tấm ẩn mình trong đó....

Vì thế mà bao giờ ta cũng thấy kỳ lạ khi có hương thị.

## KHÚC GIỮA

Khúc giữa của con cá đem làm món, bao giờ cũng ngon nhất. Nhưng khúc giữa của tình yêu có say sưa mê đắm hoan lạc như thuở ban đầu? Khúc giữa của một năm, không hồi hải như cuối năm, không tràn đầy hồi hộp hy vọng như đầu năm, nó kéo dài ra, nó đơn điệu thêm, nó có phải là thời gian đẹp nhất?

Mở đầu cuốn sách và kết thúc cuốn sách, bao giờ cũng phải là cái hay cái đẹp, cái ấn tượng nhất (kể cả một bài thơ ngắn), vậy thì cái khúc giữa của nó ra sao? Khúc giữa ấy là vở kịch chưa "mở nút", nhân vật còn trong quá trình, hoặc chưa quá đẹp, hoặc chưa quá xấu....

Khúc giữa của cuộc hành trình là cái cũ chưa qua, cái mới chưa đến. Ta còn phải đợi chờ.

Có nhà thơ ví em bé nằm giữa hai bên bờ mẹ như con thuyền giữa biển khơi, được che chắn an toàn trong êm ả.

Còn "Miếng giữa làng..." đã làm bao nhiêu kiếp người khốn khổ vì phải tranh giành, mua bán mà có, lắm khi đổi cả cơ nghiệp, nó khác "Một sàng xó bếp" thế nào? Dù rằng miếng giữa làng ấy chỉ là một miếng dồi tiết, một nắm xôi chim chim, một chén rượu. Đi trên đường, không bên trái mà cũng chẳng bên phải, cứ giữa đường mà đi, chưa chắc đã là khôn, chưa chắc đã an toàn. Vô duyên nhất là giữa

buổi chiếu hình, những lời quảng cáo xen vào nhí nhố, tây tàu lai căng, nhảy nhót loạn xạ, phản cảm trong lòng khán giả.

Có bao nhiêu khúc giữa quanh ta và bất cứ lúc nào. Không thể thống kê cho chính xác. Và cũng không cần thiết.

Mỗi con người, ba mươi tuổi hay năm mươi tuổi là khúc giữa của đời mình? Những năm tháng ấy đánh dấu bằng cái gì, thành công hay thất bại, ra đi hay trở về, sung sướng hay đau khổ, thủy chung hay bội phản, ngã nhiều về quá khứ hay đã ngẫm chứa cả tương lai...? Không có công thức chung cho tất cả.

Từ một miếng ăn nhỏ nhoi là khúc giữa, chỗ giữa đến nỗi niềm to lớn là khúc giữa cuộc đời..... nhiều khi không có một đường biên rạch ròi. Chỉ có bản thân ta biết rõ một cách mơ hồ.

## KIỆP PHẬN

Có ai trên đời lại không từng phải đi trong chang chang nắng lửa ngày hè hoặc chịu cơn mưa xối xả giữa đường xa ngút ngát? Nắng mưa là chuyện muôn đời, sinh ra làm người cũng phải lụy đất trời mà chịu đựng, vượt qua.... nào có khác chi đâu chiếc lá phải xanh qua vàng rồi rụng về gốc cũ, chiếc bánh xe phải lăn trong bùn lầy lội và lạo xạo đá dăm hay khắp khểnh gập ghềnh con đường xa mờ bụi....

Con đường sinh ra để nhọc nhằn, để đổ mồ hôi, để tự mình đứng thẳng trên đôi chân vững chãi..... thì chiếc bánh xe sinh ra là để quay tít, để vượt đường xa, để mình trở thành chiếc quay tít đó. Nếu khác đi sẽ không thành gì cả. Chiếc bánh xe nếu hình vuông thì không thể quay và không thành bánh xe. Nếu con người chỉ nằm ngửa suốt một đời trên giường, có người chăm bón từng thìa cháo, thìa cơm.... cho đến chết, thì đó không phải là con người. Nếu chiếc lá cứ nằm im trong lõi gỗ, dù là thân cây hay cành ngang, nó cũng không thể là chiếc lá.

Quả có ngọt, quả thơm, quả chua, quả đắng.... nhưng đều có nhiệm vụ riêng của mình, mang hạt và nuôi hạt, chết đi mới thả hết đàn con vào cõi đời cho sinh sôi con cháu. Nó hương gì vị gì thì do chủ quan con người đặt ra cho nó, chứ bản thân quả nào đâu có biết, nào đâu có cần.

Con người cũng vậy. Phải làm việc để trả nợ nhân sinh đã sinh ra mình, đã nuôi nấng mình.... còn trái đất hay rộng ra là vũ trụ, nếu

một con người sinh ra, rồi già đi, chết đi, trái đất đâu có cần, đâu có biết....

Lý lẽ thì vô cùng vô tận, con người đã hỏi nhau: Ta sinh ra để làm gì? Ta phải làm gì? Triệu câu trả lời thoả đáng và chưa thoả đáng.... cứ như chiếc bánh xe tại sao không vuông, không bầu dục, không bát giác, lục lăng mà cứ phải hình tròn?

Đến một lúc nào, thế kỷ ba mươi hay năm mươi, con người nghĩ ra, sinh ra nhiều thứ cánh nổi, cánh ngầm..... không còn cần đến chiếc bánh xe nữa.... sẽ ra sao nhỉ? Ta ngồi đáy giếng của ngày hôm nay, ta chưa thể trả lời....

## MÀU VÔI MỚI

Đã từng có thời kỳ nhà gianh nhiều hơn nhà gạch. Làng nào cũng chỉ có mấy ngôi to rộng xây gạch, lợp ngói đó là Đình, Chùa, Đền, Miếu và đôi khi cả chiếc quán ngoài cánh đồng cho người đi làm trú mưa tránh nắng lúc nghỉ trưa.

Từ vách đất đến tường hoa quanh đình, tường gạch có cây trầu không leo ngoài chùa, không hiểu có quy định nào không? mà mỗi năm quét vôi, bao giờ màu vôi cũng trắng tinh, không có màu gì khác. Từ xa, rất xa đã nhìn thấy những mảng tường trắng lớp, trắng mờ thấp thoáng giữa màu xanh làng quê thân thuộc.

Chỉ ở thành phố mới có nước vôi mang nhiều màu sắc khác. Trường học quét vôi màu vàng. Mặt phố cũng mang màu vàng là chủ yếu, na ná như các ngôi nhà làm công sở.

Trong nhà, phần lớn được quét vôi màu xanh, chắc là để dụ con mắt.

Nhà nào quét vôi màu đỏ gọi là "nhà đỏ" tức là, một nơi chứa "điểm". Nước ta không có màu vôi xanh quét ngoài cửa cũng là quán rượu có ca kỹ, gọi là "lầu xanh" như trong truyện Kiều.

Tuy vậy, khoảng hơn chục năm nay, đã có nhiều đổi khác. Màu vôi không còn quy định ngầm như trước. Nông thôn cũng quét màu vàng, người thành phố còn mang cả màu xanh ra mặt phố. Có nhà

quét vôi màu xám (pha bằng than cám) để có màu lạ, treo tranh cho nổi bật.

Không chỉ có một màu vôi trắng, pha thành nước, đem quét cho sáng, cho đẹp, cho vệ sinh, cho bền. Nay có nhiều phố ở Hà Nội như phố Nguyễn Khuyến, phố Ngõ Gạch.... chuyên bán đủ màu để pha vào vôi quét tường, không những thế còn cả sơn dầu, không quét bằng chổi mà bằng con lăn....

Trăm năm cũ kỹ ít thay đổi. Rồi bùng ra, chỉ mười năm thôi đã có bao nhiêu điều khác lạ. Nông thôn và thành thị xích lại bên nhau. Khiêu thẩm mỹ và con mắt người thay đổi theo, nay không thể cho thế này là cũ, thế kia là mới. Tùy theo sở thích, túi tiền, người ta không cần biết ai khen, ai chê công việc của mình.....

Từ một màu vôi..... mong sao không có gì quá đáng trong các việc khác quanh ta.

## MÓN TRUNG LƯU

Gia đình tôi trung lưu, ngoài bữa sáng thì hai bữa chính là trưa và tối. Nói trung lưu nghĩa là nói mỗi bữa thế nào cũng phải có vài ba món, là mặn đi với nhạt, khô đi với canh, thịt cá đi với rau dưa.... và mỗi tuần hay mười ngày, món đó lại được lặp lại. Gọi là món nhưng cũng nhiều khi đơn giản, chút dưa cải củ đầu mùa, món dưa cải bắp hay dưa cần mùa đông, quả cà tím thái mỏng bóp muối ăn xối được ngay.... mấy quả dưa leo (dưa chuột) gọt vỏ, thái vát ăn cho mát ruột....

Thịt thăn lợn rim mặn với hạt tiêu, thịt bò xào hành tây, tỏi tây, cá rán "sốt" cà chua, riêu cua, cà bung, ốc nấu chuối xanh, thịt gà rang gừng, canh măng nấu thịt vịt.... không phải món thường xuyên.

Món thường xuyên nào cũng phải có, đó là rau. Mùa nào thức ấy, màu xanh xuất hiện trên mâm như một lẽ đương nhiên, không thể thiếu. Rau muống luộc xanh rờn, rau muống xào tỏi đậm đà vẫn thanh mát, rau bắp cải luộc, xu hào luộc, rau bí ngô xào, củ cải luộc, bí luộc, bầu luộc, đôi khi rau muống luộc trộn ít giá đỗ chần chín, thêm một chút muối vừng thành một món khác hoàn toàn: Món nộm đơn giản, chỉ thêm nửa quả chanh tươi mà không cần bì lợn, vẫn cứ ngon vì lạ miệng, đơn giản, dễ làm nhưng khác hẳn các món xào nấu khác ở chỗ chay tịnh của nó.

Một món đặc biệt của gia đình tôi (có lẽ nhà ai cũng thế) là bát nước chấm. Không bao giờ bát nước chấm rót trong chai ra mà thành ngay nước chấm. Nó phải được pha một thứ gì đó. Trước hết không



phải là thứ nước mắm quá ngon, vì thứ này bao giờ cũng hơi nặng mùi, tuy ngon nhưng không làm vui cái mũi. Dầm quả trứng luộc để chấm bắp cải, xu hào, cải củ. Dầm mấy quả xấu xanh cho món rau muống luộc chiều hè. Tuyệt ngon vì nó chua thanh, chua dịu, không phải thứ có quanh năm. Pha thêm chút giấm hoặc nửa quả chanh cốm, thả vào đấy vài lát ớt đỏ tươi để chấm món đậu rán. Nước mắm có tỏi đập giập để chấm thịt ngan, thịt vịt. Pha chút gừng để chấm thịt bò, thịt trâu hay ốc luộc. Ăn món cá luộc không thể thiếu bát nước chấm có chanh tươi và nhất là hạt tiêu bắc...

Linh hồn của mỗi món ăn hình như hiện ra khi nó được gặp món nước chấm phù hợp. Có món này không khó, chỉ cần bà nội trợ chú ý một chút trước khi mâm cơm được dọn ra mà thôi.

## MÙA LÊN ĐƯỜNG

Xếp mùa xuân lại thành từng thếp, để phía sau lưng mà bước vào mùa rực rỡ tràn đầy nắng nỏ. Đã có bao nhiêu điềm báo trước: Hoa gạo tung bùng, tiếp theo là hoa vông chói đỏ như người lính trinh sát chuẩn bị bước đi của đại đoàn cấp tập. Mùa hè đi phía sau: hoa phượng rực trời.

Có ai trên đời này lại không biết và không nhớ bản nhạc hè của đàn ve sầu âm vang trong lá xanh rậm rạp. Đó là những khúc vĩ cầm réo rắt, nỉ non, là lời ca cất lên từ ruột cây hay đầu cành, không ai nhìn rõ nhưng ai cũng nghe suốt một đời kỷ niệm từ thửa học trò mực tím nhoèn tay đến xế bóng, ong ong giắc ngủ trưa mệt nhọc....

Đêm. Đàn nhạc công vĩ cầm tạm nghỉ khi màn nhung đen buông xuống thì có những nhạc sĩ đế mèn, đế cộ, đế ma lại không mang khúc nhạc tình ca tìm bạn, ngay từ trong cỏ biếc, trong góc vườn hoang vu, trong gốc cây nhằng nhịt....

Có người bảo đó là màu sắc và âm thanh của riêng mùa hè. Cứ cho là thế, nhưng chưa đủ. Còn những đầm sen ngan ngát, còn hoa lý mơ hồ, còn đom đóm bay như muôn ngàn ngọn đèn di động, muôn ngàn vì sao thức ngủ mơ màng trong tre lau, trên sân vườn hừ hừ gió thoảng....

Những con đường ngút ngàn xa thẳm bỗng như dài ra, tự dẫn ra làm ngại ngần những bước chân rong ruổi. Mong sao có những bóng da bóng bàng, nhưng mái quán nghiêng nghiêng bên bờ cỏ ấy,

để bước chân dậm trường ghé vào uống bát nước chè xanh, ăn món bánh đúc riêu cua đầy vị quê hương đang chìm lấp. Hình như nhạc sĩ ve sầu không thích đậu vào cây lúa. Có khi là phải có những chiếc lá xanh to bản bắt nhịp thì nhạc ve mới thành giai điệu du dương...?

Những dòng sông đào xinh xinh nhỏ bé, những mặt ao đầy bèo tấm, bèo ong là nỗi khát khao thèm thuồng của bao hành khách ngồi bó gối trong xe trên đường ngắn đường dài vun vút gần xa.

Mùa hè là thanh niên, là mạnh mẽ, là hứng khởi, là tung bừng.... Còn lâu mới đến mùa thu là mùa ôn kỷ niệm, mùa khắc khoải nỗi nhớ mong. Còn bây giờ, đường xa đã mỏi, những cột mốc giờ tay chờ ta vượt, những dặm dài đang mong ngóng bước chân du lãng phiêu bông, nhiều mục đích và rong du không cần mục đích.... Mùa hè, có lẽ cũng là mùa lên đường để thăm thấu tràn đầy sắc hương và âm thanh huy hoàng thắm thiết.

## NHỮNG ĐÊM

Đã có biết bao nhiêu đêm mất ngủ, ta nằm vắt tay lên trán mà tưởng nhớ đến những con người đã đi qua đời ta, đã để lại phẩm chất, hình hài, hình bóng, dư hưởng hay tác động vào đời ta.... Mà nay tất cả chỉ còn là hình bóng trong gương tượng.... Người thì cho ta xương thịt, người cho ta chữ nghĩa, người cho ta hạnh phúc và đau khổ, người cho ta nụ cười và tiếng khóc, người cho ta miếng ăn và cướp miếng ăn của ta.... Đó là ông bà và cha mẹ, anh chị em ruột thịt, thầy giáo và hàng xóm, người đồng nghiệp và kẻ cạnh tranh, ân nhân và kẻ thù, người chở ta qua sông và kẻ muốn đâm trộm vào lưng ta....

Con số sẽ là bao nhiêu đang lơ lửng trong hồn ta và trước mắt ta, trong bóng đêm và trên trời cao, ở một khu vực xa mờ và ngay bên cạnh, ta có thể giơ tay ra nắm được....?

Con số trăm hay con số nghìn, tùy theo lúc họ sống và ta cùng sống, tùy theo ta tốt hay xấu đồng thời họ tốt hay xấu.... cũng tùy theo ta có bao nhiêu thời gian, đang ở độ tuổi nào....

Tùy người mà vẫn có thể nhớ như in khuôn mặt cha mẹ mình, nhưng cũng có thể mình lang bạt sớm, cha mẹ ra đi quá vội mà chỉ còn hình dung bằng lảng, phát phơ, mơ hồ gương mặt rỗ hoa, gầy guộc hay đen nhẻm cần lao, rục rờ hoa khô, trán cao trí thức hay lầm lũi xóm chài...

Muốn nhớ mà không nhớ được, thế mới khôn khổ.

Và một đêm, nhiều đêm, rất nhiều đêm, bao nhiêu khói sương kia cứ bập bênh quay trở lại để ta rã rời tâm hồn vì nỗi đau đáu khôn nguôi.

Những hương hồn không tan ấy, có đậm có nhạt, có sâu có nông, có mờ có rõ, có nặng có nhẹ, có ân tình và oán hận, có giục giã và thờ ơ....

Người ta yêu mà yếu mệnh. Ân nhân cao thượng và lũ tiểu nhân khốn nạn, người ta gặp một lần trong quán trọ đường xa và người ta gặp hàng ngày suốt mấy chục năm vì chung đường, chung ngõ, chung cổng, chung ngôi nhà....

Lại có người mà ta chỉ kịp nhìn thấy đôi chân thò ra trong chiếc chiếu đắp bên đường bên cạnh nén nhang tai nạn...

Đó là hồn ma chẳng, ai đòi nợ và ai trả nợ...? Ai có nhiều đêm như thế và ai vô tình chẳng bao giờ có một đêm như thế?...

## VƯỜN KHUYA

Không có gì hiền lành, đáng yêu như khu vườn trưa lặng lẽ. Cây cối là người bạn hiền, buông từng lời thủ thủ chan chứa mà xanh trong từng chiếc lá. Cao nhất là cây dừa, cành gầy guộc là cây bưởi. Chắc ba ngày từ gốc cho người bé đùa chơi là cây ổi đã tróc vỏ, trơ ra ánh đồng đều nhẵn thín. Thấp lè tè là bụi xương xông, rau răm chỗ gần bờ chiếc giếng thơi luôn ẩm ướt.... Có thể nghe được tiếng xạc xào của những bụi chuối phát ra từ những lá cờ xanh đùa trong gió tả tơi mà không hề buồn nản hoặc tiếng lộp bộp ngày mưa như tiếng lòng ai đợi chờ, đợi chờ gì thì chỉ tàu chuối biết.

Nhưng đêm về, nhất là những đêm cuối tháng không trăng, cùng với cả làng quê và những cánh đồng êm ả thì vườn khuya trở lên tĩnh mịch rợn rùng.

Góc vườn trở lên hoang vu, có kẻ nào rình rập trong khóm nghệ khóm riềng như đang ngồi thu lu chờ ta đến mới "oà" một cái. Cành na đu đưa, ta đi qua nó đánh ngang một cái vào vai như cánh tay kẻ muốn đánh ta để chạy thoát thân. Tất cả toàn một màu đen huyền, đen thẫm, đen kịt, đen đe dọa một màu đen của im lặng, của rình mò. Hay là những người bạn xanh hiền lành bỗng bây giờ trở lên độc ác, sẵn sàng dương mọi thứ khí giới ra để ngăn cản ta không được đến gần. Càng khuya, tiếng dế nỉ non càng phụ họa, một con gì đập cánh, ta chỉ nghe thấy mà không nhìn thấy. Hay là ai ném cái gì, may mà ta tránh được nên không trúng vào đầu?

Cả màu vàng hoa cải, màu trắng bông huệ, chắt ngát hoa ngâu, khóm hồng hiền dịu.... lúc này đã thành một màu đen dử dội tạo ra một thế giới đậm đặc nhưng xù xì hình khối to, nhỏ, thấp, cao....

Cho đến sáng hôm sau, bình minh loé lên, gió tươi ngả mình lướt tới, cây cối lại xanh rờn tươi mát, thăm thì trò chuyện cùng ta.

Thì ra cây cối nghìn năm vẫn bạn hiền như thế, cứ xanh lá tươi hoa, ngọt quả, dịu dàng cho ta đi trong vòm và hương vị ứ tràn hạnh phúc. Chỉ tại cái mắt ta thôi. Tại ta phủ lòng ta, điều cảm nghĩ của ta lên vườn, nên vườn khuya đổi khác chứ lòng vườn không hề đổi khác. Vườn vẫn là người bạn xanh triu mến muôn đời.

## *Tản văn*

### CANH CUA THIÊN LÝ

Không ai nấu hoa thiên lý với thịt lợn, thịt bò. Nó không hợp duyên nhau, hay vì ưa nay dân ta vốn nghèo, không phải luôn có thịt cá qua suốt chặng đường dài thời gian, thành thói quen tập quán. Nhà có giàn thiên lý. Mấy cái cọc tre, dăm thanh khác gác lên, ít cành rào vút lên đó. Nhà khá thì đan mấy cái mắt cáo có hoa thị cho nắng gắt chiều hè lọc qua đây, phần chói chang bị ngăn lại, trong nhà mát dịu đi.

Mùa hè, chiều gió nam,, đêm trăng sáng, bắc cái chõng ra dưới giàn thiên lý đón bóng cây lay động, nhận hương thơm thoáng xa thật dễ chịu. Tắm xong mấy gầu nước giếng khơi mát lạnh tỉnh người ngồi xuống cạnh mâm cơm húp bát canh cua thiên lý, cái mệt biến hết, chỉ còn hương quê mơ hồ lãng đãng không biết từ đâu ra.

Người đi làm đồng mang theo cái giỏ. Tháng sáu, cua bò ra chân lúa, cứ việc nhặt cho vào giỏ. Chiều về thành bát canh thơm. Loáng thoáng mấy nhánh lá xanh, dăm chùm hoa mỏng mảnh còn màu lá mạ, đúng là màu "thiên lý", màu thất lưỡng trinh nữ một thời làm mê đắm bao chàng trai mộc mạc. Bát chiết yêu ấy ngọt thanh man mát, dịu dịu, thơm như tâm hồn ta nhẹ bẫng, cất đi bao nhọc nhằn.



Canh cua thiên lý không có mùi gậy của mỡ bò, không xao lên những vòng tròn mỡ lợn quá béo, không tanh tươi mùi lươn vị cá. Nó không rớt như rau đay mừng tươi, mà cứ thoang thoảng mùi cốm non pha một chút gió đầm sen, một nhánh cỏ mật, một chút hương ngâu, hương cau, chính xác là mùi hoa thiên lý có từ ngàn xưa để lại.

Sẵn vại cà nén mặn, quả cà đã trong ra và giòn tan, nó đã chìm đắm bao ngày trong muối, nay là bạn đồng hành nâng vị canh cua thiên lý nên như kẻ tung người hứng, thành đặc phẩm.

Người thành phố ít được biết đến hương mộc mạc đồng quê của thiên lý, thứ hoa để gài đầu con gái, để nấu canh ăn, cứ mơ hồ dâng mắc hương thơm thanh khiết. Ăn nó trong cảnh tĩnh lặng thanh khiết, trong trắng trong gió, trong yên vui sum họp...thì nó vượt cả gà tần hắc mùi thuốc bắc, vượt chim quay cứng quèo khô khốc, vượt lẫu lươn tanh lờm, vượt tái dê hơi hoi...

Ai có dịp một lần về quê hương, được ăn một bát canh cua thiên lý, chỉ mới nâng lên ngang cằm.... đã có bao cảm giác thân thương.... thì chắc nhớ nó suốt đời. Cứ thử mà xem.

## MẢNH SÀNH

Khi thời đại đồ nhôm, đồ nhựa chưa xuất hiện thì đồ đồng hằng quen thuộc hàng nghìn năm. Song song với đồ đồng của tầng lớp giàu sang phú quý, "ra hán vào hàn", lựa là găm vóc.... thì con người gắn bó hàng ngày với đồ gốm, nói cách khác là đồ đất. Chiếc chum đựng tương, chiếc lọ đựng đồ, cái vại đầy nước mưa, cái ang cho lợn ăn, chiếc bát đũa trong bữa cơm, chiếc bình hương men nâu, gọi là sành, màu da lươn, trên bàn thờ thiêng liêng, đến cái chậu hình nón cụt lật ngửa.... trong hàng vạn làng xã tre xanh lặng lẽ, trong đó là nhà cụ kị ta, ông bà ta, cho đến ta ra đời, từ đó bước chân đi....ai chẳng từng nâng trong tay mình một thứ đồ gốm, đồ sành, cũng là đồ đất- nào đó.

Quen thuộc và thành rẻ rúng, nên mới có câu đầy khinh thị và kiêu ngạo:

*Chuông khánh còn chẳng ăn ai*

*Huống chi mảnh chĩnh vút ngoài bờ tre*

Thưa vâng. Chuông bằng đồng, khánh bằng đá. Còn mảnh chĩnh, một mảnh vỡ nhỏ nhoi thì chẳng còn giá trị gì, nó lẩn lóc, âm thầm, nó lặn chìm mất tăm, nó chết đi nơi gốc tre, bãi rác, trong bùn tối.... không còn ai một chút đoái hoài.

Ngoại trừ mảnh gốm trong ngôi mộ hình thuyền đào được trong khảo cổ là giá trị, vì nó nói được, còn ngoài ra đã là mảnh sành, mảnh

chính thì có khi còn oan uổng lúc nó cửa róm máu bàn chân trần nên còn bị cái bực tức ném nó, quăng nó xa hơn.

Chiếc nồi hông đỏ au chì đi gánh nước chiều hôm. Cái niêu một thối chút tấm đỡ lòng... khi rạn nứt may ra còn được làm chiếc nồi rang, lòng màu xám còn lưng áo đen kịt khói than, mùa đông thức dậy món ngô rang, hạt rẻ hay chút muối vàng.... còn chiếc bát đàn, cái ang, cái chĩnh.... lại trở về cùng đất, mảnh đất hoang sơ, chỉ lá tre và cỏ úa, chỉ cây cỏ sữa vú bò làm bạn....

Không hiểu những cung phi, hoàng hậu, phu nhân, mệnh phụ, có ai rửa mặt trong cái chậu sành hình nón cụt lật ngửa? Và những cái chậu ấy đã vỡ nát, đã nằm trong gốc lũy tre nào. Chắc hẳn lúc đó không có ai đi mua sắt vụn, nhôm vụn, nhựa cũ.... vậy có ai đi mua mảnh sành cũ không nhỉ?

Nơi ta đang ở, đang đi, nếu đào sâu lòng đất, mảnh sành nào hiện lên, sẽ nói điều gì về đất nước tổ tiên?

## MƯA QUÊ

Nguyễn Bính có câu thơ: "Gió mưa là bệnh của giời...."

Hôm nào bệnh nặng thì nước mắt rùng rùng, chan chứa. Hôm nào buồn thì trứng xoá mên mang. Mưa thành phố bắt mọi người vội vàng. Mưa làng quê sao mà bẻ bai, dai dẳng, chậm chậm, lê thê....

Những khoảng sân đất dềnh lên, những con đường ngoằn nghèo nhào ra càng thưa vắng bàn chân trần bám đốt vào bùn cho đỡ trơn khỏi ngã. Cây chuối, cành tre, ngọn bưởi, gốc khoai ráy cuối rào cừ trĩu nặng nỗi buồn không hiểu tại sao lá mình nặng thế.

Nếu sáng tinh mơ, bệnh trời đã rỉ rả tuôn trào thì cây cày đành hoãn lại, ngồi trong cửa nhìn ra, chỉ "nghe" thấy tấm màn xô xiên chéo, đôi khi phả ra một hơi lạnh, ủa vào khung cửa cùng nỗi ẩm ướt như một nhớ nhung, mà chả biết nhớ nhung gì, nhớ nhung ai.

Hút thuốc lão vật nhiều cũng chán, ai đó rang mẻ ngô già mà nhấm nháp cho qua ngày mờ mịt xóm thôn. Có ai nói: Nhà em ơi, hôm nay mình làm món muối vừng đi. Mưa còn dai đấy....

Con mương đầu làng hôm qua trong vắt màu nước xanh đen, hôm nay đỏ lờ như nước gạch cua, có người đội chiếc nón mê cứ ngửa lưng ra mà kéo chiếc vó cạnh khung rau muống phởn phơ xanh rờn những tay rau được vươn ra ngoài khung mà no nê mưa gió.

Thành phố có ngày chủ nhật, người rủ nhau rong chơi. Mưa là chủ nhật của làng quê, nhưng mỗi căn nhà, mỗi khoang sân thành ốc

đảo. Chỉ trừ ai định đi tát nước trên đồng vàn đồng cao là được nghỉ thoả thích, còn tùy công việc để đẩy, người nghỉ ngơi buồn, mai việc ùn lên, vẫn cứ phải vất sức ra mà thi với nắng trời, gió táp hay đường xa, quán chợ nhọc nhằn....

Nghìn năm trước và nghìn năm sau nữa, mưa quê có giống hôm nay khiến ta thấy trấu cấn trong lưng?

## QUÀ RONG

Thời hiện đại, có những nhà hàng quảng cáo một bữa ăn trưa vài ba trăm nghìn, bằng lương hưu một tháng của người thợ, thì trên đường phố, ta vẫn luôn gặp những hàng quà rong cổ truyền, cổ hữu, rẻ đến không ngờ nhưng quen thuộc thì đã từ lâu lắm: Chiếc bánh đa nướng, mấy viên lạc rang, nắm củ ấu có hai gai nhọn, mớ lạc luộc gù như chiếc bấu con lạc đà, củ khoai luộc có mật chảy ra óng ánh đầy hấp dẫn, khúc sắn dây càng nhai càng bùi, cái sơ nó làm sạch hàm răng, hoặc chiếc bánh chuối rán, chiếc bánh khúc có xôi trắng tinh làm áo loang lổ còn âm ẩm cùng là trăm nghìn thứ khác mà chắc là chúng đã được sàng lọc qua bao năm tháng từ cụ kỵ chúng ta đã làm ra nó, đã ăn nó, đã mang niềm vui từng bừng cho bao kiếp người từng lam lũ thiếu nghèo.

Không ai đi bán rong thứ bánh bích quy cao cấp hay kẹo súc cù là có đựng rượu trong mỗi chiếc kẹo, cũng không ai bán rong thứ bánh ga tô có hình hoa lá bằng kem mát tê đầu lưỡi. Nó sang trọng, đắt tiền quá chăng? Có thể.

Chúng ta từng quen với quả nhót đầu mùa vào tháng hai, quả dưa chuột tháng ba, thanh kẹo lạc như quân bài tam cúc nơi nhà ga bến xe, miếng bánh đa kê lạ miệng buổi trưa hè trời huu huu gió.... Ta ăn món quà rong, hay ta ăn món kỷ niệm của thời thơ ấu đã xa xăm khuất lấp chìm vào tuổi bé, tuổi không bao giờ trở lại cho mỗi con người?

Ai làm ra những món quà rong rẻ tiền như thế? Cũng là người nghèo thôi, làm kiểu "nghiep du" thôi, để chủ yếu bán cho người nghèo, người thích lang thang, người ưa bụi bặm, người dễ tính nhưng lặng lòng với quê nhà bất kể gần xa....

Chiếc bánh đa nướng vào mâm mộc tồn đã khác. Viên lạc rang trong bữa chả cá heo heo mưa lạnh cũng đã khác. Nhưng chiếc củ ấu, củ khoai mẹ mua ngoài đường phố về cho con thì hình như vẫn mang hình hài và tâm niệm từ thuở sơ khai, từ chiếc ao làng, căn bếp đầy bồ hóng.... mà ta quên lãng đã bao năm.

Trong những món quà rong rẻ tiền đến không ngờ kia, ai đang ăn nó mỗi ngày, ai đang nhớ nó mỗi chiều.... xen vào những cao lương mỹ vị nơi lầu son gác tía.... người ấy nghĩ gì, ta không biết. Nhưng hiển nhiên là quà rong vẫn còn ngay bên ta, nó có lời nói riêng và tâm hồn riêng chẳng để ta không thể nào quên một điều gì trong sâu thẳm...

## QUẢ THU

Mùa thu là mùa quả chín. Không hiểu từ lúc quả còn non đến khi quả chín thì bao nhiêu màu xanh ấy bay đi đâu biến vào đâu hết nhỉ? Còn các màu khác cũng từ đâu bay đến, từ đâu hiện ra, tự mình nhuộm vào quả hay có một bàn tay khổng lồ cầm chiếc bút vẽ vĩ đại mà phết vào các màu lên quả?

Màu đỏ của quả hồng Nhân Hậu. Màu vàng thẫm hơi xấu xí của quả sấu tím trên cao. Màu vàng ươm buồng chuối trứng cuốc, màu hồng của quả bưởi đào, màu da cam của quả quýt, màu vàng chanh của quả thị cho chí màu xanh như ngọc lưu ly trong từng hạt cốm vừa mềm mại vừa thơm thoảng....

Lạ hơn nữa, đến vùng trăng vào thu cũng chín vàng, ngày lễ phá cỗ, trăng tròn trịa như chiếc đĩa để ta đặt mọi loài hoa quả vào lòng đĩa cho thêm thơm, thêm sáng, thêm ngọt, thêm bùi.... Và bản thân mặt trăng hình như cũng đã thành một loài quả, ta mong chờ suốt từ trung thu năm ngoái cho đến nay. Có một nhà thơ xưa đã viết trong đêm trăng:

*Ngừng đầu nhìn trăng sang*

*Cúi đầu nhớ cố hương.....*

Còn chúng ta, sung sướng thay, ta đang ở giữa quê hương mình đây, một quê hương ngập tràn hoa quả bốn mùa, mà mùa thu là mùa nhiều quả chín ngọt ngon hạng nhất. Ta tự đếm thầm mà xem, ta đã



nhìn thấy đã được nếm.... bao nhiêu loài quả từ thuở ấu thơ đến bây giờ, và vào mùa thu có bao nhiêu loài quả?

Mâm cỗ trông trăng không bao giờ thiếu các loài quả. Bánh trái, đèn nến và bao nhiêu thứ khác nữa, thật thích, thật ngon, thật đẹp.... nhưng không thể thiếu nhiều loài quả ngọt thơm. Đó là tấm lòng của đất nước gửi về cho mỗi con người, là tình thơm thảo của quê hương xứ sở cho mỗi chúng ta.

Hương thì thơm, hình thì đẹp, vị thì ngon, màu sắc thì cứ như cầu vồng đọng lại... quả mùa thu cho ta đầy, cho ta tất cả, cho ta đầy thương mến và bao dung như mẹ từng cho ta, đang cho ta và còn mãi mãi cho ta đến đời đời không với cạn....

## RAU MẢNH BÁT

Đó là thời chưa xa, làng thôn nào cũng dày đặc những lũy tre bao bọc, êm đềm mát rượi và gợi niềm thương nhớ của muôn lòng. Trên những lũy tre ấy luôn có lời mời gọi con mắt trẻ thơ. Những giây bạc thau một mặt lá xanh màu lá mạ còn mặt lá bên kia trắng như phủ bạc, lại mượt mà như hàng lông tơ trên chiếc sừng hươu non gọi là nhung. Lá bạc thau để làm gì không biết nhưng với trẻ thơ, nó là thứ để chơi đồ hàng ngày này sang tháng khác không chán. Lá tiết dê lại khác, hai mặt như nhau, cùng bóng lộn, không hề đỏ như máu con dê, con gà khi người lớn cắt tiết. Nó cứ xanh, xanh một đời, xanh nhiều đời. Ai đau mắt, đi tìm lá tiết dê, vò nát ra, chắt lấy nước, đựng vào đĩa, phơi ngoài sương một đêm, hôm sau sẽ có một đĩa thạch mát lạnh, đông đặc ngon lành, không ăn được, nhưng đắp lên mắt thì chỉ một hai lần như thế là khỏi.

Tôi còn yêu thứ lá khác hơn. Ai chẳng từng đi câu. Con cá rô ao nhà, béo tròn trũng trục, mồi trắng cả đầu. Có mấy con như thế, chiều nấu bát canh, ngon phải biết, ngon suốt đời. Không phải mùa rau cải, rau ngót, rau sắng thì lũy tre kia, có vô vàn rau mảnh bát. Nó xanh ngắt, nó ngọt lịm, nó có màu và vị giống hệt rau ngót, rau sắng. Nó cũng không giống mảnh bát mảnh đĩa vỡ vì nó hình bầu dục hơi thon ở giữa. Thói quen chẳng hay mảnh bát là thứ bỏ đi, chẳng ai còn quý trọng, ngoại trừ ai đi câu được con cá rô mà nấu bát canh chiều đấy háo hức của tuổi thơ những làng thôn xa vắng?

Quả cây mảnh bát màu đỏ tươi đẹp như một thứ quả thần tiên. Chỉ tiếc nó quá đắng, không ai ăn được. Riêng lá mảnh bát thì đi đâu ta cũng gặp, hái bao nhiêu cũng không hết, ăn mãi vẫn còn ngon, bao năm luôn nhớ nó....

Làng quê mến thương ơi, nay xi măng nhiều hơn lũy tre, tôi đi qua nhiều vùng quê, hiếm thấy những lũy tre xanh biếc muôn đời, và mất đi theo nó là những dây bạc thau, tiết dê, mảnh bát thần tiên của tuổi thơ như một thời từng có chưa xa. Nỗi nhớ tiếc này âm thầm, nhiều khi tôi không biết ngỏ cùng ai. Có thể nào sẽ mất đi hoàn toàn những sản vật hoang dại nhưng then thương của thời gian. Nếu như thế thì thở dài bao nhiêu cho đủ.

## CHIM THÀNH PHỐ

Thành phố sinh ra không phải để cho chim đến ở, cũng như chim sinh ra không phải để cho người thành phố nhốt chúng vào lồng làm thú chơi cho mình bằng cách bắt chim bị án tù có thời hạn hoặc tù chung thân đến khi chim chết trong chiếc nhà ngục thảm thương ấy.

Tiếng sơn ca là của cánh đồng bát ngát. Chim vút vút gọi mưa trong lùm tre. Bóng dáng con chào mào, chèo bẻo trên cây xanh, trong vườn ổi chín, na thơm, chay chín nục. Đàn sáo trên cây hoa gạo đầu làng, con giang sơn sếu nơi bờ sông, đầm rộng.... cho chí con gà tre trong rừng, con trĩ, con công sống cùng hoang dã.... muôn loài chim có đôi cánh không phải để rã rượi trong chiếc lồng dù sơn son hay mạ vàng. mạ bạc, có công sứ đựng nước, đựng kê trộn lòng đỏ trứng gà.

Khốn khổ cho kiếp chim thành phố, chúng nhảy nhót suốt ngày, tưởng đâu sau chiếc nan tre mỏng manh nhưng bền chắc kia là khoảng trời tự do chờ đợi.... Chúng nhảy đến rặng lông đuôi, xước lông cổ.... cuối cùng vẫn là tù giam mòn mỏi.

Con chim bồ câu tượng trưng cho hoà bình là đẹp, rất đẹp. Nó hiền lành, nó không hề hại ai, không hót ru dương nhưng cũng không là tiếng rít của con chim lợn, không có móng sắc như đại bàng. Đúng nó là con chim đáng yêu. Nhưng đứng về khía cạnh loài chim, thì con

bồ câu đã bị khai trừ ra khỏi loài, vì chỉ biết sống trong chiếc chuồng do con người làm cho. Thức ăn cũng do con người bố thí.

Chim là tự do, từ con chim cánh cụt nơi băng giá đến con chim sâu nơi vườn quê, con giẽ giun, con diều hâu bắt chuột, con cò lặn lội, con vạc đi đêm... đôi cánh chim sinh ra để đập tung ngọn gió, lao vào vô định và xanh thẳm, bắt chấp nắng mưa sớm tối...

Thành phố, đến những con chim sẻ cũng bị những tay súng săn đuổi, từ súng hơi đến súng cao su. Hoạ hoàn về đêm, một tiếng chim lợn xoẹt qua mái nhà. Một tiếng vạc rơi sâu lạc lõng vào giấc chập chờn mộng mị kẻ chờ mong... Có phải chim thở than hộ kiếp người chật chội trong thành phố, nóng thì nóng thật, rét thì thật rét. Đi là va vào nhau. Không còn chỗ cho gió thở, khác hẳn loài chim tha hồ vùng vẫy vẫn mệnh mông....

Và không hiểu có con chim nào nảy ra ý nghĩ muốn phá tung những chiếc lồng đang giam bạn nó không nhỉ?

## ĐÚT GÁNH

Có những người đường xa gánh nặng, có lẽ vì quá nặng và vì cả cái đòn gánh đã cũ, đột nhiên cái đòn gánh gãy, thế là tung toé thóc gạo hay một thứ hàng hoá gì đó. Chiếc đòn gánh thì tung lên và bắn ra xa, tay người gánh không đỡ kịp, có khi làm vỡ đầu một ai đó nếu cái đòn gánh rơi trúng.

Ấy là chuyện đứt gánh thông thường, cụ thể. Còn bao nhiêu nỗi đứt gánh khác đau đớn hơn, thất vọng hơn. Đôi vợ chồng tưởng sống chung đến đầu bạc răng long, không ngờ hoặc cơm chẳng lành canh chẳng ngọt, hoặc bệnh tật, tai nạn, một người ra đi, người còn lại thành đứt gánh giữa đường. Rồi phải sống ra sao đây, đường xa một mình, đoạn trường này ai thấu, ai sẻ chia nâng đỡ? Xung quanh ta, người đứt gánh như thế nhiều lắm.

Còn nỗi đứt gánh khác nữa mà chúng ta vô tình, nên nó ít làm ta cảm động phải chia buồn hay giúp đỡ. Đó là những con người thời trẻ từng có đôi ba bài thơ hay, cái chuyện ngắn khá, một vài bản nhạc nghe được, mấy bức tranh tuy nguệch ngoạc nhưng không đến nỗi nào. "Tác giả" ấy nấu nung, tự mình cho là thiên tài, là thần đồng, là vĩ đại hoặc chí ít, người khiêm tốn nghĩ rằng mình sẽ đi trên con đường ấy suốt đời, có thể có "một dòng tên trong từ điển Larousse". Bẵng đi, bao nhiêu gió mưa, bão táp và thay đổi, tuần hoàn dồn dập.... mỗi người là một chiếc thuyền nan phải tự mình vượt lên sóng cả. Người ta không thấy tác giả kia nữa. Thì ra anh ta đã "Đứt gánh giữa đường".

Phải có bao nhiêu Nguyễn Du đứt gánh mới có một tác giả truyện Kiều. Bao nhiêu Măcxim Goorki lót đường mới có một Goorki. Bao nhiêu người mơ thành Tolstôi, thành Máckét, thành Uýtman.... nhưng đời chỉ có một ông mang tên đó, còn hàng nghìn, hàng triệu đã nằm đâu không rõ, đã đứt gánh ở đâu không biết. Nỗi đứt gánh này ít ai tỏ tường và rõ cho một rọt nước mắt. Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam đã gánh đi hết đường mình. May cho các ông lắm. Mừng nữa. Nhưng còn bao nhiêu nỗi dở dang cứ âm thầm chìm khuất, lấp đi theo thời gian, không một âm vang, chẳng một đoái hoài. Họ có thành hồn ma vất vưởng lang thang trong cõi vô định lơ lửng hay có người khôn ngoan, tỉnh táo, kịp thời rẽ sang đường khác để thành công, nghìn xưa đã vậy. Chắc nghìn sau vẫn thế trên đường đời.

## HẠT BỤI

Đã làm thân bụi hoặc cát bụi thì phải chịu phận nhỏ nhoi. Nếu bụi to thì đó là bó rác, đống rác, con chuột chết. Nếu cát to thì đã thành hòn sỏi, viên cuội có thể lăn đi chứ không chịu kiếp lặn chìm. Kinh Thánh có câu: Cát bụi lại trở về cát bụi.....là nghĩa thế nào?

So với vũ trụ bao la không tuổi (vũ trụ theo các nhà khoa học đã mang 14 tỷ năm, nhưng ai mà kiểm chứng được) thì ta chỉ là hạt bụi của hạt bụi. Nhưng ta so với đời ta thì ta lớn lắm, quan trọng lắm.

Xem kia, khi đứa trẻ sắp lọt lòng, bao nhiêu người lo lắng. Mẹ, cha, ông bà, họ hàng và cả xóm giềng hỏi han tíu tít, thăm nom. Một con người vừa mới có mặt, không đáng quan trọng ư? Còn một đám tang, người chết đâu chỉ có chết một mình mà còn hàng nghìn người liên quan, người đưa đám, người đào huyệt, người đọc điều văn, người chia buồn, phúng viếng..... Người chết là chủ gia đình, là nhân vật thì còn liên quan đông đảo hơn nữa. "Hạt Bụi" ấy có đúng là hạt bụi? Thế mới biết, tùy cách sống ta, ta sẽ làm gì, bụi, cát bụi, hay to hơn hoặc chẳng là gì cả.

Từ con người đầu tiên, đã có bao nhiêu triệu người sinh ra, sống trên mặt đất? Không có Sổ Cái để ghi hết, mà nếu có một cuốn cái như thế thì nó phải to bao nhiêu, bao nhiêu tỷ trang, dày ra sao và nặng thế nào. Vậy thì hạt bụi đâu có nhỏ. Chẳng khác nào một hạt bụi đâu có nhỏ. Chẳng khác nào một hạt bụi không nhìn thấy làm mắt ta cứ kệnh lên, nhức nhối.... không yên vì nó.



Dòng đời trôi đi, trôi mãi. Mỗi trăm năm có bao nhiêu cái tên người còn lại? Họ về với cát bụi rồi nhưng họ trở lại với lòng người, trí nhớ con người, không tan biến như làn khói, giọt sương. Họ là cái dấu nung đỏ, đóng vết lửa vào nhân loại, đâu phải chuyện k hông từng có.

Nay, nhiều nhà giàu dùng máy hút bụi. Nếu Tạo Hoá cũng có một cái máy hút bụi khổng lồ thì "tắm thân cát bụi" của kiếp người nhỏ bé sẽ ra sao?

Cái to lớn của một con người, quan trọng của một con người so với vũ trụ to lớn kia, quan trọng kia..... bên nào làm đòn cân chúi xuống? Tùy ta thôi, cát bụi hay không cát bụi cũng tùy ta thôi.

## HOA NGƯỜI

Có bao nhiêu là loài hoa khác nhau, từ hoa dại đến hoa trồng, từ màu sắc đến hương thơm, từ dáng cây đến vẻ cảnh to nhỏ... từ đồi hoang đến đồng bằng, từ trên cạn đến dưới nước, từ bờ rào đến chậu sứ trên ban công....

Người yêu hoa, chơi hoa, cũng như hoa, không giống nhau. Người thích hoa sen trắng vì nó thanh khiết cao thượng, người lại ưa sen hồng vì nó rực rỡ. Người bảo hoa hồng quý phái, kiêu sa, nồng nàn, người khác lại cho rằng cúc mới là loài hoa quý vì nó thanh cao. Hoa mai vàng và hoa mai trắng tìm lấy tri kỷ của mình. Hoa đào bích và đào phai, cả đào ta 5 cánh phớt hồng và mỏng mảnh.... vẫn có bạn riêng yêu quý. Cao tit là hoa phượng, hoa gạo, hoa vông, chẳng ai ép ai phải yêu hoa này ghét hoa kia. Cho đến loài hoa nhỏ nhoi hoang dã là hoa mồm chó, mọc lẫn trong cỏ, tím lam, chỉ nhỏ bằng nửa hạt ngô khi mãn khai, cành như chiếc tăm, bị ngắt, nửa giờ đã phai tàn héo úa, có nét gì đó giống hoa đồng thảo gọi là Viôlét, giống hoa chân tím tím cành cao, giống hoa mồm sói xum xuê mỗi cành hàng chục bông, có nhiều màu.... vì tất cả đều thuộc họ "hoa môi" cũng có nhiều người mê thích.

Hình như trù loài hoa là trăm kỷ niệm của mỗi đời người, yêu nó vì nó hiện ra là thức dậy lòng ta dáng hình đã in sâu trong ký ức, trong mong nhớ, trong xa xăm....

Hoa phù dung mỗi ngày thay ba sắc: Sáng trắng, trưa hồng, chiều tím, không phải là Thủy phù dung của Trung Quốc tức hoa sen.

Mẫu đơn của chùa chiền Việt Nam khác hẳn mẫu đơn của hoàng đế Võ Tắc Thiên, ta yêu hoa vì nó khiêm nhường, trầm lặng góc sân chùa tịnh mịch, cũng như hoa chua me bên bờ ruộng là quê hương gợi nhớ mộc mạc, đã có lần ai kia dúm vào tay ta vài ba cánh nhỏ nhoi thay lời nói.

Hoa mua, hoa sim làm ta nhớ đến cuộc hành trình lên trung du có suối bên đường và con đường ngoằn ngoèo cao thấp, còn hoa ty gön là trái tim yếu ớt đón thu về mong đợi người đi.

Tuỳ vào tâm hồn ta mà có tâm hồn theo đó chẳng? Hoa bướm vườn làng, hoa súng ao quê, hoa hải đường trên bàn thờ ngày tết.... đã gắn bó gì với tâm trạng ta khi ngắm một sắc màu lâu lâu mới gặp lại nhau, gặp lại hoa như gặp lại Người Hoa ấy....

Người xưa ơi, người có đem theo bông hoa "thuở ấy" về không, ta vẫn đợi suốt một đời người thương nhớ đấy.

## HOA XUÂN

Tại sao lá bàng đón mùa đông bằng màu đỏ trên những chiếc lá vốn là màu xanh mát dịu cả trong nắng hè. Cây lấy màu đỏ ở đâu ra hay là trời rót màu đỏ ấy trong những chiếc bình vô hình khổng lồ đựng màu đỏ của hoa gạo tháng Ba, hoa vông tháng Tư, hoa phượng tháng Năm, hoa lựu tháng Sáu.... để nhuộm cho đất trời ấm áp trong rét mướt đầy màu mây u ám?

Mà cũng có thể màu đỏ lá bàng là những lá thư báo trước cho mọi người biết rằng sắp lộng một trời đất đầy hoa đỏ mùa xuân, thứ hoa chỉ từng bừng trong nắng dịu, trong mưa phấn, trong hồn người tươi mới gọi là mùa Xuân. Đó là màu đỏ Hoa Đào, tươi thắm thiết là hoa đào bích, đỏ hồng dịu dàng là hoa đào phai, đỏ phơn phớt mong manh là hoa đào ta, thứ đào ăn quả, mọc bạt ngàn các tỉnh biên giới phía Bắc, các tỉnh miền núi....

Cũng lạ cho tự nhiên vũ trụ, tại sao mọi lá cây khi còn là búp lá thì xanh rờn, xanh mướt, xanh lục, xanh tươi, còn lá cây đề, lá cây Bằng Lăng khi là búp thì mang màu tím, một loài tím đỏ như màu đồng điệu. Hay là trời rót hoa đào mùa xuân xuống trần gian chưa thoả nên thêm một ít màu tím đỏ cho cây cối khỏi thòm thềm hương sắc. Khi lá Đề, lá Bằng Lăng già mới chuyển thành màu xanh, báo tin mùa hè đã tới....

Vườn ta ở trong quê, đôi khi ta gặp một gốc hoa đào, lá đào ta, nhưng ít khi đậu thành quả ngọt. Còn cây mơ cùng với họ đào, cây mận cũng thế, hoa lại trắng muốt như băng tuyết, hoa nói điều gì nhỉ

hay là hoa mời mùa xuân về để hoà vào hồn ta niềm trong trắng, niềm tươi mới chỉ có tuổi hoa niên mới có và nhắc ta giữ gìn cho chọn vẹn?

Không ai biết được cụ thể, đích xác. Nhưng ai cũng có thể cảm thông niềm vui trong trời đất mùa xuân ấy.

Người ta thường nói "Người là hoa của đất" ta còn có thể hiểu: Đất nở hoa cũng là nở ra những đoá tâm hồn cho con người sống thêm tốt đẹp.

Mùa xuân rồi. Nào, hãy thử tính xem ta biết được bao nhiêu loài hoa đẹp, có sắc màu, có hương ngát quanh ta?

## *Tuỳ bút*

### HƯƠNG ĐẦU HÈ

Hoa nhài gọi mùa hè về từ những buổi tối ngát hương khi những đám mây còn mơ ngủ chưa chịu thức lên cùng hồi sớm và chớp loé phía chân trời.

Loa kèn không còn mang cái loa ra kêu gọi mùa xuân ở lại, mà mùa xuân đã tự thấy mình già, muốn được nghỉ ngơi sau khi vất kiệt sức mình vào hoa đào và mưa bụi giăng giăng.

Ta đã thấp thoáng nghe trong mình thêm một bát canh cua rau mùng tơi, kèm quả cà pháo ròn tan. Những nghệ sĩ vĩ cầm còn đang tìm đường trở lại dương gian trên những gốc cây một mùa lạnh lẽ. Đôi cánh mỏng có những đường gân như cánh chuồn chuồn, giấy lát thành hình từ cái bụng nứt đôi của một loài sâu giống hệt con dế chũi. Mấy hôm nữa thôi, một tiếng cất lên, một dàn âm thanh âm vang cứ như mọi chiếc lá xanh mới sinh ra từ hôm xuân đến, đều biết hát lên tiếng nói của màu xanh diệp lục, màu đỏ hoa phượng, màu tím bằng lăng mà loài người dù thông minh đến đâu cũng không thể hoá thân, không thể tàng hình như thế.

Ta gói đầu lên mùa hè khi trong chiếc gói kia ẩn kín một nhánh nhài khiêm nhường suốt đêm phảng phất.

Cứ bắt đầu đi những dòng nhựa cây tự dâng cao tít ngọn cây, không cần thang máy, cho chiếc lá sinh ra liên tiếp, cho nghệ sĩ vĩ cầm kiểng chân mà tấu khúc nhạc hè.

Cây đứng từng mùa trong vòng lối gỗ. Người đứng thời gian vào đâu, trên đường cày nhàu trán hay những sợi mây trắng loà xoà phủ vào ký ức những ô, những hộp, những ngăn đầy áp hình ảnh thu lượm qua những mùa đi.

Nhưng hè ơi, nào ta cùng nhau đồng hành đi tiếp, bắt đầu từ hương nhài đến cuối mùa có mưa tình ái vợ chồng Ngâu da diết nghìn đời.

## RẠNG RỖ MỘT BẮC NINH

Bắc Ninh nằm ở khoảng nào trong đất nước? Câu hỏi có vẻ kỳ cục, buồn cười và hơi ngớ ngẩn. Xin thưa: Không đâu. Ai chẳng biết Bắc Ninh thuộc Kinh Bắc ngày xưa, một trong tứ trấn quanh kinh thành Thăng Long về bốn phía: Đông, Đoài, Nam, Bắc tức tỉnh Đông là Hồng Châu, Đoài là trấn Sơn Tây, Nam là Sơn Nam và Bắc là Kinh Bắc. Có thời Kinh Bắc còn lên tí Bắc Giang, Đồng Mỏ và ăn xuống Đông Ngàn, sát kinh thành. Cao Bá Quát sinh ra vùng Keo Sủi vẫn là Kinh Bắc. Nguyễn Công Hoan, Tô Hiệu sinh ra nơi Huê, nay thuộc Hưng Yên, nhưng ai chẳng biết câu ca:

*Ai về Đồng Tỉnh Huê Cầu*

*Để thương để nhớ để sầu cho ai.*

Huê Cầu chính là Xuân Cầu nằm ven đường quốc lộ số 5. Cụ Hạ Bá Cang tức nhà cách mạng Hoàng Quốc Việt chính là người quê Đáp Cầu (chứ không phải Xuân Cầu hay Huê Cầu), dòng họ Hạ Bá rải ra khắp nước và Đáp Cầu có nhà máy kính đang cung cấp kính cho trăm nơi, ai nhìn xuyên ánh sáng ra ngoài ngôi nhà, ngoài khu siêu thị, ngoài biệt thự lâu đài.... chắc là kính Đáp Cầu góp phần, có mặt....

Hỏi Bắc Ninh nằm ở đâu chính là muốn trả lời rằng Bắc Ninh không chỉ là một vùng đất có sông Cầu, sông Đuống, có núi Phật Tích, Bách Môn, có chùa Dạm, Tiên Sơn, có bánh Phu Thê Đình Bảng, có núi Thiên Thai, có những con người nổi danh như Lê Quang Đạo của Đình Bảng, Hoàng Cầm của Thuận Thành, Ngô Gia Tự của



Tam Sơn, Nguyễn Văn Cừ của Phù Khê v.v... mà Bắc Ninh là vùng nằm sâu thẳm trong lòng người cả nước.

Từ vùng châu thổ sông Hồng qua thủ đô Hà Nội, kinh đô Thăng Long, ai muốn lên biên cương phía Bắc, làm sao không qua Bắc Ninh mà được? Phi Khanh đi đây có qua đây? Ngô Thì Nhậm đi sứ phương Bắc có qua đây? Ông thi sĩ tài hoa bất tử Nguyễn Du mang nàng Kiều về làm dâu đất Việt, Việt hoá cho cô, cho cô tên Việt, tính Việt, vóc dáng Việt để đi vào triệu hồn người Việt, có thể nào cáng vông, ngựa xe của ông lại không qua Bắc Ninh, khi chính người sinh ra ông, vợ thứ của quan Tể tướng, thân phụ ông là cô gái vùng Quan họ, cô gái Bắc Ninh trăm phần trăm, cô gái cho ông dòng máu trữ tình thi sĩ. Và biết đâu, ông chẳng dừng chân, nâng chiếc bầu rượu nấu bằng nếp cái hoa vàng ủ bằng men la hủ ơ cho tấm lưng dài nằm cáng cưỡi ngựa nhiều ngày đỡ mỏi.

Đã có bao nhiêu triệu người sống trong lòng một vùng Bắc Ninh mấy nghìn năm nay, từ khi đây là bộ Vũ Ninh, có chú bé lên ba, chột lớn lên thành Thánh Gióng, đánh giặc, vung roi, tre gãy vụn ra khắp cánh đồng để đời sau, tre có nảy mầm, còn rải rác bao nhiêu khóm tre khắp cánh đồng Lang Tài, Gia Bình, Thuận Thành, Tiên Sơn, núi Và, núi Bò.... cùng với vết chân ngựa thành hồ ao, có hình tròn như con mắt của đất đai, chơ chợp nhìn con cháu ngàn đời đang sống ra sao... đến nay ta vẫn bắt gặp nhiều chiều.

Và bao nhiêu triệu người qua đây từ bấy. Bao nhiêu sản vật núi rừng phải vượt Bắc Ninh về với đồng bằng? Bao nhiêu vật phẩm của đồng bằng vượt Bắc Ninh lên miền rừng núi? Bắc Ninh chứng kiến.

Chắc chắn hàng nghìn năm con đường số một không to rộng, bằng phẳng như ngày nay. Nó cong queo, uốn lượn, nó gập ghềnh khắp khênh gò ghề... nhưng Bắc Ninh thì lan toả, bất chấp thời gian, mưa nắng, bão bùng....

Tại sao cả nước chỉ có một vùng này là Quan họ? Tại sao có đến 49 mà không phải là một, hay hai hoặc con số tượng trưng băm sáu?

Có ai người Việt lại không từng nghe một điệu la hử, một làn Quan họ, cả người trong nước và người xa xứ tha phương lênh đênh chìm nổi? Góc cây đa, con bướm lượn, cánh bèo dạt, đám mây trôi.... bình dị mà cao vời.... như khúc tre thành cây đàn bầu, giống trúc thành cây sáo, đoạn lồ ô thành khúc đàn t'rưng, hòn đá thành cây đàn đá Khánh Sơn... người gái Quan họ, liền chị Quan họ đã không là một đêm hội rồi tan, một canh rồi lặn, mà nó đã đọng lại trong triệu hồn người, phải chăng nó đã là viên cát được cấy vào lòng con trai đáy biển để rồi nó trở thành viên ngọc trai lấp lánh bảy sắc cầu vồng.

Những bãi dài ngô, mía ven con sông Đuống, sông Cầu, con sông đã có nhiều cầu nhưng ai qua Kinh Bắc hình như sóng vẫn vỗ ăm ắp lòng mình, con đò lẳng đặng trông tránh, mà chàng ca sĩ Trương Chi không bao giờ nguôi ngoai trong tình sử, thuyền anh còn chìm trong khúc sông Tương nơi cuối làng Đình Bảng, cạnh ngôi đình nguy nga hiem hoi trên đất Bắc, cạnh bà Lụa ghép cả tên con là Xuân thành bà Lụa Xuân, làm món bánh phu thê lừng danh không ai sánh kịp. Đình Bảng còn đó, tình yêu còn kia, lòng ta đây vẫn vang vọng câu:

*Ngày xưa có anh Trương Chi*

*Người thì thậm xấu hát thì thậm hay*

*Cô My Nương vốn ở lầu Tây*

*Con quan Thừa Tướng ngày rày cấm cung....*

Lời ca đúng là từ Việt cổ, cách nói hoàn toàn Việt, nên ai bảo rằng anh Trương Chi là người Tàu trong chuyện của Tàu thì mặc họ, ta bảo đó là chàng trai Kinh Bắc, Bắc Ninh, cùng với câu ca của thiên tài âm nhạc Văn Cao:

*Ngồi đây ta gõ mạn thuyền ta ca*

*Trái đất còn riêng ta...*

và:

*Trách ai khinh nghèo quên nhau*

*Đôi lúa bên giang đầu....*

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương nổi tiếng một thời, lời lời châu ngọc, sống ở Hà Nội nhưng có cơ sở ở làng Diềm, cao hứng, ông lại đáp tàu lên Bắc Ninh, Phủ Lạng Thương, ghé xuống ga, vào đây để thâu đêm Quan họ, đứng tình cho thơ đẹp mộng đời....

Lò gốm Phù Lãng đang tắt. Nhưng bao đời, bao nhiêu triệu nắm mồ được cải táng, cát táng, thay áo mới, sang nhà mới.... vào dịp cuối năm, phải nhờ đến chiếc tiểu sành màu gan gà, rắn hơn đá, bền hơn thời gian để đặt vào bộ mới (có cả tiểu của Thổ Hà, tuy là Bắc Giang nhưng nằm kề ngay bên bờ sông Cầu, chỉ một lá đà ngang đã xoá nhòa biên giới hai vùng của một Kinh Bắc chung nhau...)

Ai làm tương, đặt chum tương nơi gốc cau, gốc mít, ai có chiếc hũ đựng vừng đựng lạc trong buồng, ai có chục bát sành loe miệng.... Phù Lãng là hồn nó đấy.

Đã bao nhiêu trăm phiên chợ tết làng quê phố huyện, cả chợ tết thị thành, những tờ tranh Đông Hồ được bày ngay trên nền đất chợ, lấy hòn gạch hòn đá đề lên cho gió khỏi bay: tranh Hứng dừa hớ hênh trắng nõn, tranh Đánh ghen nắc nẻ nhịp cười. Tranh đám cưới chuột mèo chuột biếu xén bịt mõm nhau, tranh Hai Bà Trưng cười voi đánh giặc, tranh Gà tranh lợn, ngũ sắc hay, xoáy âm dương.... Tranh ấy đã đi về đâu? đã in vào tâm khảm hàng trăm thế hệ, cả ông nghệ đến thi sĩ, cả cậu bé để tóc trái đào đến cô gái nữ trình xem mà rúc rích đỏ đôi má trẻ... Tiếc sao nay Đông Hồ hờ hắt thời gian, ván khắc nhện chẳng, tro lá tre. vỏ con điệp, quả dành dành để mốc.... Một nỗi buồn như se se heo may làm tâm tư thổn thức như mất một tình yêu không bao giờ còn gặp lại.

Bắc Ninh ở đâu, về đâu?

Bắc Ninh đâu chỉ là quê hương đứa trẻ thiếu cha nhưng trở thành ông vua khai sáng một chiều đại huy hoàng. Lý Công Uẩn trở

thành Thái Tổ nhà Lý? Công của Bắc Ninh phổ vào tâm hồn nhà sư Vạn Hạnh và Khánh Vân chăng? Cũng chính chàng trai này được vợ ông vua đời trước dâng áo hoàng bào. Mục đích là đánh giặc ngoại xâm đang ngấp nghé chốn biên thuỳ. Và ai khác đều không phải cũng chính ông mở con đường cho thành đại La trở lên Thăng Long sắp vào nghìn tuổi?

Gần nghìn năm sau, nơi thờ tám vị vua nếu không nói cả Vua Bà Lý Chiêu Hoàng là 9, có một nhà giáo nhân dân, lại cũng là người được phong anh hùng lao động, ông Nguyễn Đức Thìn, hàng ngày nhang khói cho cả nước cùng hướng về chiêm bái, khiến cả mây trên trời cao cũng đi liền tám khối thành "Bát đế vân du" một điềm báo đẹp.

Bắc Ninh đồng bằng, nhưng đột khởi núi non. Ai đã qua Gia Bình, lên núi Thiên Thai, ngọn núi đã vào Quan Trèo lên đỉnh núi Thiên Thai.... mà nghe gió sông Đuống quạt lên, mà nghe mây trời đậu vào hàng thông vi vút.... mà nơi chân núi không cao không thấp ấy, còn có ngôi miếu nhỏ. Nhỏ lắm, nhưng vào hồn người thì lại rộng bao la. đó là nơi ông Trạng nguyên đầu tiên, Trạng nguyên khai khoa đời Lý, Lê Văn Thịch, người trí thức mở đường khoa cử gần nghìn năm trước.... được phụng thờ, với hình tượng một con rồng bằng đá, không duỗi thẳng thân mình mà bay, mà trườn mà bò... ngược lại, tự oằn oại thân mình, quay lưng lại, tự cắn vào thân mình như muốn nói nỗi oan khiên này ai sáng tỏ?

Đây có phải là con rồng duy nhất trên cả nước có hình thù đặc biệt như thế không, khi mọi văn miếu, mọi cổ thành, mọi cung điện, đền đài... các con rồng dù 4 hay 5 móng, đều uốn dài những khúc lưng mà không con nào co quắp?

Có ai không biết người con gái tựa vào gốc cây hoa lan mà trở thành nguyên phi, hoàng thái hậu? Có ai không biết ngôi chùa Bút Tháp, có tháp cao bằng đá, có hình tượng phồn thực Linga, có cầu quán, từng là nơi được dựng để ghi nhớ thời kỳ thịnh hành đạo Phật Việt Nam, cùng với chùa Dâu Thuận Thành, có tháp vuông rồng ruột

Hoà Phong, 7 tầng, nhưng bão tố làm hư hại chỉ còn ba, nhưng đồ sộ, hiên ngang, thách thức với thời gian, chẳng khác nào sân chùa còn khuôn giếng thơi, nước soi trời trong vắt, hẳn là chiếc gương để sửa tóc vấn khăn của nàng trinh nữ Ý Lan trở thành hoàng hậu và cũng là người xây dựng bao nhiêu chùa tháp Bắc Ninh, mà người đời phải công nhận rằng: Đình Đoài, chùa Bắc, nghĩa là vùng trấn Sơn Tây phía đoài thì đình to đẹp nổi tiếng, nhưng nói đến chùa thì không nơi đâu bằng Bắc Ninh, Kinh Bắc, xem kia, chùa Tiêu, chùa Dạm, chùa Phật Tích, chùa Dâu, chùa Trăm Cửa, chùa Lim...

Làng Đại Bái là đâu, đó chính là làng mang tên nôm làng Bưởi, có nghề đúc nồi đồng điều, gò nồi đồng thau mà có tên là làng Bưởi Nồi. Bao nhiêu nghệ nhân được phong bàn tay vàng hay không được phong vì thời xưa chưa có, ông Nguyễn Đức Chính đang rời làng Bưởi Nồi về sống ở Hà Nội là một. Nghề đúc có từ bao giờ. Mấy làng của Bắc Ninh rời về Thăng Long lập ra làng Ngũ Xã? Pho tượng Trấn Vũ còn đây? Kinh thành Huế cũng có nghề đúc, có lần thấy những chiếc vạc đồng nằm nghiêng ngả giữa sân rêu, lòng vạc có lá vàng rụng với bèo tấm hoang vu.... mà chạnh lòng nhớ về phường thợ đúc đã tiêu tan, phường đúc Huế và phường đúc Đại Bái có đồng môn? Không biết, nhưng Bắc Ninh hiện hình qua bao nhiêu bát nhang bằng đồng, những chân nến, những đỉnh đồng, lư dầu, những âu trầu cho các bà các mẹ bao thời ăn trầu, những lồng ấp đựng than hồng sưởi chân mệnh phụ, tiểu thư.... Bắc Ninh tung đàn con của mình vào đất nước, hào phóng khác gì tình mẹ...

Hỏi Bắc Ninh ở đâu, không còn là buồn cười, ngớ ngẩn. Bắc Ninh nằm trong cả nước, Bắc Ninh đọng giữa muôn hồn. Bắc Ninh trở thành cái nôi Quan họ, thành niềm say đắm dân gian cho thơ cho nhạc cho họa cho tình cho nghĩa....

Vật đổi sao rời.... Văn Miếu Bắc Ninh đang được tu chỉnh. đã có nhiều khu ruộng bỏ lúa trồng hoa đào, Tết của cả nước, Bắc Ninh cũng đang góp thêm phần tươi thắm....

Có một Bắc Ninh rộng mênh mông là thế. Tự hào lắm chứ.

## CHIỀU CUỐI NĂM

Một đời người có bao nhiêu buổi chiều cuối năm? Con số thất thường, nhiều nhất là một năm, ít nhất có khi chỉ một vài còn mơ hồ không nhận biết.

Chiều cuối năm thắc thỏm đợi chờ, hồi hộp đợi mong, hoặc ê chề ngán ngẩm trong tủi buồn thương nhớ? Ai biết được đã có hàng triệu, hàng ức những tâm trạng muôn màu như thế từ khi người ta sinh ra biết mấy yêu thương và đau đớn, biết hạnh phúc đến run rẩy và lê thê niềm cô độc...? Mà đó là chiều cuối năm nào cơ chứ? Năm lịch mặt trời hay năm lịch mặt trăng? Năm con trai hay năm con gái? Năm trinh nguyên hay năm dở dang bẽ bàng? Năm thành công và năm thất bại? Năm con người chưa biết đếm, còn phải dùng cái nút thắt tên sợi dây rừng mà dòng thời gian hay năm đã biết đúc các thước mét cho toàn nhân loại, cất giữ trong nhà hầm của kinh thành Ba lê nước Pháp văn minh? Và ta, năm của mùa sương giá cuối chạp có lá bàng rơi tả tơi cơ quan tổng kết hay năm của những vườn đào đang nóng lòng chờ được về muôn ngả đón xuân?

Ờ, thì cứ cho là năm nào cũng vậy, dù lịch Tây hay lịch ta, năm Chúa ra đời hay năm con gà con ngựa.... năm rắc vôi bột ra sân theo hình cung tên, lá cờ, mặt trăng hay năm đốt nến trên cây thông theo phong tục từ phương trời xa lạ... cuối năm vẫn là hồi hộp của giao thời, hồi hộp của lòng ta náo nức.... như một thuở nào ta hẹn đến gốc cây dưới đầu làng, bên bờ giếng ven thôn, ngã tư đường long lanh ánh sáng.... nơi ấy có những bước chân ta vừa đi, bước chân người đang

tới, có một ranh giới vô hình và hữu hình, một ranh giới tự lòng ta biết rõ, còn bản thân cái ranh giới ấy thì vẫn chỉ mơ màng vô định.

Đó chính là giao thừa, giao thừa của cái sắp qua và đang tới, của chưa từng yêu và biết thế nào là yêu, của thành công và thất bại, của ánh sáng và bóng tối, của mép nước nơi bờ biển, đất bắt đầu và biển cũng bắt đầu... nơi người con gái xa lạ chưa hề biết sinh ra ở đâu, bỗng trở thành một nửa đời ta (nếu không nói là tất cả đời ta) suốt đời....

Giao mùa hay giao thoa, là giao cảm hay giao thời.... những chữ giao hàm bao nhiêu nghĩa mà đời người ngắn ngủi, nào ai có được bao nhiêu cất vào kho tàng tâm thức?

Vừa mới hôm nào giao thừa thế kỷ XX và XXI, giao thừa Thiên kỷ II và Thiên kỷ III, mà đã lại đến giao thừa lần nữa. Hình như hoa đào năm ngoái chưa tàn, ngọn nến năm ngoái chưa tắt, người khách năm ngoái chưa đi, bạn cũ năm ngoái chưa thành thiên cổ... món cỗ năm ngoái còn làm ta liếm môi, chép miệng, cây cầu năm ngoái đang đổ lửa hàn, dòng sông năm ngoái đang mài miết trườn đi qua bãi mía nương ngô đầy tha thiết....

Không, ta tự huyễn hoặc mình thôi, ta tự mộng ảo mình thôi. Người bạn cũ đã sắp "chuyển nhà" nói nôm na kiểu dân gian là sang cát. Cây cầu năm ngoái đã thông xe nườm nượp khách đi về tuôn trào như lũ cuốn. Dòng sông không lặng lẽ giữa đôi bờ thẳm lặng triệu năm mà nó sôi sục ý ngang tàng giữa những phố phường vừa quy hoạch, vừa vút cao, vừa lấp lánh....

Chiều cuối năm, ta lại thêm một lần hạnh phúc được đi tìm và "cưới" về một nàng hoa đào tươi rói, có thể tên nàng là Đào Bích, hoặc Đào Phai, có khi yếu điệu là Đào Ta, mà biết đâu nàng thanh cao tiên nữ: Bạch Đào... Sắp thôi. Hình như hơi thở nàng đào đã phập phồng ngoài cửa. Ta soi vào gương. Ai đó nhỉ? Ta hay không ta? Tóc bạc hơn, nhiều đường nhăn khó nhọc trên trán hơn. Nhưng ta lại thấy trong lòng hình ảnh ảo hoá vì gương kia, có thêm phù sa biển mặn, có



thêm gió Lào đau xót, có thêm bó hoa tím chan cười, có thêm bao nhiêu dòng chữ tinh khôn của toàn nhân loại in hằn trong óc...

Một năm thôi, chỉ đến chiều cuối năm này, trong lúc ngẩn ngơ vì thời gian mòng mị, ta thử nhắm xem một quyển lịch đã qua, ta ăn hết bao nhiêu bát cơm, uống bao nhiêu tách nước, ngậm bao nhiêu lát gừng, thấm bao nhiêu muối mặn...? Ai cho ta đây? Nghĩa nặng tình sâu, đắp bồi duyên nợ chứ đâu phải trời ào ào trận mưa vô tình cho ta toạ hưởng?

Ai vào rừng cắt lá dong cho ta tẩm bánh chưng tết xanh rờn, ai mồ hôi tâm tã "Cây đồng đang buổi ban trưa"...? Không thể nào đếm xuể, tính xuể, cay mặn ấy còn cay mặn đến muôn đời, bất chấp mọi cuối năm, bất chấp thế kỷ và thiên kỷ.

Có những chiều cuối năm sục sùi mưa phùn gió bắc, ta đắp cái chiếu nghe thời gian tê tái nổi nhọc nhằn. lại có chiều cuối năm, nắng hanh hoa vàng rực rỡ, tươi mơn như màu hoa cải vườn quê, ta lang thang vào đời để hưởng niềm vui mật ngọt...

Mỗi năm ta có hai lần gặp chiều cuối năm: dương lịch rồi âm lịch. Minh phương Đông, mình Việt Nam, giao thừa Tây ít hứng thú đi trong mưa rét, nhưng giao thừa ta thì thật lạ lùng, cứ như có ai đẩy mạnh phía sau lưng, ai thổi ngọn gió trong bàn chân, không thể ngồi yên dù bên cạnh có hương trầm, lửa nhen, rượu ngon trà quý, người đẹp gần kề....

Ta đang chiều cuối năm nào đây? Ta tổng kết hay sơ kết đời mình chỉ 365 ngày một phần tư, vừa vui sướng vừa náo nê, vừa hứa hẹn vừa lo âu.... Việc ấy của năm qua ta có đúng không? Việc kia để lại gì trong ta vết sẹo...? Còn qua chiều nay thôi đến sáng mai, thời gian đã khác, ta sẽ phải làm gì, làm như thế nào...? Chưa ai biết trước, dù có là Khổng Minh hay Nguyễn Bình Khiêm Trạng Trình có thể biết trước mọi việc 500 năm và biết cả mọi việc sau 500 năm nữa, ta cũng chỉ là ước đoán, là tâm niệm, là mong mỏi, là tự hứa, là tâm thành...



Đành rằng nói như Nguyễn Du: Nhân định thắng thiên nhưng cũng có câu:

*Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài...*

Ta là gì, là ai, từ đâu đến và sẽ về đâu, ta có tài không và có tâm đến mức nào...?

Có lẽ chỉ có chiều cuối năm này, ta đối gương soi bóng, ta tự mình thành thật, mới có thể trả lời đôi chút mà không sợ ai chê trách, ai khen ai đùa...

Chiều cuối năm ta đang đi nhanh hay đi chậm? Tự ta biết nó chứ đâu cần thứ máy móc có kim, có số, có chân kính, có treo tường, có đeo tay... Gió cứ gió, hoàng hôn bâng bạc cứ hoàng hôn... trà đừng nhạt, rượu đừng vơi.... nào người yêu dấu một đời, hãy nâng thêm chén nữa mừng chiều cuối năm đang là con tàu vào ga cuối, để xuất phát đến cuối thời gian cho năm mới kéo còi vào ga hồn ta cửa mở...

## ĐỜI MỘT PHỐ

Phố Lê nơi tôi gắn bó gần suốt cuộc đời mình mới có số tuổi gần trăm hay hơn trăm gì đó, so với nghìn năm thành phố thì nó còn trẻ lắm, nhưng nó cũng đã mang bao dấu tích thời gian mệt nhọc và đổi thay dầm dề như mưa thu rả rích, có khi thay đổi ào ào như vũ bão cơn giông tan tác lá vàng. Đã có mấy thế hệ đến rồi đi, đi có về và đi không bao giờ trở lại. Người thì bán ngôi nhà cha mẹ mua từ ngày xưa ngày xưa để anh chị em chia nhau, mỗi người cũng giắt lưng ít cây vàng ra ngoại thành tậu lấy căn nhà to rộng hơn.

Cũng có người chuyển dịch đi xa hàng ngàn cây số vào tíu phương Nam hay Tây Nguyên nắng gió, có thể tiệc tùng liên miên mà cũng có thể đổ mồ hôi sôi nước mắt chăm bón nương cà phê trên đất đỏ...

Người khác nữa ra đi trong kèn trống thì thùng, trong câu kinh trước bàn thờ chúa để đến với quê xa một đời ly biệt, nơi đó là làng quê còn cái giếng đá ong, lũy tre phơ phất, con đò ngang chậm chậm, cây đa um tùm nghe nói có đôi rắn thần quán quýt, hoặc ra đi để đến Văn Điển ô nhiễm, nằm tạm ba năm rồi lên Yên Kỳ có nhiều trẻ em làm phiền lòng mỗi người, khi người sống đến thăm, cũng có người vào đài hoá thân Hoàn Vũ, chiếc máy ghi hình tắt đi là ngọn lửa trong đó bùng lên một cách bí mật đau lòng kẻ ở. Nắm tro (hay bình tro) di hài tung lên ngọn sóng sông Hồng hay được ký thác bốn năm tầng hay nghìn địa? Nắm tro có bao giờ than thở hay nhớ tiếc một đời từng sống giữa người yêu dấu và xóm giếng dầm bảy chục năm, nay một đi là vĩnh viễn chia lìa.

Người khác nữa bỏ phố mà đi, không ai biết từ lúc nào và lang bạt đến phương nao. Đi không một lời chào, không một chia tay cứ như giận hờn, cứ như dần dôi. Phố Lê có tội tình gì đâu nhỉ mà nổi lòng bạc nổi cách chia....

Đâu rồi những con người từng gắn bó bên nhau từ thời hè phố chưa lát gạch, bùn lội và bụi mù bốn mùa quen thuộc, từ thuở phải treo lá cờ Pháp cờ Nhật ra cửa mỗi ngày lễ tết đến tung bùng cờ đỏ sao vàng đón chào cách mạng khởi nghĩa thành công. Đâu rồi những đêm họp tổ dân phố, rải chiếu ra ở nhà một ai đó mà ngồi bó gối bên nhau, vì phố tôi là phố mới, đất và nhà là của nhà thờ bán cho con chiên, nên không có đình chùa. không có nhà hội họp, không có hội quán, trụ sở....

Đâu rồi những cụ giáo Hình từng dạy nhiều thế hệ học trò, đâu rồi bà Chắt nấu cao khỉ, ông bà Tự Lập làm nghề thợ may từ chiếc áo cánh có nắp túi hình báng súng hơi chéo đến chiếc sơ mi thường bị dùm ngực cùng chiếc quần Tây rộng thùng thình mang dáng thời đại từng khoảng thời gian, đâu rồi ông chủ nhà in, từng có ô tô riêng, khi vào công tư hợp doanh chỉ còn cái bậc dốc cho xe lên xuống như nhắc nhở nét xưa mờ xoá. Đâu rồi cụ Thọ công chức lưu dụng có cả một đàn con đông đúc nhưng vẫn có thể ăn trắng mặc trơn vì lương cao gấp mấy chục lần anh cán bộ "thoát ly" từ kháng chiến trở về thành phố. Đâu rồi vợ chồng ông tài xế lái xe tải rồi chuyển sang lái xe khách, sống ung dung ngay cả thời bao cấp nhọc nhằn, mọi người phải ăn bo bo, phải xếp hàng bốn lít dầu hoả mỗi tháng để đun bếp..... Đâu rồi nghệ sĩ sân khấu Huỳnh Chinh từng làm phó trưởng đoàn Kịch nói trung ương vẫn mặc áo đại cán vá vai đi làm, từ phố Lê này đến phố Nguyễn Bình Khiêm có trụ sở Đoàn kịch.....

Thoắt đã mấy chục mùa lá cây long não đơm lộc màu lá mạ non, màu rau xà lách tươi gần, có đàn sâu cước về làm tổ. Chỉ có hàng long não cổ thụ ấy còn đứng vững trước bao nhiêu bước đi vùn vụt của thăng trầm. Trầm trong bao cấp, thăng trong đổi mới. Cái vòng lồi lõm trong thân gỗ nứt nẻ kia ghi lại được hay không ghi lại được. Chẳng ai ngã cây xuống mà cửa ra phân tích. Mùa bão đến, đội bóng

mát đi sử cảnh, xén lá vẫn cứ làm cho phố xá tươi bởi một cách quang đãng, cho cây đứng vững, và có lẽ chỉ loài cây này đứng vững, cứ hiên ngang trong nắng sớm mưa chiều, không hề có cây nào gục ngã, dù rằng cũng đã dặm thêm ít loài cây mới xen kẽ như cây nhội, cây đa, cây bàng, cây xà cừ, cây dâu da dại....

Chẳng lẽ đời con người không bền bằng một đời cây? Chẳng lẽ con người không giá trị bằng gỗ lá? Tôi không biết.

Từ một phố có nhiều người cao tuổi, khăn vuông, khăn vấn, áo "ba đờ suy" chống ba toong đi dạo phố, có nhiều người bé đến lớp mẫu giáo thân nhiên mặc quần đùi... Có thể gọi phố Lê là phố tịch mịch êm đềm, phố công chức, phố dân ở, phố trầm buồn, phố đóng cửa then cài, phố trung lưu, nhà ai biết nhà nấy, xâm xẩm tối, đóng cửa là mỗi nhà thành một thế giới riêng biệt, đầy bí mật, nét chung của nhiều phố phường thành thị nay phố Lê đã thay đổi hình hài.

Hình như nhiều chục năm trôi đi, không nhà ai có chiếc giường lò so đủ nệm rải, hoặc bộ sa lông gụ chạm khắc cảnh nho con sóc, đàn vịt hoa sen hay con dơi đồng tiền.... Cũng không nhà nào có gian thờ riêng, có lộ bộ, hoành phi, câu đối hay đỉnh đồng, chân nến, ta gọi là bộ Ngũ Sự sáng choang. May ra một ít nhà có bàn thờ chúa, có ảnh bà Maria bế Chúa Hải Đồng, đó là bàn thờ treo thành chiếc xích đồng trên đường, có viền bằng tua vải như cạnh của lá cờ hội quen thuộc.

Bừng mắt một cái đã một thập kỷ trôi qua. Phố Lê của tôi giống như bao phố khác. Bao người cũ không còn, bao ngôi nhà cũ đổi thay, những miếng đất chiều ngang ba mét, chiều dài na ná bằng nhau khoảng hai chục mét, được biến hoá từ nhà cấp bốn hay cấp mấy, thành nhà ba tầng, năm tầng, bảy tầng có tum nhọn, có nhôm kính, có cửa sắt kéo xoàn xoạt, có cả gara ô tô là tầng trệt, có đèn nhấp nháy đủ màu, báo hiệu đây là hàng ăn, là khách sạn, là nhà hát Karaoke như tiểu thuyết Tàu ngày xưa, treo cái chổi ra cổng để cho người biết đó là tử quán, là quán rượu bình dân.....

Từ một ven nội u trầm, phố Lê đã biến thành phố trung tâm với gương mặt khá đầy đủ của một thời làm ăn sôi nổi. Người cũ còn ai cũng đang ra đi nốt, vì mỗi thước vuông đất có thể có giá đến mười lạng vàng (mà người theo thời thượng gọi là cây vàng). Nhà cấp bốn, lợp ngói ta, cửa ra vào hẹp tí hìn, đã lặn vào không gian mở rộng. Giếng đã lấp đi hết cho máy bơm ngày đêm hoạt động ngày đêm bơm nước lên bình nhôm sáng loáng chảy thông xuống những cái gọi là toa lét (mà chữ toa lét đã bị biến nghĩa hoàn toàn, không phải nguyên nghĩa cũ).

Phố Lê có hàng phở gà nổi tiếng, khách đóng cả ô tô đánh rầm, vào ăn xĩa tiền ra không tiếc, chỉ mấy năm, hàng phở đã thừa sức lên tầng chót vót. Phố Lê cũng có vài ba ngõ nhỏ. Đó là tàn dư của thời mở phố, phải tránh cái lôi đi, cái bãi cỏ, cái ngõ làng, cái nhà có sân vườn ai đó.... khi nó thành phố thì cũng thành luôn ngõ, mang theo tên phố, ngõ Một, ngõ Hai, ngõ Ba của phố Lê. Có con ngõ rộng, trước chỉ có ông thợ giày ngồi vá giày, khâu chỗ vải rách, có thể làm chỗ cho bé em đá bóng không sợ đá vào nhà ai vỡ cửa kính không hề có chiếc cửa kính nào. Nay ngõ ấy thành ngõ Chân có hấp thuốc bắc, cùng chân gà nướng, bê thui, cháo ngan, bánh rán, bánh chuối, món lẩu tôm, lẩu cá. Qua đây buổi tối, mùi mắm tôm thơm lừng (hay nồng gắt đến hắt xì hơi). Rượu thuốc la đà, ngả nghiêng, có nhà thơ, nhà báo, có ông đập xích lô, có giám đốc công ty hữu hạn, có các cô váy ngắn cũng khề khà, cả người tỉnh xa về muốn biết món ăn Hà Nội.....

Một con phố ngắn mà đủ các khuôn mặt giàu nghèo lẫn lộn. Hiệu ảnh của nghệ sĩ nhiếp ảnh Hữu Tòng nổi tiếng được công nhận là nghệ sĩ nhiếp ảnh thế giới, ở ngay bên cạnh những hiệu làm biển quảng cáo, tự quảng cáo là "cắt chữ bằng vi tính", có hàng ốc hấp rượu thuốc, có món phở xào "cải tiến" khó ăn.

Tôi là một người dân phố Lê. Nhà tôi có long nảo xà vào tận cửa, chiếc lá thơm thơm, tươi cũng thơm mà khô lại càng thơm, kề với một cán bộ thành phố phải làm nghề phơi mớ thành ô mai để đủ sống, nay ông có nhà bốn tầng, có cả nhà ở phố khác nữa, nhà cũ cho thuê bán đồ mỹ phẩm những soi môi Hàn Quốc, phấn Thái Lan, nước

hoa Pháp, áo nịt, thuốc cai nghiện thuốc lá, cả hoa khô, gộc lửa... mà mỗi lần tôi đi qua, tôi lại nhớ cách đây nửa thế kỷ đây là nhà bán thực phẩm của một Hoa kiều, lụp xụp trăm thứ bà rần, có người đàn bà Tàu bó chân đi lại khó khăn vì bàn chân chỉ bằng chân bé lên 5 tuổi.

Một phố thôi, cái phố nhỏ bé đã thành nơi chôn rau cắt rốn của các con tôi, đã và đang thanh một phố khác có hình ảnh khác. Những con người xưa cũ có bao giờ một lần lại thăm phố xưa, có thấy linh hồn mình đổi khác? Và bao nhiêu phố khác, có giống phố Lê tôi? Tôi không biết.

## ĐƯỜNG HOA

Mùa xuân cũng là mùa hoa. Đất nước ta không bao giờ có tuyết rơi (trừ Sa Pa lâu lâu có một lần) mà may hay không may? Bốn mùa xanh tươi, bốn mùa hoa trái, chắc không ai muốn đổi cảnh vật này lấy mỗi năm mấy tháng trời trũng xoá mùa đông băng tuyết, hoa không có, chỉ có đôi ba cảnh thông mang lại chút màu xanh cho ngày lễ trọng, ngày Tết đầu năm.

Tháng Một tháng Chạp, nhà ai chuẩn bị vai dưa hành, cắt riêng cái ngồng đầy nụ cải đem luộc làm món rau nhờ nhờ đắng chấm với nước mắm trứng, mỗi năm chỉ có một dịp này, còn lại bao nhiêu cây cải trong những khung vườn gần xa được sương đông và nắng hanh tưới tắm, cứ tỏ mở khoe những vạt nắng vàng trong màu hoa, làm từng đàn bướm phải ngỡ ngàng, không biết nắng hay hoa, cái nào là thực.

Hình như trong những làng quê ấy, ven sông hay đồng bãi, sau lũy tre hay cánh đồng màu.....quanh năm không có ai có thì giờ để thưởng thức những màu hoa, thì màu vàng hoa cải ấy là niềm vui rực rỡ cho ấm áp tâm hồn.

Cuối vườn gần như hoang vu kia. Cây hải đường lưu liên đã bắt đầu đơm ra những mẩu nền màu cánh sen từ nách lá xanh to bản, sẽ nở ra những bông hoa đón giao thừa trên những ban thờ chỉ ngát khói hương vào dịp tết. Hải đường không phải hoa chơi trong bình trên chiếc bàn nhỏ đượm hương trà của những ai lấy trà làm tri âm

tri kỷ. Có lẽ thành phố mới có nhiều tấm lòng cảm ứng cùng mùa hoa, nào sen hạ, cúc thu, đào tết.... còn trên bạt ngàn từ đồng bằng đến trung du, từ ven biển đến bờ sông... màu ngô sắc lúa mới là nơi con mắt và tấm lòng luôn chiêm ngưỡng.

Nhưng cũng có khi không phải thế. Mùa hè, những bờ rào xương rồng nở ra những bông hoa vàng li ti như những chấm sao mùi hoa ngai ngái, tuổi học trò tinh nghịch cũng chỉ dám ngắm mà không dám chạm vào sợ nhựa xương rồng độc. Nhưng cũng lạ, xương rồng ông thì như thế, còn xương rồng bà thì cũng có lúc vươn vai, toả ra, ngời lên những bông hoa rực rỡ, đỏm dáng, tưởng như những bông hoa quỳnh quý phái lạc vào ngọn xương rồng cho bờ rào đỡ khô khan hưu quạnh, làm lời rủ rê những con ong bầu, ong đất đến rong chơi....

Quả ổi ngon thế, nhưng hoa ổi chẳng đẹp, không duyên không thể sánh được những cành rong riềng đỏ ổi vàng tươi, cứ mơn mớn lọc lấy khí trời vào củ nằm sâu trong đất.....

Có lẽ chỉ mới có một nhà thơ là Hữu Loan là có bài thơ hay ngợi ca Hoa Lúa. Chưa thấy ai cắm bông hoa lúa vào bình dù là bình gốm Bát Tràng, bình đồng đen hay bình pha lê Tiệp Khắc Bô Hêm.... Trẻ em có thể tò mò tinh nghịch đi tuốt lấy nhánh đồng đồng mà nhai ngấu nghiến cho cái ngọt thấm vào cổ họng, nhưng cũng không để dành mang về cắm trong góc học tập mà chơi như một nhánh hoa dứa dại nức thơm, một nhánh lục bình trôi giạt màu tím ven sông hay bông bìm như chiếc chuông reo trên hàng rào gió nắng....

Dọc những con đường quê hay dọc thời gian mệnh mông, đi đâu ta chẳng gặp những loài hoa không trồng mà cứ mọc. Hoa để an ủi con người lúc nào cũng vội vàng khó nhọc. Ban ngày thì hoa ngâu, ban đêm thay bằng hoa cau xông hương cho giấc ngủ râm rập mờ mờ mùa hè, xột xoạt ồ rơm mùa đông.....

Giữa bầu trời trong sáng, tiếng hoa rơi trong lời sơn ca hay tiếng cu cườm gọi bạn trong lùm cây, tiếng con chim tu hú gọi bầy gọi



mùa quả chín. Lời hoa dấy chẳng cho con người tìm ra niềm vui sống hết đời này sang đời khác. Ấy là ta đoán vậy.

Cây đa bên đình, cây đề đầu thôn, lũy tre ken dây, chẳng cây nào chịu ra hoa cả, sao cây vẫn um tùm che chở nắng sương, vẫn âm bụi cho măng làm tổ. Thì ra màu hoa đó là sắc xanh bất tử, xanh từ tre Thánh Gióng, xanh từ đa trong am Mỹ Châu, xanh từ gốc để có từ khi sinh ra đức Phật....

Vậy thì các mùa thay đổi, có lúc không hoa chẳng? Không thể chỉ một lời có hoặc không, mà ta phải tha thân ta vào những dặm đường gần xa muôn nẻo, mới mong tự mình tìm thấy trả lời.

Trước hết tục ngữ nói: "Người ta là hoa của đất" chắc chắn không sai. Ở đâu chẳng có người tức những bông hoa tươi rói ấy. Đó là nàng quan họ, là cô vừa quay tơ vừa ví dặm, cô lái đò vút vèo tiếng ca trên sóng nước, người con gái Mèo xoè ô và xoè tung vạt váy, người con gái Tây Nguyên bốc tung lên ngọn lửa trong từng bước chân thon khi rượu cần chếch choáng, tà áo dài như cánh bướm hồ tinh trên đường phố...

Hoa ấy nở đủ bốn mùa, nở đủ trăm năm, nở đủ ngàn đời. Hoa ấy đủ để tạo thành Dân tộc và Đất nước.

Mùa xuân, ta đi dọc đường hoa. Thì cứ vội vàng. Thì cứ la cà cho thoả, thì cứ dửng dăng vương vấn bước chân....

Chàng Từ Thức là người Thanh Hoá hay Bắc Ninh, đi dọc đường hoa mà quên lối về suốt bấy nhiêu năm, cúi xuống nhìn cán rìu thì thời gian đã làm một ruộng chất gỗ chắc bền. Hoa Đào hay tiên nữ có sức mạnh làm cùm xích giam chặt đôi chân và đôi tay người tài hoa đó. Bao trăm năm, nay hoa đào vẫn nguyên vẹn nụ cười chúm chím những làn môi. Có ai lại tự bảo rằng mình chưa một lần được ngắm hoa đào? Chắc không bao giờ có người như thế.

Dù ta là người quen thuộc dinh đào Nhật Tân của Hà Nội mỗi năm toả sắc triệu cành hay ta miền núi, lội trên sườn non của Cao

Bằng, Sa Pa, cửa Hang Kia, Pà Cò, Hoà Bình, hoặc chỉ là làng quê êm ả, một góc đào cô đơn nơi góc chùa lặng lẽ... hoa đào cứ tươi như linh hồn của mùa xuân, sức bùng lên của tuổi dậy thì....

Mùa xuân là thế, một sức mạnh phi thường từ trời cao rót xuống, từ đất sâu bật lên, từ lòng cây toát ra, từ lòng ta trỗi dậy.... bắt trời cao hoa phải nở, cánh tay phải hành động, tâm trí phải vươn lên, tình yêu phải nồng đượm....

Mùa xuân không chỉ ẩn trong sắc hoa đào. Nó là hồn ta, là màu đỏ trên cánh hoa gạo. Tiếp đến là hoa vông, và khi hè sang, nó thành hoa phượng... trên mọi nẻo đường.

Sẽ có những ngày hoa xoan tím trong mưa bay, làm mưa cũng thành màu tím, tiếng trống hội làng lại nở hoa, hương thơm ấy chính là hoa bưởi, hoa chanh, hoa lan, hoa sói.... Ai người con gái cài hoa lên tóc, giắt bông hoa vào túi áo, để một bông hoa bí mật trong làn yếm.... đi đến nơi tình tự hẹn hò.... đó chính là đoạn đường khởi đầu của tình yêu, của đường hoa mỗi đời người phải cất bước trăm năm....

Không ai có thể đứng dưng với mùa xuân, cũng không có ai có thể đứng dưng với những đường hoa, những màu hoa, những hương hoa cuộc đời mang lại cho mình. Mà mùa xuân đang đến kia là con đường hoa đó.

## ĐƯỜNG XUÂN MỘT ĐOẠN

Đã có lần tôi với nhà nhiếp ảnh Đinh Quang Thành đi một nửa vòng Kinh Bắc, và hẹn nhau sẽ đi tiếp nửa vòng bên kia cho tròn một vòng quỹ đạo mặc dù mình chẳng là ngôi sao mà chỉ là con gió vẩn vơ:

Một nửa vòng là bán nguyệt chăng? Thì cứ cho là như thế, như câu ca xưa, có từ thời Bắc Ninh ăn lan Đông Ngàn xuống đến Gia Lâm Bát Tràng rằng:

*Ước gì anh lấy được nàng*

*Để anh mua gạch Bát Tràng về xây*

*Xây dọc rồi lại xây ngang*

*Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.*

Đinh Quang Thành may mắn hơn tôi, đúng là anh lấy được cô gái Đình Bảng Bắc Ninh, quê hương Cổ Tháp, nơi sinh thành ra món bánh Xu Xê tuyệt đỉnh, cứ vàng óng lên trong hồn thực khách...

Đường đi rải nhựa như lụa mềm, như tấm thất lưng cô gái Bát Tràng, Nội Duệ, Cầu Lim, nên mình cũng không biết rằng đây có thực là vòng bán nguyệt hay không, có khi là đường xiên, đường chéo, đường viền, lục lăng bát giác, chưa biết chừng.... nhưng con đường thúc gọi, đúng hơn là tiếng trống hội làng thúc gọi, những con mắt trao tình chờ đợi, những bước chân riu ran mừng đón, những món

quà quê dọc đường trao duyên e thẹn.... vậy thì cứ đi, đi như định mệnh, như ma ám, như đi vào huyền thoại, đi vào cổ tích, đi vào câu ca quan họ, đi vào quê mẹ của thi hào Nguyễn Du, đi vào con sông Cầu tuy lơ thơ mà chảy suốt mấy mươi đời người dùng dáng tri âm....

Hội Lim tắc đường, cả đường cũ cong lượn và đường mới thẳng băng.... Thấp thoáng áo mớ ba mớ bảy, ít nón thúng quai thao nhưng nhiều mũ xe bảo hiểm, âu cũng là nét thời đại, biết đâu vài ba trăm năm nữa, chiếc mũ kèn càng như đầu con đế mèn này sẽ thành câu ca quan họ của thế kỷ hăm nhăm? Chẳng hạn:

*Yêu nhau gửi mũ bảo hiểm cho nhau*

*Về nhà đôi mẹ qua cầu gió lẩn....*

Ai đang hát chón xa kia, đành gửi chút lòng mơ hồ tưởng nhớ chứ chẳng thể rẽ vào. Anh công an giao thông bắt lực, không chỉ huy được dòng xe, cái kính gắt mắng cứ như anh ta mới đáng có mặt trên đời, còn tất cả chỉ là của vứt đi, cái anh đứng trên đường mới mở ấy, hách dịch làm khó chịu bao người, mất cả nét thanh tao ngày xuân hội hè quan họ. Chắc anh ta không bao giờ thành một liên anh hát câu "Cầm lòng vậy, đành lòng vậy".

Bao nhiêu người đang đi trên đôi Lim kia, hội người đẹp đã xong từ hôm qua hôm kia, cuộc thi hát cũng đã im lờ trong chén trà nhấp giọng và khẩu trầu lần lượt trao tay.

Mười bốn làng quan họ ngồi trong 7 mái lều đủ màu, đủ cỡ, bài hát nào đang quần lên vút vút như tơ dăng, như nhựa dính, như đỏ môi cắn chỉ, như con mắt lá đào lúng liếng.... hử ông Tiến sĩ Trần Đình Luyện - Giám đốc văn hoá Bắc Ninh đang cầm chịch một lều, ngả nghiêng không vì rượu mà ngả nghiêng vì âm ba đứt nối, vì có con chim sơn ca trong lòng, có con ong trong tim, có áng mây trong mắt....

*Trời đẹp như trời mới tráng gương.... hình như là một câu thơ đẹp của cố nhạc sĩ Hồ Dzếnh, mà nếu đọc tiếp thì có cả một khổ thơ say lòng:*

*Chim ca tiếng sáng rộn ven tường*

*Có ai trong cửa ngời hong tóc*

*Cho chảy lan thành một suối lung*

Chim đang ca trên đồi Lim kia, những con chim Liền Chì bao đời làm ta thảng thốt say mê.... và làn tóc không được hong nơi cửa sổ chỉ là dóng tre, thanh nhúng, mà là giữa thanh thiên bạch nhật, trên thuyền, trên đồi.... hong tóc và hát nghiêng nón để cho tóc mượt khoe từng sợi thần tiên. Tóc thành suối hương hay lời ca thành suối, trời ngoài kia có những thửa ruộng mượt như gương nước mà lúa mới cấy, ngọn mạ còn được xén cho bằng, khiến mỗi thửa y như một chiếc bàn chải khổng lồ đặt ngược, hay là nó sắp chải vào trời, chải vào mây, trải vào lời ca cho mượt mà, mượt mà đến đời sau quan họ, đến nghìn cây số xuôi ngược chia tay....

Không vào được hội Lim, không nghe thấy "Nước mắt ướt đầm vạt áo..." nhưng ta vẫn như nghe thấy, nghe rõ, thì ra ta nghe bằng hồn ta, bằng tim ta đã được tưới tắm từ bao giờ không biết những Diễm, những Ó, những Đặng... những Lim... ta không còn phân biệt....

Đình Quang Thành cũng dâng hồn nghệ sĩ, dừng xe liên tục để ghi hình bấm máy. Mái tóc bạc của anh đôi lúc lẫn vào mây trắng, ta có đủ thì giờ để ngắt ngọn cỏ đưa lên lưỡi cho vị ngọt đồng quê Kinh Bắc thấm vào cảm giác.

Cứ vượt xe hương Bắc mà đi. Bỏ lại thị xã êm đềm, hãy vào viếng tiền nhân, tiền liệt. Văn Chỉ Bắc Ninh vừa được trùng tu, gạch đất còn ngổn ngang, những tám bia đá còn nằm ngời thư giãn, mặc cho những cụ rùa đá nghỉ ngơi ít ngày ít tháng trước khi cam thân phận:

*Thương thay thân phận con rùa*

*Lên đình đội hạc xuống chùa đội bia.*

Đây không phải là đình mà cũng chẳng phải là chùa mà là Văn Chỉ, nơi thờ chữ nghĩa, nơi tưởng nhớ hiền tài, nơi còn lưu lại bao tình anh Kinh Bắc như làng Kim Đôi có mấy chục Trạng Nguyên, Tiến Sĩ được lưu danh ở đây, được hương khói chốn này....

Hội Lim lan ra tận đường cái. Tiếng hát chờn vờn không âm vang trong ồn ã thì đã có trăm nghìn hàng bánh đa Kê, trăm nghìn hàng nặn tò he xanh đỏ tím vàng, cứ mua đi, mua lấy sắc màu mùa xuân ngưng đọng vào, ngón tay tài hoa nghệ nhân, nghệ sĩ.... hàng táo xanh chân đồi còn xanh lắm, chợ nhớ câu:

*Chàng như táo rụng sân đình*

*Em như gái dở đi rình của chua....*

Cô gái nào mà đa tình đến thế, đâu phải một Thị Mầu mà chắc cũng không phải là Liên Chi, những chị Hai chị Ba chị Tư vì quan họ tình say đắm nhưng chẳng bờm xờm, càng không lộ liễu, đến nỗi mấy đời chẳng kết tơ duyên dù rằng câu hát thì tưởng như có thể chết cùng nhau tức khắc....

Vượt qua thị xã, còn bao nhiêu đoạn đường của một nửa vòng Kinh Bắc đang dang dở đợi chờ. Thì hãy đi tìm vang bóng của một thời hội làng Đồng Kỵ, pháo thì phải phá tường, đổ vách mới khênh được "Ông Pháo" ra đình. Đình cổ còn đây, chùa cổ kê bên, lầu tám mái nhưng có đến 16 cột lim đỏ chói vững bền như làng Việt ngàn xưa.

Đồng Kỵ làng nghề đã mới, khảm trai, đồ gỗ, mộc cổ và giả cổ, chí chát vang lên, mặc cho những cổng làng mang nửa hình trăng, mang nửa hình tròn đứng cùng thời gian chứng kiến đổi thay, gạch ngói hay tre trúc, mùi gỗ hay mùi rơm mới đang phơi, véc ni bóng lộn thay cái rổ xè cái rá thủ công.... Có một đồng kỵ đang mới giữa một

Kinh Bắc, Bắc Ninh đang mới, mới theo quy luật, mới vì ước mong, mới cùng thời đại...

Đình Quang Thành đã qua đây mòn vẹt gót giày, nhưng vẫn cứ như ma ám, ma làm, phải liên tục tách tách cái máy mà ghi ảnh.

Lần đầu tiên theo kẻ vô thần là tôi, đến đền bà Chúa Kho, một liệt nữ yêu nước, một vị tướng tài tuấn tiết vì non sông đất nước, không thể nào trở thành người uống bia tây và hút thuốc lá Ăng lê để cho vay nặng lãi.

Ai đến đây vay vàng? Ai đến đây cầu lộc cầu tài cầu phúc? Ai cầu duyên? Ai cầu cho những người bất hạnh lầm than quanh ta? Không thể biết trong hàng vạn con người chen chúc kia, những lời cầu khẩn là những loại gì? Và mấy giàn tre nứa như những cái giá gác mấy chục nong tầm, gác mấy chục mâm cỗ đám ma... toàn lễ vật, nào là thịt gà, nào là cây vàng cây bạc, nào vàng thoi vàng nén, nào xôi oản, quýt cam.... Thứ nào bà Chúa Kho nhận, còn thứ nào bà không nhận? Mình thành kẻ bất kính mất thôi, đành xin bà tha thứ, ta đi nốt nửa vòng văn hoá Bắc Ninh tự tìm lấy mùa xuân mà gửi gắm nỗi niềm chứ chẳng thể cầu xin tài lộc giữa hư không....

Quay về Đình Bảng, ghé thăm bà Lula Xuân, nơi làm ra những chiếc bánh Xu Xê lừng danh thiên hạ, mà mùa vàng quả dành dành như vẫn còn đôi phần hoang dại quanh những bờ ao quê đã nhập vào đây thành mỹ vị tài hoa, không thể thiếu trong đám dâu đám cưới những giai nhân tài tử mấy thời.

Khách nhớ nhà hàng và nhà hàng vẫn còn nhớ khách. Bà Lula Xuân vẫn nhận ra mái tóc bạch kim của nghệ sĩ Đình Quang Thành. Khách đông cũng xin đợi phút giây, bà dừng tay, pha ấm trà ngon tiếp khách. Quả dành dành không thơm nhưng có màu đẹp, nó chính là cái duyên thầm của món bánh hoàn toàn dân tộc dân gian, dân già, mà dọc đường số Một ngoài kia, nhan nhản, bao la hàng bánh, nhưng khách vẫn tìm vào làng, nơi có ngôi đình đồ sộ, nơi con sông Tiêu Tương với huyền thoại Trương Chi đã mờ phai trong lòng đất

nhưng chẳng mờ phai trong lòng người mấy nhà làm bánh nổi tiếng đều nằm quanh ngôi đình tuyệt tác.

Ngày còn dài, nửa vòng chưa thoả, Đình nghệ sĩ lại "ngựa chân", đúng hơn là "ngựa tay máy", yên tâm bà nội tướng ở nhà quán xuyên, thế là lại cùng đi cho hết ngày xuân, cho cạn giờ "hoàng đạo" (hoàng đạo do tự mình bịa ra).

Bờ sông mênh mang gió thổi, chưa có con chim vút vọt, càng vắng tiếng chim tu hú trong lùm tre giữa những cánh đồng châu thổ. Ta xuôi Bát Tràng, ta đến Xuân Quan, nơi có cống xuyên đê của hệ thống thuỷ nông Bắc Hưng Hải. Bắc chính là Bắc Ninh mà làng Bồ Bát Thanh Hoá đi ra đây hơn trăm năm. Nay khói lò bát đã thay bằng lò khí đốt khá nhiều. Làng đang sắp mở rộng thêm cho hợp với thời đại chuyển mình.

Lại một điều, xã Xuân Quan vẫn còn có một ngôi đền cổ kính, có lầu chuông gác trống, có hai con voi đá (giả đá thì đúng hơn) bị lún chìm vào phù sa đến ngang bụng, có pho tượng cụt đầu dù thân tượng có mũ áo cân đai. Ai vậy? Đền thờ, thờ người tướng chống nhà Tần, vừa có công với nước ta vừa có tội với nước ta, công tội có lúc phân minh, có khi chẳng rạch ròi. Đó là cha của anh chàng Trọng Thủy, là bố chồng của cô công chúa oan nghiệt Việt Nam: Mỵ Châu. Đó là Triệu Đà. Đền thờ có từ lâu lắm, không ai phá hay không ai nở phá, không nhẫn tâm phá, bởi đây vẫn là công sức của người Việt dựng thành, xây lên.

Nay Xuân Quan là Gia Lâm Hà Nội mà chia tay cùng Kinh Bắc, thực ra, bờ sông Hồng này chẳng lấy thêm nước của sông Cầu đó ư? Đất. Hà Nội nay chẳng là Bắc Ninh đó ư? Thì phân biệt làm chi, rạch ròi sẽ là vô lý... Ta ngập thân vào mây này, gió này, khí trời này, âm thanh này, vị ngọt ngào này... ta đâu cần biết đến một thứ ranh giới vô hình nào trong không khí kia chia địa phận này thành địa phận khác.....



Đinh Quang Thành nguyên là trai làng Kiêu Kỵ. Có chung chữ Kỵ nhưng người Kiêu Kỵ này vừa cùng tôi đến Đồng Kỵ, hai nơi khác nhau, Anh chẳng giải thích gì thêm câu ca:

*Sống làm trai Bát Tràng, chết làm thành hoàng Kiêu Kỵ....*

Đại khái, anh chỉ ậm ừ rằng trai Bát Tràng sướng lắm, và thần hoàng Kiêu Kỵ cũng sướng lắm, nếu sống và chết đều sung sướng như thế thì mới đáng mơ ước.

Nay còn ai ước mơ như thế? Thú vui ẩm thực đã khác xưa. Nhiều mâm cỗ món rau thì hết mà đĩa thịt gà thì ế. Khác quá đi chứ. Riêu cua con ếch là của nhà nghèo thì nay đã thành đặc sản. Vậy thì ước mơ ngày nay đâu có giống ước mơ xưa.

Có người ước mơ giàu sang, đến đền bà Chúa Kho để vay nghìn cây vàng về xây nhà lầu, nhưng cũng có người như nghệ nhân Nguyễn Dương của Giang Cao Bát Tràng ước mơ làm ra sản phẩm gốm sứ lừng danh thế giới, nhà nghệ sĩ Đinh Quang Thành ước mơ có tấm ảnh đẹp... và nhỏ nhoi như tôi, tôi mơ ước mùa xuân nào cũng được rong du để làm vốn đời mình, loại vốn chẳng hề mang lại giàu sang, nhưng mang lại nhiều tri âm tri kỷ.

## NỀN ĐẤT

Nhà tranh vách đất, may mắn sao trong cuộc đời này, đang mất dần đi, thay vào đó là nhà ngói, nhà tầng, nền gạch, đá hoa.

Thuở trong hoài niệm ấy, nhà tranh thường có chiếc nền nhà là đất nện, khác hẳn ngày nay khi xây nhà, người ta đi chọn các thứ gạch tân kỳ, đủ màu sắc, nhẵn bóng và trơn lỳ, có các hình hoa lá, kỷ hà (thậm chí hình người mờ ảo), mang về từ những lò, những máy ép thủ công, sang hơn là từ bên kia biên giới và sang nữa là từ phương trời Âu xa lắc gọi là Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi.... để tạo ra chiếc nền nhà bóng lộn, có người tưởng đó là dội nước, có cụ già trượt chân "vồ ếch".

Đã bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng năm, bà ta, mẹ ta, chị ta nằm trong lòng võng ru em bé ngủ, em bé có khi từng là mẹ ta, cha ta, rồi đến lượt chính là ta... Chiếc võng đung đưa, chân bà, chân mẹ đập vào nền đất mà đẩy võng đi như mái chèo đẩy con thuyền trên dòng sông đời từ hẹp một gang đến rộng bằng mấy nhịp cầu. Có khi đúng vào một chỗ bà và mẹ hay chị đặt bàn chân to bè lam lữ Giao Chỉ vào đấy, mà nền nhà mòn vẹt đi trông thấy.... Nền nhà chỉ là đất thôi mà.

Đất nền ấy màu gì nhỉ, có lẽ không bao giờ là trắng, cũng chẳng bao giờ là đen, có thể chỉ là nâu thẫm, nâu mờ, nâu nhạt, có khi còn là hung hung son đỏ mang đôi ba vết nẻ vì mùa khô hạn kéo dài.

Nhiều nền đất ấy phẳng lỳ, cũng có nền đất có chút gồ ghề khiến chiếc chổi lúa của tay bé bỏng ngại ngần mỗi khi mẹ sai quét nhà trước khi rải chiếc chiếu rung rúc hay đã thủng giữ xuống đây để ăn cơm.

Người nông dân Việt Nam không ăn cơm bằng bàn. Nhà khá giả mới ăn trên giường, trên phản hoặc trên sập, còn thông thường là ngã chiếc chiếu cũ ra là xong, là được, kỹ tính hơn thì đặt mâm cơm, chiếc mâm gỗ đã long sơn, mẻ chỗ này, sứt chỗ khác, lên chiếc chõng tre bé tí gọi là chõng ăn. Mà thành phố có khi ta bắt gặp chiếc chõng ấy ở chỗ cô bán bún ốc, nộm bánh đúc hay bà hàng nước chè chén đầu ngõ nhỏ.

Có ai tuổi bé từng được ăn chám bụi, béo ngậy, mềm tơ hay dẻo queo. Trám trắng muối kỹ để lâu ngày, mang dầu tương thì quả là đặc sản. Dem nó mà kho cá khi "có cá đổ vạ cho cơm" không thể biết được. Hoặc chám đen, gọi là đen vì da nó như màu áo chàm đồng bào miền núi, nhưng ruột chám lại hồng hồng mang phảng phất chút cánh sen hồng tía. Trám ngâm nước nóng già, đến bữa, bỏ đôi từng quả trám, mỗi nửa chám là một con thuyền sắp lên đường đi vào sứ sở thần tiên là bụng con người, những miếng chám đó chám với muối vừng thì càng ăn càng thêm, gia đình giàu có còn băm đủ loại thịt với nấm hương mộc nhĩ, gia vị, đặt vào lòng từng chiếc thuyền ấy mà hấp chín.... thì tuyệt diệu đến ngẩn ngơ, ăn một lần để ngon suốt bao năm....

Những món trám ấy đã thành kỷ niệm, không phải vì hương vị mà chỉ vì những cái hạt hình thoi, cứng như thép, màu nâu nâu của nó. Mỗi hạt trám là hình một con mắt mỹ nhân. Chặt đôi từng hạt trám, khều lấy cái nhân trắng ra mà ăn, có vị bụi bụi, ngầy ngầy, sao mà nó nhỏ thế, cứ khều mãi, khều mãi mới đỡ thòm thòm cái lưỡi bé thơ. Mỗi nửa hạt trám trở thành một ngọn kim tự tháp tí hon. Nền nhà bằng đất ấy mới đáng yêu sao. Nó thành chiếc bảng đen, thành trang giấy mà hạt trám là chữ viết, đóng hạt trám xuống đây, thành dòng chữ tên người ta yêu quý, thanh bông hoa, thành mái nhà trong tưởng tượng... tha hồ mà vẽ. Nền nhà mệnh mộc, hạt trám chỉ đủ để

vẽ một khoảng tẻo teo, cạnh bàn nước hay chân cột, gầm bộ tràng kỷ hay phía chân giường... Nhưng nhớ suốt đời, nhớ sang đời con đời cháu rằng ngày xưa, ông (hoặc cha) đã từng đóng hạt trám xuống nền nhà, thích hơn các con, các cháu ngày nay là ở nhà có sàn lát gạch lá nem, gạch hoa, gạch men.... không thể chơi trò đó được.

Trong những căn nhà tranh như thế thì cũng chẳng bao giờ có giường Hồng Kông, đệm lò so, mà thường chỉ có những chiếc giường bằng tre ngâm, tốt hơn thì bằng gỗ xoan đào, hai đầu giường có lan can thành hình tia nắng, nên gọi nó là giường dẻ quạt, trên dải chiếu chiếu đậu, mát lạnh lưng khi nằm xuống.

Gầm giường vẫn chỉ là đất nện, nhưng luôn ẩm hơn vì ít có bàn chân ai đặt tới. Đó là giang sơn của con đế mèn, đế cộ hát thâu đêm, của lũ giun đất đào mùn giun thành từng ngọn núi tí hon, cứ loang lổ gập ghềnh dưới con mắt những con vật nhỏ nhoi như con muỗi, con bọ mạt....

Đôi khi còn nghe thấy tiếng con cóc nghiêng răng trong gầm giường ấy khi trời vẫn chuyển thay mùa....

Nền đất đã quen thuộc từ bao đời, không thể nào ghi được niên đại thật chính xác dù là nhà sử học lừng danh, nhưng ta biết rằng nền đất ấy mát lạnh gang bàn chân, khác hẳn trong những ngôi nhà thành phố, bỏ giày dép ngoài cửa, đi loại dép rơm hay giày đế crep vào trong nhà, bước trên nền đá hay gạch hoa tậu từ xứ ngoại, da bàn chân không hề được tiếp xúc với nền đất thiêng liêng của quê hương non nước.

Nền đất là một phần hồn gắn bó không thể chia lìa của ngôi nhà trong những làng quê Việt Nam. Nhiều gia đình có sân lát gạch Bát Tràng, có tường trình, có bể nước xi măng, nhưng nền nhà vẫn nguyên màu đất. Đâu phải vì không có khả năng, mà chính là vì để cho bàn chân được mát mẻ, ngấm vào nguồn mạch đang ngấm chảy lặng thầm dưới đó.

Đã có bao nhiêu đêm trăng lồng lộng đưa gió từ đầm sen rìa làng vào xông hương cho những ngôi nhà mộc mạc. Kéo nhưng tấm giại tre về một phía cho thông thoáng, rải chiếu chiếu ra nền đất cạnh bậu cửa.... mát từ gió hay mát từ trăng, mát từ nền đất hay mát từ lòng người.... tất cả tạo ra nét thanh bình của làng quê trong trẻo, thành phố có đổi bằng bao nhiêu vàng bạc cổ bản hản cũng khó mà có được.

Lâu nay, nhà ngói dần thay thế nhà tranh. Mừng lắm. Nền lát đủ loại gạch đương nhiên là phải đi kèm cùng nhà ngói. Chấp nhận. Tuy nhiên nếu tình cờ ta lạc bước về một nẻo nào ít quen thuộc, được đặt chân lên nền đất nện những ngôi nhà chất phác như chủ nhà, hản ta chẳng thể nào đi đôi giày đôi dép thị thành, mà phải cho gan bàn chân hoà nhịp với nền đất mát lạnh cho khỏi phí tình đất làng quê.

Hoài niệm về những chiếc nền nhà bằng đất để mà thương nhớ chẳng khác nào ta khó mà tìm được chiếc áo tơ kết bằng lá gồi, có hình khum khum che mưa nắng bao thời, khó mà tìm được chiếc thắt lưng bao bằng sồi xe của bà cụ lưng còng đã công phu suốt đời mình nuôi con cháu, công lao ấy cao như núi, dài như sông mà cũng chẳng bao giờ hé nửa miệng kể công.

Chiếc nền nhà bằng đất có lẽ cũng đầy công lao như thế. Hình như nó đã thành một phần máu thịt của bao thế hệ người Việt Nam còn có mặt đến bây giờ....

## THU

Như là thu gõ vào cánh liếp lúc nửa đêm về sáng khiến ta thức giấc, phải kéo vội chiếc chăn mỏng mà choàng qua bụng. Hay là đây, tiếng gà gọi những giọt sương khuya. Sáng mai này, mái cây rơm chắc ẩm hoặc sũng những tiếng chưa thành lời của vợ chồng Ngâu còn cách nhau một đoạn đường đầy sóng chia ly đòi đoạn nhưng tháng năm dài.

Ta nhớ ra rồi, bao nhiêu em bé dậy sửa soạn cặp da, sách vở giấy bút để chờ đợi tiếng trống trường năm học mới, mở đầu bằng tiết chào cờ phần phạt gió thu bay. Ta cũng góp phần, bọc quyển sách giáo khoa, mua thêm thước kẻ, sắm chiếc áo mới, đôi dép và cùng hộp đợi chờ như chính bản thân ta đi học. Mùa thu là thế, có năm học mới trong nắng vàng và gió mát, chứ cần chi giờ tờ lịch xem ngày nào là hạ chí, ngày nào là lập thu, ngày nào nữa ra sao....

Một đời người có bao nhiêu mùa thu? ai mà biết trước, dù có người sống với mùa thu đời mình, có người thiệt thòi chưa qua mùa hạ và có người may mắn sống dọc mùa đông....

Vườn nhà hàng xóm bỗng thơm như có người trinh nữ lướt qua, để lại chút hương da thịt mơ hồ và bí mật mà nhà văn Thạch Lam phải ngồi đó viết những trang tiểu thuyết "Dưới bóng hoàng lan". Đúng là hương hoàng lan. Cánh hoa nõn nà, mỏng manh, mềm mại nên hương hoa cũng nõn nà, mỏng manh và mềm mại.

Có ai thu cùng ta mà ta nhớ người cũng rất thu và thành xa vắng. Người đang ở đâu? Nơi ấy thu chưa? Người có cảm được hồn thu như sóng điện từ chiếm lấy bầu trời đang Thu lắm lắm.

Mỗi mùa thu về, đâu chỉ cho riêng một người. Thu là của chục triệu, của trăm triệu.... nhưng lòng thu thì ai cảm nhận niềm thu phơi phới dâng đầy tơ nhện của nhớ nhung nỗi dài tâm tưởng.... Phải cùng nhau chứ nhỉ? Ta không có bông hoa móng rồng để khi chiều dâng lên ta kỷ niệm, ta nguyện, ta cầu, ta ước với người như một thuở tương tư.... Bây giờ mới sắp vào Ngâu, chị bán rong đầy hương màu hoa thiên lý nhuộm vàng vào xanh, loang xanh vào vàng, vừa thơm vừa ngái, vừa để hít hà vừa để ăn vui...

Chưa hết mùa lũ. Những cơn bão bạo tàn còn rập rình phía kinh độ vĩ nào, định giờ nanh vuốt hành hạ con người và cảnh vật. Thì ra vào thu đâu chỉ có bình yên, có hoa nở và cỏ xanh, có quả hồng giòn tan và quả sấu chín ngọt chua náo nức.... vào thu còn có rợn rùng và đe dọa, có tàn phá và nguy hại khiến ta có lúc chênghênh như người diễn viên làm xiếc trên dây giữa nguy hiểm và an toàn....

Chưa phải mùa hoa cúc, dù là cúc trứng hay cúc vàng, vạn thọ hay đại đoá, cúc bướm hay cúc chi... Còn dặng mừng tươi rau đay lẫn mướp mà ta với người, người có nhớ chăng, đã có lúc chúng mình ngặt nghèo phải ăn con cáy nấu với nồn cây đay lấy sợi, vừa đắng vừa tanh, vừa nhạt vừa nhót.... nhưng mùa thu đi qua, ta lại cùng nhau chung đón những thu vàng, thu bạc, những thu của Lê - Vi - Tan bằng tranh, những thu của Lưu Trọng Lư bằng thơ, những thu có cây cơm nguội vàng và cánh chim sâm cầm vờn nắng của nhạc sĩ họ Trịnh mới ra đi, có cả giọt vui trong nắng sáng và có cả giọt buồn Đặng Thế Phong u ám mưa buồn chết nỗi lòng Ngâu....

Không hiểu hai đầu Nam Bắc Cực, cứ 6 tháng là đêm rồi 6 tháng là ngày thì thu len vào bằng cách nào, chỗ nào? Ở đây, hồn thu có mang nỗi buồn tình ái chia tay, kẻ cười vui trong hương thoả mãn, kẻ lại âu sầu một cách âm thầm không chia với cùng ai....

Còn ta, ta có thu của mình, đâm cành long lão trước cửa nhà, lá cứ thơm như thu, mà Bắc Giang có một cây loài đó, gọi là dã hương đã nghìn thu đặng vào lõi gỗ cho lá cứ lấp lánh trong sương, dù bão gẫy cành thì vẫn là dũng sĩ, như một Thạch Sanh đánh con mãng xà thời gian mà chiến thắng....

Ta bước qua cánh liếp có lời thu gõ nhẹ, bước vào khoảng sân ẩm hơi trời, chắc là đêm qua, mây đuổi nhau tìm chỗ để về nên thổi mạnh khiến bây giờ còn vương chút khói lam trên mái những căn bếp nhọc nhằn có cây mướp leo lên, có hoa vàng còn sót, có ánh lửa bập bùng le lói không nhìn rõ mặt người nhưng ta biết chắc chắn người đó là ai....

Ta không đợi mà thu cứ về đúng hẹn, đúng hương đúng màu, đúng chất như ngón tay nghệ sĩ tài hoa gõ đúng vào phím ngà cần thiết của cây dương cầm lòng ta....

Và ta đợi đầy thu ơi.... Ta ôm thu vào lòng như giấc mộng.



## *Băng Sơn với Hà Nội*

### NGHÌN NĂM HÀ NỘI

Hà Nội có tên chính thức từ năm 1831, vậy là sắp tuổi hai trăm hay là còn mấy năm lẻ nữa thì chẵn tuổi nghìn? Đôi khi ta lại tự hỏi không gian và thời gian trong hồn ta xem Hà Nội có phải là đã có từ trước khi quan viên cai trị ngoại bang lập ra La Thành chẳng, có thần Ngựa Trắng đi quanh mà yếm đất? Cũng có phải là hơn mười năm thế kỷ, từng có ngôi chùa Hộ Quốc từ thời Tiền Lý mà nay dáng dấp mờ lung còn ẩn hiện trên sóng nước Hồ Tây ngôi chùa Trấn Quốc có bóng cây đề khởi hành từ đất Phật Thích Ca Ấn Độ, về chốn này toả bóng xum xuê...?

Hà Nội đã thay đổi bảy lần tên gọi, nhưng hồn xưa, tình cũ, nét Văn hiến truyền đời thì chẳng đổi thay, chỉ có phát triển lên như cái vòng xoáy ốc, tưởng quay về chốn cũ, nhưng thực ra lại mở rộng vòng quay như tình yêu không hề đóng kín, cứ ngày một giao hoà và nghi ngút âm dương phát triển.

Đã có bao nhiêu du khách nước ngoài đến Hà Nội để mang theo Hà Nội về nơi xa ấy suốt đời. Đã có bao nhiêu trái tim rộn ràng thương nhớ từ Lũng Cú đến Cà Mau hướng về Hà Nội, nơi đến một lần thì tương tư mãi mãi, nếu chưa đến thì thấp thỏm yêu chờ được một lần hoan hỉ giao duyên....

Trên khắp đất nước ta ở đâu chẳng có những ao hồ, đầm phá, nhất là những chiếc ao cho lùm tre soi bóng, những đầm sen cho ngát lộng hương thơm.... nhưng ở đâu có hồ kỳ lạ đến mức thiêng liêng huyền thoại như Hồ Gươm, từng mang tên hồ Lục Thủy (nước xanh), hồ Tả Vọng và Hữu Vọng (hướng về Phủ Chúa từ bên trái và bên phải), hồ Thủy Quân (nơi thao diễn quân đội), hồ Hoàn Kiếm (trả lại gươm thiêng)...cho đến Thiên niên kỷ thứ III này, vẫn vói vói cây bút viết lên trời xanh dòng thơ cảm khái nước non kinh thành, sau khi chắm vào nghiên mực đá có ba "cậu ông trời" ghé vai gánh vác một niềm trường tồn bất tận hào khí Thăng Long...

Chỉ là con hồ quen thuộc, chỉ là mây trắng bay qua và đậu lại, chỉ là sóng nước lăn tăn, đôi khi phẳng lì mặt gương cho cỏ cây soi bóng mà điểm trang như nàng tiểu thư ngưng ngưng soi tóc mượt mà gió liễu lại đôi khi nổi sóng bạc đầu kể về mình niềm thời gian ngưng đọng trong bão táp phong ba.... Hồ Trả Gươm gọi tắt là Hồ Gươm mà có nhà thơ Hy Lạp phải sống sờ như đứng trước giai nhân bằng câu thơ:

*"Hồ gươm như một lẵng hoa giữa lòng thành phố"*

Cầu Thê Húc Hà Nội

để "Con tàu đưa tôi đi về phía trước"

Nhưng "Trái tim tôi đi ngược về phía đằng sau..."

Phía trước là đi về Hy Lạp, phía đằng sau chính là Hà Nội với Hồ Gươm, Hồ Tây với Hàng Đào đầy vải, Hàng Đường ngọt ngào, hàng Tiệm đầy quân cờ, đầy đôi chướng thù rồng thù phượng và tựu trung là có đến 80 phố mang chữ Hàng phía trước như câu ca dao cổ:

*Hà Nội băm sáu phố phường*

*Hàng Gạo, Hàng Đường, Hàng Muối trắng tinh....*

Một vòng quanh Hồ Hoàn Kiếm chỉ hai cây số, còn vòng qua Hồ Tây có mấy làng trồng hoa và cây cảnh, mấy làng nuôi cá vàng và

đánh cá đánh tôm, có hồng xiêm ngọt lừ, có canh đào đón tết, có chợ từng bán lưới (Võng Thị) vòng Hồ Tây ấy hơn 17 cây số cho ta đi trong gió lộng, trong mây bay, trong hương hoa, trong khói nướng chả thơm lừng món ngon, trong vị giòn tan con ốc hấp thuốc bắc, và trong thấp thoáng mơ hồ đã mịt mù khuây lấp là bóng đàn chim sâm cầm lông chân đen đỏ về tìm nơi bèo nổi mây chìm sóng bạc... Con trâu vàng không còn, con cáo trắng bắt tằm, những cung phi dệt ra lụa trắng ngàn năm vô định, nàng công chúa dạy dân trồng dâu dệt lụa, bà chúa Liễu Hạnh hiện ra từ vóc dáng tiên nương hoạ thơ cùng chàng trẻ tuổi trạng nguyên kỳ tài Phùng Khắc Khoan.... Tất cả và tất cả đang là một Hồ Tây có đường phố Lạc Long Quân và đường phố Âu Cơ chứng giám cháu con mở hội liên hôn....

Không kể con sông Hồng, tên chính thức là sông Nhĩ (sông có dáng chiếc vành tai) đọc chệch ra là sông Nhị, rồi Hồng Hà (từng là sông Phú Lương), khúc cuối nguồn sông Thao.... dài như một tấm gương mê hoặc, như chiếc thắt lưng đỏ quấn quanh chiếc eo lưng cô gái Hà Thành (một ý thơ của thi sĩ phía cuối trời Nam).... Sông Hồng cũng từng là nỗi khát khao của người "trăm họ" chả thể mà có chàng trai Quảng Ngãi lần đầu tiên gặp Hà Nội, bất kể lúc ấy là đêm khuya và trời lạnh, cứ nhảy ào xuống lòng sông cho phù sa sông Hồng thấm vào da thịt để thoả nỗi ước mong. Đó là chàng trai Võ Năng Lạc sau này là một giáo sư tiến sĩ về lòng đất, nói cách khác là về địa chất...

Ngoài sông Hồng uốn lượn mềm mại và ngang tàng ấy, Hà Nội còn bao nhiêu mặt nước để đắm say lòng người. Hồ Bảy mẫu, Hồ Ba mẫu, hồ Thiền Quang, hồ Thủ Lệ, hồ đền Hai Bà Trưng, hồ Ngọc Khánh, hồ Linh Quang, hồ Văn trước Văn Miếu (nơi các nho sinh thầy giáo trước khi vào cửa Thánh phải ngấm mình vào đó mà sửa sang mũ áo cho chỉnh tề)...

Đi liền với niềm yêu bông bênh sóng nước ấy thì Hà Nội cũng là thành phố xanh rờn suốt bốn mùa, suốt đời người, suốt tuổi tác bao thế hệ. Mái ngói cứ lô xô trong cảnh một Đỗ Huân, trong tranh một Bùi Xuân Phái, trong món ngon một Thạch Lam.... trong tách cà phê Lâm nghi ngút thơm lừng giữa phố Nguyễn Hữu Huân.... thì cây

xanh là một phần mê hồn hoặc của thời gian sinh tồn trong từng lõi gỗ.

Đường hoa sữa phố Nguyễn Du, đường Trần Hưng Đạo. Đường tán sâu biêng biếc tứ mùa Trần Phú, Phan Đình Phùng, Trần Hưng Đạo, đường sao đen lực lưỡng vững vàng Lò Đúc, đường chò nâu Hùng Vương, đường muồng hoa vàng như nắng đường Huỳnh Thúc Kháng, đường bằng lăng tím ngát Thợ Nhuộm.... Chỉ riêng quanh Hồ đã có hẳn một rừng cây, mọc mãi, mọc mãi thành kỷ niệm triệu hồn người trong lòng người, bất kể người ấy đang Hà Nội hay cuối phương trời hoặc dằng dặc nửa vòng trái đất tha phương. Thử xem kìa: Hai cây lộc vừng, một quần quai vươn lên, một chín gốc quây quần.

Bốn cây gỗ Tách hiên ngang, bốn mươi cây liễu thả tóc vào chiều vi vút, hai cây hoa gạo quê xa, năm cây hoa vông chói đỏ đón hè sang, mười bảy cây bàng thả thư đỏ đón mùa đông, mười một cây cọ lá xoè như trung du thoáng hiện, một cây sung trên dốc đá núi Đào Tai (hay Độc Tôn) cùng vô số cây hoa sữa (không phải là hoa sữa) nở trắng ngàn băng tuyết hoa xuân, những cây nhội, trái ngựa, xà cừ, tre trúc và sáu cho bóng xanh, cho quả ngon cũng chen vai nhau hàng thế kỷ với con số ngàn....

Xưa nay Hà Nội vẫn được coi là địa linh, là văn vật, là hào khí.... Nơi phía Bắc Hồ Gươm đang có đài phun nước, tên chính là quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, từng là bãi chặt đầu người. Quân Pháp mang người Việt Nam yêu nước ra đây chém rồi bêu đầu..... nhưng thời nào Hà Nội cũng có rất nhiều anh hùng yêu nước, có người đầu độc quân thù, có người lên máy chém, có người chết trong tù, có người hy sinh tại mặt trận tí tặn phương Nam và nay trên khắp các mặt trận, từ mặt trận văn hóa tư tưởng đến kinh tế, xã hội.... bao nhiêu anh hùng có tên và khuyết tên, cứ như hoa xuân Ngọc Hà Hữu Tiệp, cứ như hoa xuân Ngọc Hà Hữu Tiệp, cứ như cành đào mơn mớn Nhật Tân, Quảng Bá, cứ như ông quan án Sát không chỉ xử án mà còn làm thơ và dựng Đài Nghiên Tháp Bút cho hậu thế muôn đời...

Ta bước vào lịch sử phút giây sống với người xưa và ta lại về cuộc đời để sống cùng Hà Nội hiện tại. Những Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Phụ nữ, Bảo tàng Chiến thắng B52, Bảo tàng Hồ Chí Minh.... hiện tại và lịch sử song trùng, đồng hành..... Có chiếc lò chiếc đồ để đơm con cá nơi hồ Hàng Đào trăm năm trước thì cũng có lá cờ đỏ sao vàng trên quảng trường Nhà hát lớn năm 1945 tháng Tám, nhân dân vùng lên đập đổ ách công cùm nô lệ.... và cũng có khói đen nghi ngút cho xăng Đức Giang cháy và xác pháo đài bay Mỹ rơi ngay vào ao làng, cạnh vườn trồng hoa của làng Ngọc Hà, như một chứng tích của tàn bạo chống lại nhân văn nhân bản....

Hà Nội đi lên, không đao to búa lớn, không mất gốc, đứt rễ. Vẫn còn hàng xôi lúa làm bằng hạt ngô nếp bung như, vẫn còn sợi bún Phú Đô, Tứ Kỳ trắng tinh đi kèm con ốc thành món bún ốc ít nơi có được ngon bằng.... vẫn còn những sợi rau muống luộc và cô hàng bán cơm nắm muối vừng, có con tôm đầu gạch đuôi trứng, có món nộm rau bí ngô xào tỏi, vẫn còn món phở nạm, phở gầu ngon nhất nước không món quà sáng nào sánh kịp....

Hà Nội từng là quê hương của bao danh sĩ, thuyền quỳên, tài tử, và cũng là quê hương của bao món ăn kỳ lạ xuất hiện từ những bàn tay kỳ tài, và quê hương của tấm áo dài "Lơ Muya" tức áo dài "Tân Thời" và nay là hồn Việt Nam, chỉ nói gọn là áo dài Việt Nam"....

Nguyễn Trãi từng "Góc Thành Nam lều một gian" suốt 10 năm bị giam lỏng ở Đông Quan này. Nguyễn Du viết "Người gảy đàn cầm trên đất Thăng Long", Cao Bá Quát nhà ở phố Đình Ngang, Phạm Đình Hổ tự bảo rằng "Nhà ta ở phường Hà Khẩu"... và bà Huyện Thanh Quan, bà Đoàn Thị Điểm, bà Hồ Xuân Hương cùng hàng nghìn dòng tên trên bia tiến sĩ, Hà Nội là cái nôi, cái tổ của nền văn hiến Việt Nam, của Kẻ chợ, Kinh Kỳ, của Hà Thành linh ứng....

Hơn trăm năm phố thay cho một thời chỉ có băm sáu phố phường. Mấy cửa ô mờ tỏ những Ô Quan Chưởng, Đống Mác, Cầu

Giấy, Cầu Diên, Chợ Dừa, Yên Phụ.... của 24 cửa ô bao thời để lại, đâu phải chỉ có 5 cửa ô như lời một bài hát (5 cửa ô là 5 ngả quân ta vào tếp quân Hà Nội năm 1954 mà thôi)... Hà Nội đang rộng dài, đang nở hoa, đang lực lưỡng con thiên mã tung bồm trên đường thiên lý, nếu không nói là con rồng vùng vẫy với bao la, bao la trời đất và bao la lòng người.

## NÉT ĐAN THANH HÀ NỘI

Thời gian là một dòng trôi không ngừng không nghỉ. Năm tháng ngày giờ chỉ là ước lệ do con người đặt ra, tuy vậy, cách phân chia ấy cũng quan trọng lắm. Tính từ tháng 10 năm 1954 đến ngày này năm 2002, là chỉ thiếu 2 năm nữa sẽ vừa nửa thế kỷ. Bao nhiêu thay đổi theo thời gian, thời gian mang thay đổi đến hay con người tạo ra thay đổi ấy?

Thời khắc ấy, ước tính Hà Nội có khoảng 25 vạn, trừ người đại đột di cư "Theo Chúa vào Nam" thì Hà Nội còn chừng 15 vạn. Nửa thế kỷ, Hà Nội có số dân 3 triệu, so nội thành nay và trước, khoảng triệu rưỡi thì số dân gấp mười. Dân đông gấp mười nhưng đất đai, nhà cửa, đường sá... lại không nở ra theo tỷ lệ thuận, cho nên Hà Nội vẫn đang là bài toán cho bao nhiêu lo toan, tính toán, suy nghĩ, trăn trở....

Cây quanh Hồ Gươm xanh hơn. Tóc liễu buông rèm tha thướt đẹp như con gái thế kỷ hăm một quanh ta trên đường Hà Nội, dù rằng lẫn vào các đường thiếu nữ thanh tân như tiên sa làm cá lặn mây hờn ấy, không thiếu gì lố lằng kệch cỡm như con gái mà để tóc con trai, mà nhuộm đỏ, nhuộm vàng. (Nếu Nhà văn Vũ Trọng Phụng sống lại, hẳn ông vẫn phải viết tiếp những kẻ gọi là xuân tóc đỏ tập hai). Nói năng của Hà Nội xưa là thanh tao, lịch lãm, nói đúng giọng, dùng đúng chữ, mềm mỏng, dễ nghe thì nay bao nhiêu chiếc tai đau khổ phải nghe từ các ca từ đến ngôn ngữ chợ búa tục tằn, nhí nhố, lai Tây lai Tàu, tục tĩu, ngọng lịu, ngọng liu....

Công bằng mà nói Hà Nội vẫn rất Hà Nội qua những con đường rợp bóng xanh xuân, xanh hạ, xanh thu.... vẫn dịu dàng yếu điệu những tà áo thướt tha mềm mại cho lòng ta bay lên niềm mơ mộng lung linh của cuộc đời tươi đẹp, vẫn còn những em học sinh, sinh viên, những trai thanh gái lịch đầy kiêu sa, thơm thảo, hiền dịu nét na, để có thể đủ sức đánh bật đi bao nhiêu rác rưởi không đẹp, không Hà Nội lẫn vào....

Hà Nội vẫn rất Hà Nội khi hương vị thơm ngon kỳ thú của món quà không sánh đâu kịp: Phở. Có lai tạp đấy, có thời thượng đấy, có xô bồ đấy, nhưng tinh hoa thì bao giờ cũng vẫn là tinh hoa. Người Hà Nội vẫn tìm ra những bát phở theo sở thích riêng mình, đó là bát phở chín, dù là chín nạm hay chín gầu, chín sụn, chín nhừ... mặc ai ăn phở trứng tanh lôm, phở giò cho béo bổ, hoặc ngay một món quà dân dã, rẽ đến bất ngờ là bún riêu cua, vẫn còn nguyên hương vị của món riêu cua đồng ngọt mà thanh, sợi bún mềm và mát, trắng tinh như mây trời đậu xuống, bất chấp ai phàm ăn cho đầy bát những giá đỗ, những đậu rán thái quân cờ, những thổi giò bằng nửa cổ tay, thậm chí giằm vào đấy quả trứng vịt lộn, để lấy lại sức đã đánh mất đêm hôm trước.

Hà Nội như chàng trai vạm vỡ, ngực đã nở như ngực báo, lưng đã to như lưng gấu, tay đã dài hơn sải.... không còn thích hợp với chiếc áo thuở lên năm lên mười, dù nó có được cắt may bằng gấm vóc qua tay người mẹ thương yêu chan chứa hay người thợ may tài hoa.... Vì thế mà nó cần sức bật, sức dướn, sức vươn... Nhiều ngã tư ngã năm đang tự nói mình ra. Đẹp lắm chứ, khu vực Cầu Giấy có đường vòng đường lượn có nét thẳng nét cong... nơi xưa kia chỉ có một nhịp cầu nhỏ bé gọi là cầu Tây Dương nơi cửa ô hun hút và toàn ngõ lầy phằng phát bóng ngọn tre tàu chuối....

Đường sang Gia Lâm, nơi thế kỷ trước còn là đất của Đông Ngàn Kinh Bắc.... nơi năm 1924 còn là bến phà chở những chiếc ô tô đầu tiên qua sông, sang qua bãi mới tiếp tục rô máy lên đường (vì cầu sông Cái chưa xong). Nút cầu Chương Dương như mở ra dải lụa sang nhiều tỉnh bạn miền đông, miền bắc kinh đô... Vì thế mà càng gần



kẻ nào xô bừa lên, lao xe máy vào đường ô tô, làm tắc đường, làm mất thì giờ và cũng làm đau Hà Nội...

Cái ông hoạ sĩ Cát Tường còn gọi là hoạ sĩ Lơ Muya (Le Mur) có sáng kiến cải tiến cái áo cổ xưa thành chiếc áo dài tân thời, nay, tà áo ấy đã thành quốc hồn, thành Hà Nội- hồn làm mê mẩn cả trai năm châu bốn biển. Ừ thì cho rằng nó thoát thai từ chiếc áo dân tộc Chăm, từ chiếc áo tứ thân.... nhưng ngày nay áo dài đồng nghĩa với Hà Nội, đồng nghĩa với Việt Nam, chắc hồn hoạ sĩ đang dâng lên niềm sung sướng vì nét đẹp truyền đời, và mỗi chúng ta Hà Nội, sao mà không rung động cho được khi ta áo ấy phơ phất giữa tâm hồn ta sâu thẳm. Khó mà cải tiến nó hơn, hoạ chẳng bày vẽ chỉ làm nó hỏng (lời phụ quân của nhà tạo mẫu Ngân An, ông Quang), giống như người ta đang cải tiến tóc đen thành tóc nâu, phớt thành tả pí lù, đường rộng hoá đường bó hẹp và bao nhiêu thứ khác...

Hàng ngày, hơn triệu người Hà Nội (tính khu vực nội thành) sinh hoạt ra sao? Quanh Hồ Gươm có bao nhiêu người dạo mát và bao nhiêu bàn cờ những pháo lồng lệch, tốt sang đông. Nếu thế kỷ trước có thể đếm trên đầu ngón tay là đủ mấy ông đồ tú tài, mấy danh nhân danh sĩ, thì sang thế kỷ này, Hà Nội là chiếc lò đúc khổng lồ đào tạo những tài năng. Nếu một Cao Bá Quát "suốt đời chỉ cúi đầu trước hoa mai", nếu Nguyễn Siêu người có công dựng Đài Nghiên Tháp Bút và cầu Thê Húc, nếu cụ nghề Vũ Tông Phan trồng cây đa nơi trường Hồ Đình (sân toà báo Nhân Dân), nếu một Nguyễn Quyền, Lê Đại.... mở ngôi trường tư gọi là Đông Kinh Nghĩa Thục.... thì mới ít ngày vừa qua, Hà Nội đã có hàng chục vạn cô tú cậu tú đi so tài cao thấp vào các trường đại học.... Thay đổi này là không thể ngờ, là không thể hiện ra trong óc nhưng ai xa đất nước vài chục năm chưa có dịp trở về...

Mùa này hoa sữa đang xông hương cho những đêm thu Hà Nội, mùa đẹp nhất trong năm và cũng là mùa Hà Nội đẹp nhất cho lòng ta ngây ngất đắm say mà đi vào tình ái, mà hồi tưởng tình yêu mà mê man cùng niềm đẹp, mà ân tình với Hà Nội trầm tư trong sôi động, thanh tao đài các trong xô bồ, thanh thản trong bận rộn.....

Hà Nội tự mình đan cài các trạng thái để tự mình không đơn điệu như một nhà thơ đầy tài năng không hề đơn điệu. Đôi khi ta bắt gặp một hương hoa hoàng lan trên đường Phan Đình Phùng. Lại cũng không quên một cây nơi cung Thiếu Nhi, một cây giữa phố Lý Thường Kiệt, một cây giữa phố Triệu Quốc Đạt, một cây gần Văn Miếu.... Hoa hào phóng thế, cứ cho người Hà Nội toàn bộ hương mình, hình như có thể hoa mới tự hài lòng, và có thể người Hà Nội mới thanh tao lịch lãm, diễm lệ đến thế....

Mới gần nửa thế kỷ, thời gian trôi nhưng đâu có dài. Con tàu Hà Nội có lẽ mới đi qua một nửa ga, một đoạn đường, một chớp mắt trên đường đi rên dòng đời của mình. Vậy mà ta không thể tính hết được những gì thay đổi, mà đâu phải ta là người không trí nhớ, ngược lại, Hà Nội bao giờ cũng luôn thường trực hàng ngàn bộ não ưu việt, hàng ngàn pho từ điển sống.... Chỉ vì Hà Nội yêu quá, đẹp đến thiêng liêng nên ta không thể nào theo kịp, không thể nào mang hồn ta bé nhỏ ra mà đong đếm, giống như ta hiểu thảo cũng không thể đo hết lòng mẹ, tình mẹ đã cho ta....

Và như vậy ta vui sướng được là một nét đan thanh trong bức tranh kỳ vĩ muôn đời Hà Nội, đã vẽ và đang còn vẽ tiếp.

## HÀ NỘI NGÀY THƯỜNG

May mắn thay mỗi ngày ta còn đủ sức khoẻ và lý do để bước ra đường, đến nơi này chỗ nọ, gặp người nào đó. Mới hôm nay đi chọn hoa đào trên Nhật Tân Quảng Bá, mới sớm nào ăn đĩa bánh trôi để đón hè non, thế mà chợt thu phát phơ xanh liễu, hồ đầy như mắt mọng nỗi niềm... Thu đã sang ư từ đêm qua hay từ đêm trước mưa long bong lòng máng hiên nhà, hay chỉ mới sáng nay, lúc ta mới bước ra đường trong hơi sương ẩm, mà thấp cổ run run trong bóng nước lồng mây viễn xứ bay về?

Ta đi một mình hay cùng ta là hàng chục hàng trăm người xưa cũ đang trong ta bên ta, quanh ta bằng lăng trên mỗi chiếc lá rập rờn, trên mỗi ô gạch lát hè, trong mỗi căn nhà âm thầm và tíu tít....

Bà Huyện Thanh Quan từng ngồi ở một góc nền cũ nào trong tịch dương than thở để tiếng thở dài ấy còn vương vít đến muôn đời?

Nguyễn Du đi dò qua sông Cái sang Đông Ngàn, quê mẹ, người thợ mang bộ ngực ốm o dựng trong chiếc áo the hay áo gấm của cậu ấm con quan, khiến cô lái đò cảm thương lẫn lóc? Bao nhiêu nước đã qua bên ấy, cô lái đò đã tái sinh trong bao nhiêu lớp cháu con, thanh nữ đài trang hay cô hàng chạy chợ nhọc nhằn lam lũ, thành chị nhà chài buông lưới hay bác vớt củi rêu trôi nổi trên sông, thành cô gái cầm cung Hàng Bạc cổ tay trắng nõn ngó cần hay nàng thực nữ Hàng Gai bày cỗ Trung thu ra vỉa hè cho hàng phố ngời ca tài nội trợ....

Ta tự lang thang vào thành phố hằng quen thuộc, nhưng như bừng một giấc cô miên, ta lại gặp bao điều nhắc nhở những thời, những thuở có ta và chưa có ta...

Mới hôm nào tinh túy của đôi Lục Ngạn Bắc Giang lũ lượt bạt ngàn trên bao nẻo phố, ngọt như đường mà chua chua cảm giác, đỏ như hồng ngọc mà trong suốt như mã não.... mà nay chỉ còn là đôi quang gánh toòng teng đi bán cốm nhẹ nhàng, êm lẳng gót chân. Đã lâu rồi không còn chiếc đòn gánh cong một đầu như mó thuyền đuôi én vùng Tây Bắc Sông Đà thơ mộng, làm bằng cả một gộc tre chẻ dọc.... Chiếc đòn gánh bây giờ thẳng đơ, cứng quèo, không hiểu hương cốm có đọng vào đấy chút nào cho thành cái duyên nghìn năm, trăm năm đất nước mùa thu?

Chỗ góc Hồ Gươm có hơn 40 cây liễu bên nhau, có lúc quàng tóc vào nhau mà thì thầm, ai đó qua ngời đó, ai hôm nay qua đó, cô sinh viên hay người nước lạ từ Bắc Bắng Dương hay Nam bán cầu trái mùa cùng ta... cái mâm xôi vòng lên làm bằng công sức mấy chị công viên, lúc là xanh cỏ, khi lại tím vàng, có hôm trắng muốt, có thuở rung rinh, có ngày khô khốc... không ai có thể ghi lại được hết từng ngày của mỗi năm, của thế kỷ vừa qua; của đời mình diễn biến cùng đời thành phố.

Ta đi qua phố Bà Triệu để nhớ một người không bao giờ còn viết thêm bài báo nào trên tờ *Cứu Quốc và sau là Đại Đoàn kết*. Ta thả cái thong dong vào hồ Thiền Quang, ngồi trên chiếc thân cây nằm ngang, một chiếc cây có thể đặc biệt, duy nhất, độc đáo, cái tình Hà Nội, hình như đã một lần ta có người bạn gái thân thương đầy e lệ, không dám bước qua cái ngưỡng rụt rè để đời đời ta mất nhau khi người nằm giữa lòng nghĩa trang Văn Điển từ mấy chục mùa thu lạnh lẽo cỏ vàng.

Một ngày bình thường thành phố, không cần biết ai sống thế nào, người chui xuống lòng cống ngầm, người leo lên tầm cao chót vót, người trồng cây và người tỉa cây, người bán phở và người ăn phở, người đỡ đẻ và người đào huyết, người cân vàng bằng cân tiểu li và

người cân cả chiếc ô tô tải bằng chiếc cân ngằm dưới đất, người đi học và người dạy học, người viết báo và người đọc báo, người bỏ nội thành để về quê và người từ quê ra thành phố, vào nội thành ngơ ngác tìm nhà....

Ta ở giữa đó chẳng hay bên lề những điều quen thuộc đó. Chẳng thể xác định như vôi thì phải trắng, lá thì phải xanh, nước thì phải mềm, đá thì phải cứng....

Đã thừa thớt người đi bán hoa sen, cả trắng lẫn hồng, cả sen lẫn quỳ cứ gọi phứa đi là sen tuyệt vời. Và đã bắt đầu thừa thớt hoa cúc vàng, chưa đại đoá nhưng cũng tạm là thu. Suốt mùa hè hoa hồng không đẹp, từ hồng quế hồng lam đến hồng Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Mê Linh, Vĩnh Tuy, Đà Lạt, Hà Lan hay Pháp....

Hình như ta nhớ cách đây vài chục năm, chỗ đầu phố Thụy Khuê chưa thành làng Nhật Bản, mà còn là vườn ươm hoa cho thành phố, có một dàn cây thừa thớt, lần đầu tiên bông hồng vàng có mặt, thứ hoa hồng leo quý phái, đặc trưng, mềm mại, lả lướt, kỳ diệu đến nỗi ta phải đưa cả mấy nhà văn mấy tỉnh đến thăm, trong số đó Nguyễn Hà đã mất, Phượng Vũ không còn, Lữ Huy Nguyên đã ra đi....

Nay hoa hồng vàng bán rong khắp phố, có vàng thẫm, có màu kem, có hoàng yến, có vàng thố, vàng thư.... hình như gió bốn phương trời chuyển động, hoa về thỏa sức. Ta ngược lên phía bắc Hồ Gươm. Cây đề duy nhất bên hồ đã vịn mình thế nào trên quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục này khi hiệu kem Hồng Vân Long Vân từng là trụ sở toà báo của con người Hà Nội lừng danh Nguyễn Văn Vĩnh ngồi đây viết báo, đã thành hiệu ảnh và hàng bán đồ lưu niệm trong nhịp đổi thay. Ai còn nhớ nhà Thủy Tạ hoàn thành năm 1940, nay thêm một tầng có hàng ăn "Đình Làng" với những cô gái thắt đáy lưng ong, mớ ba mớ bảy bưng những chiếc nậm rượu bằng sứ Bát Tràng cho khách trăm miền ngồi phòng lạnh, nơi hẹp nhất Hà Thành....

Mới bỏ ra mấy nghìn triệu đồng để sửa được hai ngôi nhà cổ một Hàng Đào và một Mã Mây, còn mấy trăm hay mấy nghìn ngôi nhà hình ống nữa thì sẽ thế nào đây? Đâu là nơi Phạm Đình Hồ ngồi viết "Vũ Trung Tuy bút", rằng "Nhà ta ở phường Hà Khẩu", đâu là nơi Nguyễn Trãi viết ra câu thơ "Góc thành Năm lều một gian", đâu là chỗ Cao Bá Quát cúi đầu lạy bông hoa mai "Nhất sinh đề thủ bách hoa mai", đâu là chỗ thầy giáo Nguyễn Siêu ngồi báo học trong cái đình vuông gọi là Phương đình mà thành biệt hiệu....

Ta mới biết ngôi trường của cụ nghề Vũ Tông Phan gọi là Hồ Đình là toà báo Nhân Dân bây giờ, như ta biết ngôi nhà 48 Hàng Ngang là của ông Trịnh Văn Bô và bà Nguyễn Thị Minh Hồ dành riêng cho Bác Hồ viết bản tuyên ngôn Độc lập bất hủ truyền đời, đang được bảo vệ kỹ càng....

Ta lại thả chân vào hiện tại đồng thời là dĩ vãng và tương lai. Chưa có một cuộc trưng bày nào, triển lãm nào lại đông như mấy hôm nay, hàng vạn người chen nhau vào xem đồ án dựng xây mấy cái nút giao thông Ngã Tư Sở, Ngã Tư Vọng... Hiện tại đấy mà tương lai đấy. Xa xôi đấy mà sát sườn đấy.... Phố Tràng Tiền từ ngày cấm để xe đạp xe máy hoang vu hẻo lánh, đến bây giờ mới thấy đông như thế dù người trông giữ xe lấy tiền đắt gấp mấy lần mà chưa thấy ai can thiệp....

Ta đang là một phần của hiện tại, có lẽ không ai cần biết là hiện tại có những ai đang sống bên mình, với mình, cùng mình.... may ra như liệt sĩ Lê Gia Định, Hoàng Diệu, Tôn Thất Tùng.... sau khi ra đi mọi người mới giật mình nhận ra niềm mất mát. Triệu người là triệu con ong cần mẫn, hút nhụy hoa và nhả mật, là triệu con tằm ăn lá dâu và làm sợi.... Chả bao giờ quanh Hồ Gươm đông đến vài chục vạn như chiều hè lần bước chiều thu này, may ra dăm chục bàn cờ... có tướng sĩ ganh đua, có xe con tung tẩy....

Đúng là một ngày thường, vì kia kia mấy gương mặt quen thuộc đang tập vung tay, đang đi bộ rèn luyện.... cùng mấy ông già lúc nào cũng chỉnh tề giấy bóng lộn, tóc mượt mà, quần phẩy phiu, ngực cà

vật.... ngồi đọc tờ báo An Ninh Thủ đô hay Hà Nội mới.... Quen và không quen, giơ tay chào và lẳng lặng bước đi.... mặc kệ anh trật tự viên hay đeo băng đỏ ra hiệu cho mấy chú bé không được đi xe đẹp trên vỉa hè lát gạch lá dừa và nay là gạch vừa lát theo cái quỹ gần 17 nghìn triệu đồng sửa chữa Hồ Gươm.

Mười năm đôi cột xi măng đỏ cắm xuống lòng hồ đỡ thân cầu Thê Húc cong cong như vành lược, chắc là còn lâu bền, không còn là nỗi lo đổ cầu như Nguyễn Siêu nghĩ lúc ban đầu, và năm 1952 nó đổ đúng giao thừa Nguyên Đán.

Để Hồ Gươm lại sau lưng, ta lững thững với Hàng Đào, Hàng Ngang, Đồng Xuân. Đã có một phố Cầu Đông mới bên cạnh chợ Đồng Xuân thay cho chợ Cầu Đông cũ chỉ còn ngôi chùa 38B Hàng Đường có tấm bia liệt sĩ, tên người cha của nhà sử học Dương Trung Quốc là Dương Trung Hậu. Chợ Đồng Xuân cũng đầy thay đổi. Anh linh những người chiến sĩ quyết tử, đánh giặc Pháp có xe tăng đại bác bằng dao bầu mã tấu, phản thiet....

Chợ Đồng Xuân không là siêu thị, nó vẫn là chợ Việt Nam, mang cốt cách Việt Nam, như bao chợ khác: Chợ Hôm, chợ Đuối, chợ Hàng Da, chợ 19-12, chợ Bưởi, chợ Mơ, chợ Hàng Bè, chợ Cửa Nam.... Người Hà Nội đã dần quen siêu thị như dần quen ăn phở có giá đồ sống, uống nước trà đá.... mà có người phản đối, cho đó là không Hà Nội. Không sao. Có thể mới là ngày thường, mới là nhịp sống đổi thay mới là vũ bão gió mưa cuộc sống.....

Và một ngày đi qua, trăm ngày đi qua, ta là cái gì đó, một ai đó, nghĩ một nỗi niềm chi đó, nhớ nhung người nào đó... Hà Nội tồn tại trong ta và cũng là tồn tại ngoài ta, bên ta có ta can thiệp và không có ta góp sức....

Có lẽ đó là quy luật, quy luật muôn đời, từ thuở Long Biên, Đông Đô, Thăng Long, Hà Nội, từ thuở chưa có, rồi có, rồi mất đi những Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Trần Quang Khải, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam....

Ta lại thả thân ta vào một ngày thường.... hạnh phúc khi còn đủ sức khoẻ và có lý do để ta hoà vào Hà Nội ngoài kia nghìn về...



## MƯA XANH HÀ NỘI

Sau bao tháng ngày hanh héo khô xác, cây bàng chút lá đỏ, cây liễu lơ x x, cây đề gầy guộc, những mặt ao bèo cạn đến đáy, con đường xa mù bụi... bỗng có một điều gì lướt qua và đọng lại cho mọi vật chợt bừng bừng, hồ hởi tươi vui, nồn nà, yếu điệu... Thì ra là mùa xuân đã về, đem đến mái tóc mình, bả vai mình những làn mưa bụi giăng giăng, không thể gọi là cơn mưa được, mà chỉ là mưa, là mưa thôi.

Đột nhiên mình cũng nhớ đến câu thơ hình như đã bật ra từ mấy chục năm cũng trong một mùa mưa bay đầy phấn thông xanh như thế:

*Mùa xuân phép lạ, mưa không nước*

*Cây sắp hoa rồi, em đợi ai...?*

Hoa không còn là danh từ mà đã theo mưa tự mình thoát xác thành động từ đầy thúc giục yêu nhau. Không hiểu có nhà ngôn ngữ nào giương cái thước kẻ khổng lồ lên mà phê bình rằng chữ ấy dùng sai ngữ pháp. Nếu có, thì xin chịu, nhưng từ thuở hồng hoang, từ chiếc cây một lá mầm hai lá mầm sinh ra và con người được sinh nở, tình yêu có theo một "văn phạm" nào không nhỉ?

Những đường cây hoa sữa phố Nguyễn Du treo bao nhiêu là mảnh xanh dẹt bằng quả sữa, hương thơm đã ngủ trong lặng tờ. Hàng cây sấu tròn xoe trên phố Trần Hưng Đạo ai đem những mảnh vải xa tanh bóng biếc che từng chiếc lá cón con? Hoa sữa (không phải hoa sấu) sắp mang trời cực Bắc về đây trong màu trắng muốt, trắng

phau, trắng tinh khôi, mà mưa bay làm cho nó càng lộng lẫy phố Hàng Dầu, phố Phan Chu Trinh, phố Hoàng Hoa Thám, cạnh Nhà hát lớn....

Cây đề độc nhất ở đài phun nước Bồ Hồ tức Quảng Trường Đông Kinh Nghĩa Thục đang tự làm người thợ rèn, rèn đồng điều trong lửa lò thành những chiếc lá đề màu đỏ tím, màu tím đỏ treo lên la liệt bằng những chiếc cuống nhỏ như tăm không ai nhìn thấy, nên những tám lá đề đỏ tím ấy khẽ gió cũng reo reo. Phải cuối giêng, trời mới cho chúng một màu xanh như rau xà lách ngon lành, như những cây nến bằng điệp lục cắm trên những tán bàng bay mưa, và loé nắng...

Ai người để ý đến loài cây me khiêm tốn, ẩn mình trong dải rác phố Ngô Quyền, Trần Nguyên Hãn, đường Lê Thái Tổ? Lá me hay côm Vòng treo trên đó? Lặng trời gió đừng bắt nó vì nếu trên mặt đường có lá me bay thì ta cứ tưởng như có ai đó vừa gánh côm đi qua, lỡ trượt chân làm đổ những viên ngọc lưu ly vào đất, khiến ta muốn ngời nhặt côm cho khỏi phí của trời.

*Mùa xuân phép lạ, mưa không nước....*

Mình cũng không ngờ là có một câu thơ đầy phi lý nhưng rất có lý và chan chứa nỗi tình như thế. Mưa không nước thì mưa ra gì? Mưa ra thơ đấy, mưa ra tình đấy... mưa mùa xuân đấy, mưa ra mộng mơ đấy... và nó cũng đích thực là mưa xuân Hà Nội, mưa như không mưa, mưa như trêu cợt, mưa như để riêng người dùng rằng những bước chân, không thể chia tay về mỗi người một ngã đường đèn lấp loá trong mưa...

## CHÂN CẦU

Nhà thơ Tô Hà không qua được cái ngưỡng đời khắc nghiệt "Năm ba" (tức 53 tuổi). Ông để lại vài tập thơ trong đó có tập sưu tầm những câu thơ, trong đó có tập sưu tầm những câu thơ hay rất đáng nhớ. Còn bản thân Tô Hà cũng có những câu thơ hay, có câu cứ trở đi trở lại ký ức mỗi người khi xuân về, mỗi khi gặp một làn sương, áng khói mông lung vô định với lòng người:

*Chẳng thấy trời đâu thấy nước đâu*

*Bờ xuân mờ mịt cả chân cầu...*

*Người không sương khói mà sương khói*

*Qua lại mơ hồ dáng đắp nhau.*

Không hiểu ông viết những câu thơ lãng đãng mơ hồ ấy vào lúc nào, và chân cầu ấy là chân cầu nào? Thê Húc đỏ son đã vài trăm tuổi, có 15 đôi chân cắm chặt vào lòng hồ vận tuổi của Thăng Long ngàn tuổi, hay chân cầu ấy là con tàu sông Cái, cầu Paul Doumer đổi tên thành ra cầu Long Biên, dựng bằng sắt thép từ thủ đô Ba Lê của nước Pháp ánh sáng, cũng đến đúng hôm nay là tròn đầy trăm tuổi (1902-2002), có 19 chân, cộng hai mố hai bên thành hăm mốt đỡ lấy 20 nhịp lưng rồng tạo hình uyển chuyển như mây rồng đùa giỡn mà dù thương tích đầy mình trong tôi bởi khói lửa chiến tranh cũng vẫn là kỳ tích huy hoàng của người Hà Nội.

19 hay là hăm một chân cầu Long Biên ấy đã nâng bao nhiêu bàn chân con người qua lại từ bến Đông Ngàn qua đất Đại La, nâng bao nhiêu đoàn tàu xình xình đầu máy chạy than hơi nước, đầu tàu chạy dầu hôi... chở những người nông dân đồng bằng Bắc Bộ chân lấm tay bùn hay là chở những nàng gái Hàng Đào, Hàng Bạc, những ông đốc tờ cử nhân từ đầu thế kỷ, có người của làng làm quan Chèm, Vẽ, có người của đất hoa Ngọc Hà, của làng rượu Hoàng Mai, của thôn tóc rối đối kẹo Triều Khúc, Kim Lũ, của làng xanh mướt cốm vòng Dịch Vọng, của tỉnh Đông, tỉnh Đoài, của Sơn Nam, bến Đông, của trăm phương đổ lại đô thành.... và cả những đoàn quân một thời điệp trùng ra trận. Những chân cầu một mình hay nói cách khác chỉ là đơn lẻ.... dù thế nào nó cũng cứ vững chãi, thách thức với thời gian.

Cầu Thăng Long hiện đại có bao nhiêu chân cầu? với 15 nhịp chính, không kể phần cầu dẫn hai bên lên xuống thì nó phải có 14 chiếc chân và 2 mố, nếu không có mố như những cây cầu tạm gọi là cổ điển thì nó phải có 16 chiếc chân sừng sững gáp bao nhiêu chân con voi khổng lồ mà tuổi thơ ta từng gặp trong những câu chuyện cổ tích của mẹ, của bà... Cho đến cây cầu dây văng hiện đại Mỹ Thuận làm đổi thay bộ mặt cả vùng châu thổ đồng bằng Năm Bộ cũng không thể thiếu chân cầu. Hình như cầu và người đồng cảm, cùng chung số phận. Nếu cầu không có chân thì không thể có mặt, khác chi đâu con người, nếu không có cha mẹ, tông tổ, nếu không có nòi giống sinh thành....

Còn chiếc cầu tre lắt lẻo, cây cầu khỉ đung đưa, cả chiếc cầu ao bắc bằng ba đoạn tre vươn ra mặt ao, hoặc do thói quen, có nơi còn vớt mảnh ván thoi dùng để chấn chuồng lợn, lâu ngày đem bắc cầu ao, bảo làm thế mới trừ được ma quỷ những đêm động trời, lòng người u ám, hay có bệnh thời khí phát ra.

Những chiếc cầu mong manh và đơn giản ấy có bao nhiêu chân nhĩ? Có khi chỉ có một chân (gồm hai khúc tre gắn liền nhau) như cầu ao cạnh vườn, nơi chị gái băm bèo, rửa rau, giặt chiếu, hoặc tùy thích mà dăm bảy chiếc chân như chiếc cầu khỉ cheo leo, cho ta cảm giác nước dưới chân cầu không ào ào nhưng lay động, ta đi trên cầu

mà đúng là đi trong nước, đi trong sóng, đi trong một thế chênh vênh bất ổn...

Nước ta có rất nhiều sông rạch, có nhà nghiên cứu cho rằng cứ mỗi km2 đất đai màu mỡ tốt tươi. Như thế làm sao thống kê cho hết được số cầu qua sông, qua rạch, qua kênh, kể cả con mương đầu làng mỗi trận mưa rào nước đỏ như son, có ông kéo vó ngựa mình kéo nặng mong con tép, con rô đầy giỏ.

Phải là kẻ xa quê lâu ngày, giang hồ thứ nữ, lang bạt trăm phương, rồi một ngày nào có dịp trở lại quê hương, gặp được cây cầu đầu làng... ta mới thấy cây cầu hiện lên những gì mong nhớ suốt bấy nhiêu năm trong lòng, ta mới càng yêu đôi chân cầu đỡ bàn chân kẻ tha hương trở về....

## MÙA ĐÔNG HÀ NỘI

Phải cảm ơn ai đây, trái đất, vũ trụ hay thượng đế, ông trời và tổ tiên đã chọn nơi này cho ta một đất nước quê hương mỗi năm có bốn mùa rõ rệt, nhất là Hà Nội, nắng thì nắng thật, thu thì thu thật và mùa đông là niềm trữ tình đầy hoài niệm đời người, cả khi ta ở giữa làn gió tái tê thổi qua mái nhà ta hay ta lang bạt về miền nào hun hút chân trời góc bể...

Ngay từ hôm có sợi mưa lắt rắc báo tin mùa heo may cho con rươi xuất hiện, lúc có ngày lễ Tous Saints, nay gọi là Lễ các Thánh vào tháng 10 âm lịch, tức tháng 11 dương lịch thông dụng, ta đã sửa soạn tâm hồn để đón thêm một mùa đông xếp lên thành tuổi, ta biết có người khắc khoải đợi chờ những ngày và những đêm kỳ lạ, nói như nhà thơ say Lưu Trọng Lư:

*Yêu hết một mùa đông*

*Nhìn nhau mà chẳng nói..*

Đàn sếu đã xếp hình mũi tên mãi miết về phương nam gió ấm, ta không sếu, ta đợi bếp lửa hồng đêm ù ù những cây kim cắm vào da thịt để lật bấp ngô non nướng trong lòng bàn tay, rồi sáng ra đi chọn lấy hàng phở quen thuộc, nóng bỏng lưỡi và cay giần giữa lệ đời ngon ngọt sau đó đã có hàng cà phê thơm nức nơi ngã tư, có những hạt lá me vàng rơi rụng vào vai áo và có khi nó cũng biết uống cùng ta, nằm gọn trong chiếc tách màu nâu lim lịm một vị đắng đê mê. Ta đang ăn

mùa đông, uống mùa đông, ta giơ tay ra nhận lá thư từ trời gửi về màu đỏ lá bàng hay màu vàng cay cơm nguội, lá thư là tín sứ, là nhịp đàn thẳng hoa trong không gian tìm người tri âm tri kỷ, chẳng thể sao những người trai người gái cứ tìm nhau vào dịp này để lồng hai chiếc nhẫn tân hôn trước bàn thờ đại diện cho thiên đàng.

Mùa đông đất Bắc, gió lang thang trên những cánh đồng đầy gốc rạ, trẻ bé nào tha thân đi tìm câu con công cồng hay hái cây rau khúc về làm bữa bánh thơm thảo làng xa, vườn cải sớm đã vàng một loài hoa nắng màu hoàng yến có người con gái tùm hum chiếc khăn vuông vừa đi vừa làm cơn mưa nhỏ từ hai chiếc bình tưới gọi là ô doa, càng gió đôi má càng au đỏ như hai đoá hoa lựu được mùa, làm chết anh trai làng thâm thương trộm nhớ đến các đấng thánh thần cũng chỉ đành tha tội mà thôi...

Thành phố nơi ta nương thân lại khác. Gió luẩn quẩn trên tầng mái cổ, ra đến Hồ Gươm thì mới có liễu đón và sóng chào. Mặt hồ xao động trong lặng lẽ, tóc xanh cây mềm đung đưa như vụn cổ đã thường xanh và gió nghìn đời rong chơi không mệt mỏi làm một đối cực còn cực kia là nồng ấm đôi bàn tay xoắn xuýt vào nhau, đan cài muôn đời không thành tiếng....

Mùa đông Hà Nội, đến một cột đèn cũng thành kỷ niệm đời người, một tiếng rao khuya cũng rền vang tâm tưởng... thoáng qua một nỗi nhớ hanh màu vàng nắng mật ong, thoáng qua một mặt người soi nhẹ lướt lời tình có từ thuở ông Adam và bà Eva trong vườn địa đàng hồi hộp...

Con sông Hồng ngoài kia sau mùa lũ điên cuồng đã uể oải về xuôi có phần mệt mỏi như người đàn bà sau hôm sinh nở, nếu những cơn gió bắc có lòng lên quẩn quại thì bóng cầu Thăng Long, Long Biên, Chương Dương cũng phải mai hay ngày kia mới xuôi được đến Thái Bình, cửa biển, đồng muối Ba Lạt mà mùa này ở đây cây rơm đã xuất hiện như cây nấm vàng mơ, hạt thóc đã rì rào trong bao, trong cọt, người đi lễ chuẩn bị bộ quần áo mới mua nơi chợ huyện, chợ tỉnh còn thơm hương vải thay cho tấm áo đầm mồ hôi đầm muối chang

chang 6 tháng trước... Hồ Tây mênh mông, đúng là Dâm Đàm, là mù sương, là lụa giăng, hồi chuông thu không chẳng đủ sức để vượt qua ngàn con sóng, chỉ có sương cho tiếng gõ mạn thuyền của ngư dân dùng đục trầm buồn, khiến con chép vàng Hồ Tây ngơ ngẩn, có nên nghe?

Chiều xuống nhanh, sương xuống (hay sương lên) còn nhanh hơn nữa, không ai có thể nhìn thấy con gọng vó, con nhện nước nào bung mình, tạo thành chiếc vòng sóng bé tẻo tèo teo... chỉ có mờ mờ như tấm ảnh thiếu sáng của người nghệ sĩ cố tình làm cho nó nhạt nhoà nói một ý thâm mộng mị mắt người xem, rằng mùa đông đã dâng đầy để ai cũng phải khát khao một không khí có ánh đèn trong căn phòng như chiếc tổ chim sục nức hơi ấm của chim mẹ ủ trứng, chim bố gù gù, chim con lách tích....

Có bước chân ai đi trong phố cổ, giữa hai bên phố là nhà cửa đã đóng then cài, chỉ có ánh sáng lọt qua khe cửa, nằm chéo mặt đường như sợi chỉ dệt bằng kim tuyến, khiến người ta không nỡ bước qua rồi sống lại, rồi thành chiếc cây đóng rễ để lắng một khúc dương cầm có câu "ca nhi đối gương ôm sâu riêng bóng" hay "xe chỉ luồn kim...".

Mùa đông Hà Nội, những chiều đại vàng son đã đi qua, con rồng đá sân chơi điện Kính Thiên còn đó, tiếng súng thần công từ pháo đài làng Láng đã vang vào tai nó, Thăng Long không còn là đất "phi chiến địa", khói lửa đã tới bờ, bao nhiêu cây sấu, cây me ngã thân làm vật chướng ngại cho anh tự vệ nấp mình mà phóng bom ba càng...

Và cũng con rồng đá ấy không thể xuống hầm tránh bom B52, nhưng nó là bất tử, nó là hồn Thăng Long, hồn Hà Nội, vượt qua lửa bỏng để hồi sinh. Mùa đông năm 1947 ấy, vườn hoa vô danh gần toà án đã thành một liệt sĩ. Gió vi vút câu hồn trên mái cây long não, mùa đông có vàng chút ít còn hồn người đã thành hồn nước non, chắc về nhận niềm cúi đầu mặc niệm trên đường Bắc Sơn vườn hồng tươi thắm mà mỗi mùa đông, rặng đào hoa sớm lại tỏ mờ nỗi lòng tươi như tương lai. Mùa đông năm 1972 nữa, hơn 250 người hy sinh cùng



Khâm Thiên vào đúng 24 giờ sau lễ Thiên Chúa Giáng Sinh, hồi chuông thánh thiện còn chưa tắt hẳn thì tội ác đã hoành hành.

Quá khứ Việt Nam đã có trên bốn nghìn năm. Hà Nội cũng vừa xong 990 mùa đông để mùa đông này mang dáng vóc hoàn toàn riêng biệt. Vẫn là gió mùa đông bắc, vẫn là sương giăng mọi tầng mái cổ, mái kim, vẫn là cần kéo cao cổ áo, trùm kín chiếc khăn quàng để nghe rét lướt luồn qua những đám mây và bầu trời màu sữa loãng, màu bạc lỏng lang thang.... ta hoà mình vào với kinh thành ngàn năm và đang lột xác để tân tiến mỗi ngày....

Lễ Thiên Chúa Giáng Sinh đã đến, nhà ai có bữa khuya đầy hoan lạc vị đời, nhà ai còn lặn độn nơi xóm ô, hay ngõ nhỏ đang lo toan cho mùa đông nói rằng con người cần xích lại gần bên nhau cho hơi ấm lan truyền, cho tâm tư giao hoà gắn bó, cho nỗi niềm được đầy vơi san sẻ cùng nhau. Đã lâu lắm không ai nhìn thấy bóng sâm cầm, nhưng cây bàng phố Quán Thánh, Tràng Thi, cây cơm nguội ở Bồ Hồ và Lý Thường Kiệt thì vẫn báo tin bằng lá đỏ, và món ốc nóng quà đêm, mà cửa hàng khăn áo phố Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế cứ giăng mắc chờ được về với mọi hình hài....

Người bạn phía trời Nam chắc đang nhớ về gió liễu và sương hồ Hà Nội, nhớ một ấm trà thơm quây quần trên sàn nhà dải chiếc thảm cói đơn sơ, không cần đến những chiếc ghế tân kỳ to đùng, cũng chẳng có những ổ rơm êm như nhung, đung đưa như con tàu lướt sóng....

Mùa đông Hà Nội là tình nhau trao đổi chứ không cần yến tiệc mới say nhau. Người con gái ấy vừa lấy chồng, mùa đông này không nữa của tình ta. Người thiếu phụ ấy phải sang ngang lần nữa, người nhìn ta mà có một bầu trời sương mờ mù mịt ẩn chứa vào lời. Giá ta thành con sếu theo đàn về phương Nam nắng ấm, ta mang người theo, tìm cho người tổ mới có nắng ngọt và gió lành, vượt qua nỗi đông bắc tái tê.... Mùa đông cứ thức lên hoài niệm.... nhưng dù sao mùa đông này cũng vừa khép lại một nỗi niềm để mở ra một trang kỳ

ảo mới: Thiên niên kỷ mới. Con người sẽ vượt qua được nhiều nỗi bi thương bước vào xuân hàm tiểu hoa đào.

Gió mặc gió. Ta đi qua gió để tới mùa ấm áp. Và ta xếp mùa đông lại như xếp từng lá thư tình một thuở chẳng thể mờ phai, còn bây giờ ta đi đến với muôn lòng đón đợi tiếng tri âm từ xung quanh toả ra và từ phương trời xa tít gửi về.... và ta xin nói với người: Mùa đông Hà Nội là của riêng ta và cũng của cả người đấy, tình ơi.

## MÔI TRƯỜNG XANH

Môi trường xanh Hà Nội. Vài ba thế kỷ trước, chắc Hà Nội không nhiều màu xanh cây lá như bây giờ, chứng cứ là khu phố cổ nằm gọn trong quận Hoàn Kiếm bây giờ, mới cách đây khoảng 50 năm không có một bóng cây xanh, từ Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Bè, Cầu Gỗ, Hàng Mắm, Hàng Bạc, chợ Đồng Xuân v.v....

Chỉ có một cây đa ở phố Hàng Bông gọi là cây đa Cửa Quyền và số nhà 85 Hàng Gai có một cây đa nữa.

Những bóng xanh của dâu da xoan Hàng Bè, Cầu Gỗ, những sấu của Hàng Bạc, những xà cừ của chợ đồng Xuân.... là mới trồng được vài ba chục năm nay mà thôi.

Khi thành phố Hà Nội được quy hoạch thì mới có những con phố thẳng tắp ra đời như Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Trần Phú v.v... mà cây xanh có tuổi trăm năm đang là những hàng cây tuyệt đẹp của Hà Nội.

Còn di tích là Hà Nội rất nhiều đình chùa, đền miếu. Theo phong tục truyền thống, mỗi danh lam và thắng cảnh bao giờ cũng phải có bóng cây, là cây đa, cây gạo, cây muỗm... những loài cây thường xanh, trường tồn, bất chấp gió mưa bão bùng.... vì thế mà Văn Miếu đang rợp bóng cây, mà Quán Thánh có hàng muỗm um tùm dăm trăm năm tuổi và hai cây hoa đại trong sân bái đường Văn Miếu do thân phụ của nhà thơ Nguyễn Du trồng khi trùng tu và xây dựng cụm di tích Hồ Gươm với Đài Nghiên Tháp Bút, cầu Thê Húc,

đình Trần Ba... (tiếc thay cây đã cỗi, bị đổ vào tháng 6-1998 và được trồng bằng cây mới thay thế mang từ Hà Tây về ngày 7-9-1998). Có một cây sung già bên Hồ Gươm cũng mới chết, vào ngày 7-11-2001 vừa đây làm bao người tiếc nhớ.

Hà Nội từng có những loài cây đẹp đi vào văn học nghệ thuật như hoa sữa thơm ngát vào những đêm cuối thu, cứ mơ hồ lảng đãng trong sương mỏng trên đường phố Nguyễn Du, Trần Hưng Đạo.... có loài cây tên hơi xấu nhưng lại mộng mơ, đó là cây cơm nguội, lá vàng mùa thu, đến mùa xuân đầy nõn lộc tung bừng làm ta mát rượi con mắt, tấm lòng. Phố Lý Thường Kiệt, phố Hàm Long, trước cửa UBND Thành phố.... (thực ra tên của cây cơm nguội là cây Sếu- đừng nhầm với cầu Sấu).

Phố Trần Hưng Đạo, phố Trần Phú và nhiều phố khác, có hai bờ cây xanh tuyệt đẹp, lá mượt, tán tròn, bốn mùa rười rượi. Đó là những cây sấu, cây già chen vai cây trẻ... đứng như những tiêu binh, những nhân chứng về thời gian của Hà Nội.

Nếu mùa xuân hoa Sữa nở tung bừng, trắng muốt như tuyết, như bông nõn, như mây hoa nhài bên cạnh Nhà Hát Lớn, phố Phan Chu Trinh, đường Hoàng Hoa Thám, trong Bách Thảo, thì cuối xuân hoa gạo lại đỏ hồng như đuốc ở ven Hồ Gươm (một cây) ở Viện bảo tàng lịch sử, trong Văn Miếu và sang tháng 4, 5 cây vông bên Hồ Gươm cũng xoè những bó đuốc khổng lồ làm chói lọi màu nắng mới của Thăng Long...

Phố Lò Đúc còn gần năm chục cây Sao đen, cao vút, cành thưa, đứng như những lực sĩ trăm năm nay không đổi thay tư thế. Từng có những đàn cò hàng vạn con chiều chiều từ các đầm hồ lân cận về trú ngụ, bay lên trắng xóa mây trời trên phố ấy. Tiếc sao lâu nay, cò đi biệt không về, chỉ còn bầu trời cao với bốn mùa nơi phố từng có lò đúc tiền một thời xa ấy.

Trên phố Ngô Quyền, Trần Nguyên Hãn và rải rác đôi nơi còn thưa thớt trên 40 cây me ăn quả mà một thời Hà Nội có rất nhiều cây

me, cây sấu như thế nên mới có thành ngữ chỉ những đứa trẻ bơ vơ cù bơ cù bất là dân "trèo me, trèo sấu". Lá me lẫn lẫn nhỏ hơn lá muồng vàng, còn nhỏ hơn nữa so với lá phượng vĩ (chính xác phải gọi là xoan tây). Loại me này khác những cây me keo trong những làng quê trồng làm hàng rào, càng khác lá cây me có gai cho lá để đánh giấm nước rau muống luộc vào cũ chưa có sấu, chưa có thanh trà, chưa có chanh cốm.

Ven Hồ Gươm là nơi tập trung nhiều liễu nhất. Có lẽ đây là thế hệ liễu thứ ba hoặc thứ tư gì đó, vì liễu trước cách mạng đã hy sinh khi toàn quốc kháng chiến. Lớp thứ hai bị cơn bão khoảng năm 60 bẻ trơ trụi, gần đây mới được trồng lại, và có khoảng trên 40 gốc liễu, nhiều nhất là quãng đất trông sang hàng Khay, nơi từng có quán hoa hình vòng cung theo hình đất lượn của Bồ Hồ chỗ đó.

Xà cừ là cây mọc nhanh, chóng lớn có lẽ vì thế mà rất nhiều đường phố đang có những cây xà cừ (còn gọi là lim trắng) lực lưỡng, thân to vài người ôm, lá um tùm, năm nào cũng phải tỉa bớt cho nhẹ mà chống bão. Chính loại cây này có rễ ăn ngang và nông, nên nó cũng bị đổ nhiều nhất mỗi khi có bão đổ về Hà Nội.

Hà Nội có mấy cây đề lịch sử đáng ghi nhớ.

Chùa Một Cột tức chùa Diên Hựu có một cây đề do tổng thống nước cộng hoà Ấn Độ tặng Hồ Chủ tịch, tách từ cây đề tổ nơi Phật Thích Ca đắc đạo, đem trồng nơi đây và đã thành cổ thụ. Một cây đề nữa cũng từ cây đề tổ, đích thân Hồ Chủ tịch mang từ Ấn Độ về trồng tại sân chùa Trấn Quốc, Hồ Tây, ngôi chùa có từ thời Tiền Lý, cổ nhất Việt Nam.

Ngoài ra, chỗ đài phun nước Bồ Hồ, nơi có tên chính thức là quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, nơi từng được gọi là Bãi Giáo, vì quân Pháp chặt đầu người Việt Nam rồi bêu đầu ngay nơi đó để cho dân chúng phải khiếp sợ. Cũng có nhiều cây đề dài dặc như phố Trần Nhân Tông còn gọi là phố Nhà thương mắt, có một rặng đúng mười cây đề, hoặc vườn Chi Lăng, sân Văn Miếu, đường Điện Biên....

những cây đề chí ít cũng hàng trăm tuổi, lá hình tim, cuống nhỏ, hễ gió thoảng nhẹ cũng reo lên như ca hát.

Cây đa Bác Hồ trồng nơi công viên Thống Nhất, nay gọi là công viên Lê Nin đã xum xuê, chia năm chia bảy chạc thấp, trẻ bé có thể đùa chơi quanh gốc, trèo lên chạc ba mà không sợ ngã.

Đường Hùng Vương, hàng chò đã vươn cao, chỉ tiếc nó không hợp với thủy thổ Hà Nội nên chậm lớn dù đã được chăm sóc khá chu đáo. Cùng với nó là hàng hoa ban tím, cây cũng đã ra hoa nhưng không vườn rộng. Có người gọi đó là cây móng bò, có hai thủy lá, nếu gấp lại nó chỉ trông khít lên nhau.

Đường Thanh Niên cũ là đường Cổ Ngư đi giữa Hồ Tây và hồ Trúc Bạch, cũng có một rặng ban tím ấy. Hà Nội thơ mộng và trữ tình, Hà Nội tràn bóng xanh cây cối thì đường Thanh Niên là con tàu xanh không bao giờ đắm, con tàu từng là kỷ niệm của rất nhiều đôi trai gái Hà Nội, có lẽ từ thừa họ còn trai tráng, thiếu nữ này đến lớp con họ, cháu họ, chắt họ đi lại trên con đường xanh ấy của Hà Nội thiết tha.

Có một đường phố gần như cây đa là chủ yếu. Những cây đa này là đa búp, nhưng không hiểu sao, hơn 40 cây ấy cứ cần cỗi, vươn mình mà không cao lên được, không như cây đa trong nhà khách Chính Phủ phố Ngô Quyền, cây đa trước cổng Quán Thánh, cây đa nhà Bò, cây đa vườn Găng Đi, cây đa thò bàn tay bưng lá xanh xuống mặt Hồ Gươm mà đùa chơi....

Phố hơn 40 cây đa này chính là phố Điện Biên, từng có tên là phố Cột Cờ, có lẽ gần với nơi ông tổng đốc Hoàng Diệu xưa sống chết với Hà Nội, đã tự treo cổ trên một cành đa gần đầu đó khi Hà Nội thất thủ về tay quân Pháp. Phải chăng hồn những cây đa này còn vương vấn nỗi cảm thương nên nó chia sẻ nỗi buồn với thời gian, nó không muốn lớn hơn nữa.

Hà Nội là thành phố cây xanh, dù rằng nếu so với nhiều thành phố của một số nước khác thì còn kém xa (có nơi có đến 40 m<sup>2</sup> cây

xanh trên mỗi đầu người, còn Hà Nội chỉ có 2m và gần đây, phong trào trồng cây tết mùa xuân mới có con số khoảng từ 4 đến 5m<sup>2</sup> mỗi đầu người. Thế cũng đã là quý. Có thành phố, thị trấn trên nước ta, trời nắng chang chang như đổ lửa, mới thấy cây xanh quý giá như thế nào. Hà Nội có những đường phố, ngay cả thàng sáu ta đi cũng không cần đội mũ, càng thấy giá trị của những chiếc ô, chiếc dù biết sống, biết sinh trưởng này...

Thử tưởng tượng, nếu một ngày nào đó, Hà Nội và nhất là bờ Hồ Gươm không còn một bóng cây nào, chắc sẽ có nhiều người phát điên lên mất. Ta sẽ thở bằng gì? Ta sẽ sống như thế nào trong không khí sặc sụa khói xe, khói nhà máy, bụi bặm, tiếng ồn...?

Năm mươi năm trước, dân số nước ta mới trên hai chục triệu vì những lời hiệu triệu thời ấy thường nói: "Hỡi hai mươi triệu đồng bào..". Nay đã gần tám chục triệu, gấp ba lần. Vấn đề giữ gìn bảo vệ môi trường đã phải được đặt ra một cách cấp bách. Hà Nội, may thay, ngoài cây xanh là một yếu tố quý giá thì nhiều việc khác cũng đã được chú ý để thành phố luôn "Xanh-Sạch-Đẹp.." trước hết, đó là cây xanh quý giá đi đâu, đến phố nào chúng ta cũng được gặp màu xanh, được màu xanh che chở mến thương...

Trăm năm nữa, chưa biết Hà Nội sẽ ra sao, số dân là 5 triệu hay 10 triệu? Còn bây giờ, nội thành mới hơn một triệu, cây xanh đã là muôn phần quý giá, việc tu tạo giữ gìn hàng ngày là điều cần thiết, bởi nó cũng là thiết thực với mỗi người hàng giây hàng phút hàng giờ....

## CHỮ HÀNG ẨM THỰC

Hà Nội tức Kinh Kỳ- Kẻ chợ có tuổi gần nghìn và nổi tiếng về nhiều thứ, có lẽ có chuyện Ăn Uống. Chả thế mà với gần 80 phố có chữ Hàng (như Hàng Đào, Hàng Ngang....) thì đã có hơn 20 phố có chữ Hàng ấy liên quan đến vấn đề sinh tử của loài người: Ăn Uống.

Từ những phố mang tên đồ dùng phục vụ cho ăn uống như: Hàng Chĩnh đến Hàng Dũa, Hàng Bát.... đều có cả, mà còn phân biệt Bát Sứ và Bát Đàn nữa chứ. Hàng Dũa thì đã lặn vào tịch mịch đổi thay, thành ra phố Ngô Sĩ Liên, nhà sử học. Hàng Bát Sứ và Bát Đàn có hàng phở ngon, có cửa hàng cà phê nghệ sĩ Như Quỳnh, còn Hàng Chĩnh ăn thông ra chân cầu Nam Chương Dương chỉ là một phố nhỏ, không hơn một cái ngách bao nhiêu, nên ít người chú ý.

Lạ một điều, cơm là món ăn hàng ngày, mà không có phố Hàng Cơm, nhưng lại có phố Hàng Cháo (vẫn còn, và ở gần Văn Miếu). Hàng Bột nay là phố Tôn Đức Thắng, một nẻo thông ra hướng Tây Nam, có thể đi đến tỉnh Đơ (Hà Đông) rồi lên xứ Đoài, thăm Sông Đà Thủy Điện.

Gừng cay muối mặn, một đời người phải ăn bao nhiêu muối mặn và dân tộc ta biết chế biến ra bao nhiêu loại mắm, vì thế mà Hà Nội không thể thiếu phố Hàng Mắm, phố Hàng Muối.

Có những phố đã mất tên xưa cũ, chỉ còn vấn vương niềm nuối tiếc dư âm. Trăm năm nữa, ai quên, ai nhớ? Giống như lớp trung niên ngày nay còn biết phố Hàng Giò ở đâu. Xin thưa đó là quăng



đầu phố Bà Triệu ngày nay, cùng với Hàng Khay, Tràng Thi, mà thời còn tàu điện, anh soát vé bao giờ cũng hô to câu "Hàng Giò đây, có ai xuống không..." khi tàu đỗ lại bên con tháp Hoà Phong tuy nhỏ bé nhưng lại cổ kính, thềm nói trăm nghìn điều thềm kín của người Hà Nội.

Hàng Giò ấy có liên quan gì với nghề làm giò chả Ước lẽ không, không biết hay là có dính dáng đến câu "giò Chèm nem Vẽ" không, cũng không ai chứng minh, giải thích, chỉ biết rằng tàu điện đã không còn, tên phố xưa càng mất hút, và những hồn Hà Nội bao thời chắc chỉ còn thẩn thơ cùng hơn 40 cây liễu xoã tóc những chiều thu bên gương nước soi vào kim cổ đoạn trường như thơ bà Huyện Thanh Quan....

Cùng chung số phận với phố ấy, cũng không còn ai biết phố Hàng Cau và phố Hàng Chè lẫn khuất hay hiện diện chốn nào? Hàng Cau chính là phố đầu Hàng Bè, nơi gần bến sông, nơi thuyền bè tấp nập bốc hàng lên bến, khoảng những năm Ba mươi, Bốn mươi vợ nhà Nhất Linh còn có cửa hàng buôn cau ở số nhà 15, cho đến năm 1954, mới thay đổi chủ vì họ Nguyễn Tường đi vào miền Nam hết. Còn phố Hàng Chè, chè để uống chứ không phải chè ngọt nấu bằng đường, thì chính là đoạn cuối phố Cầu Gỗ, quãng đầu phố Đinh Liệt, nơi còn thông thẳng ra bờ Hồ Gươm, có hiệu sách Nam Ký và toà báo Đông Tây. Nay nhà bách hoá và Hàm cá mập đã sừng sững chắn ngang, đè lên góc phố này, và hàng Chè ấy cũng không còn tăm tích.

Hàng Cá vẫn còn, ăn từ phố Nguyễn Siêu sang, qua ngã tư Hàng Đường, Hàng Ngang. Hàng xóm của phố Hàng Cá là phố Hàng Sơn, một phố khá đặc biệt, làm ra một nét rất riêng Hà Nội. Hàng Sơn đã bị (hay đã được) đổi tên thành phố Chả Cá vì có món ngon tuyệt vời, món độc đáo Hà Thành mà ta còn tra cứu được tác giả là nhà họ Đoàn, có liên quan đến nhà cách mạng Đoàn Trần Nghiệp, ở số nhà 14, nay đang còn hàng chả cá Lã Vọng nơi tao nhân mặc khách hẹn hò nhau những khi trời đất dịu hui thu muộn, để nhâm nhi miếng chả cá lăng, ngọn rau thìa là, chút mắm tôm chanh thơm lừng, ngum rượu làng Vân tê tê bay bổng. Dù rằng ông Lã Vọng ngàn

xưa ngồi câu cá mà dây câu không có lưỡi câu, ông câu thời thế và danh vọng chứ không mong câu lấy cá, không như biểu tượng của hàng chả cá là cần câu có con cá mắc lưỡi câu. Cũng là nói vui, chứ không "hại gì cho hoà bình thế giới" vì một con cá đã mấy nghìn năm.

Có Hàng Khoai đi cùng Hàng Đậu, đương nhiên không thể thiếu phố Hàng Gạo, đầu tiên ở trước cửa chợ Đồng Xuân, sau chuyển ra gần bờ sông, thành phố Chợ Gạo, có nhà tắm công cộng duy nhất, nay lên cao tầng, thành trụ sở một ngân hàng.

Có cay đắng mặn mọi, thì có thể thiếu được ngọt ngào chăng? Hàng Đường còn kia, từng là phố buôn bán đủ thứ bánh kẹo, nhất là tết Nguyên Đán có mít bí, mít sen, tết Trung Thu có bánh nướng bánh dẻo, cả người Việt Nam và người Hoa Kiều sản xuất. Có nhiều thời gian đi qua đây là thơm nức đến ngạt ngào hương của va ni, của hoa bưởi, của bột thảo, của thảo quả và bao nhiêu món ngon lành chờ đợi cái lưỡi con người.

Hà Nội có một phố Hàng Than còn có con dốc vượt lên triền đê sông Hồng, từng là bến Đông Bộ Đầu, Giang Tân, Thạch Khôi, nơi Yết Kiêu cầm cờ chờ Hưng Đạo Đại Vương khi triều đình ta phải rút khỏi kinh thành, chống giặc. Đó là nơi bán, nơi buôn, nơi dỡ từ thuyền lên những bao những giỏ những gánh than hoa, than kíp lê.... Hàng Than nay có nhà bánh cốm Nguyên Ninh của cụ Tuất lưng danh Nam Bắc, nơi sinh ra nhạc sĩ Duy Quang, và bánh cốm Nguyên Ninh là ngôi pháo châm cho nổ tung hàng ba bốn chục nhà làm bánh cốm khác khắp phố Hàng Than hiện đại.

Hàng Điều nối Hàng Cót với Hàng Da, không còn ai bán điều, từ điều bát điều cây đến điều ông hoặc điều cái, nõ điều bán riêng, mà đã là phố bán mít hạt sen và trà Thái, trà Phú Thọ được mệnh danh là trà Tân Cương Thái Nguyên tuốt tuột.

Hà Nội không có món rươi thơm lừng vị vỏ quýt thìa là vào mùa thu nhưng vẫn có một phố Hàng Rươi cạnh ngõ Chè Chai, đầu phố Hàng Lược, nơi thành chợ hoa lừng danh mỗi độ xuân về.

Hà Nội từng có hai phố Hàng Gà cơ đấy. Một nối với Hàng Cót, Tiên Sinh, còn một là ở phía Nam, gọi là dốc Hàng Gà, đi qua cái chợ chỉ họp về chiều này là Chợ Hòm Đức Viên, và Hàng Gà này cũng phải thay tên phố là phố Huế.

Có một phố hơi lạ đó là phố Hàng Chuối. Phố này mang tên ấy nhưng chưa hề là có cái chợ bán chuối, dù bán buôn hay bán lẻ. Nguyên khu đất này là bãi hoang, chỉ chồng chuối để lấy quả, lấy thân cây bán cho voi ngựa của nhà vua phủ chúa mà thôi, đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhà cửa mới mọc lên và cái tên xưa cũ bỗng thành tên chính thức.

Như vậy, ta thấy có đến 24 phố có chữ Hàng có liên quan đến chuyện ăn uống hàng ngày, vừa thiêng liêng vừa trần tục, vừa thanh tao văn hoá vừa tầm tã mờ hôi....

Có tên phố mất đi, có tên phố mới sinh ra hoặc được thay thế. Đó cũng là quy luật tất yếu của cuộc đời. Chỉ mong sao mỗi đổi thay đều nên cân nhắc kỹ càng để đời sau không trách cứ là chúng ta đã phá vỡ mất những điều quý báu (như Hàng Dừa chẳng hạn). Trước khi kết thúc, có lẽ xin mời bạn ghé thăm một ngõ nhỏ chi chít hàng cà phê, đông nghịt khách nhâm nhi. Đó là ngõ Hàng Hành, từ Bờ Hồ Gươm ăn thông sang hàng Trống qua ngõ Bảo Khách, có các món ăn uống nhiều không kém phố Âm thực Tống Duy Tân và Ngõ Hàng Bông Lờ....

## *Những bài viết về Băng Sơn*

### ĐẦU XUÂN GẶP GỠ NHÀ VĂN BĂNG SƠN

Băng Sơn là nhà văn chuyên viết về Hà Nội, tác giả của những tập tùy bút, đoản văn được bạn đọc chú ý như: Thú ăn chơi người Hà Nội (Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin - 1993), Nghìn năm còn lại (Nhà xuất bản Hà Nội - 1996), Nước Việt hồn tôi (Nhà xuất bản Phụ Nữ - 1995), Đường vào Hà Nội (Nhà xuất bản Thanh Niên - 1997)... Chủ đề Hà Nội dường như có sức cuốn hút lớn nhất đối với nhà văn Băng Sơn. Nhân dịp đầu Xuân Quý Mùi, chúng tôi có cuộc trò chuyện ngắn với nhà văn Băng Sơn.

#### **\* Nhà văn có thể cho biết đôi chút về bản thân?**

\* Nhà văn Băng Sơn: Tôi sinh ngày 18/12/1932 tại thị trấn Cẩm Giàng, Hải Dương. Sống, học tập và làm việc ở Hà Nội từ năm 1947 cho đến suốt đời sau này. Năm 17 tuổi (1949 đã có bài thơ đầu tiên đăng trên báo. Và sau đó, dù phải tìm tòi, lúc đi đường thẳng, lúc phải đường cong, vẫn theo đuổi nghề sáng tác văn học.

Tuy nhiên suốt hàng vài chục năm, chỉ chuyên sáng tác thơ là chính, mà không chuyên tâm vào các lĩnh vực khác. Cũng có thời gian đi làm diễn viên kịch, cả kịch nói và kịch thơ, nên có sáng tác một số vở kịch nói và kịch thơ. Đã được in nhiều vở, được thưởng huy

chương vàng và giải thưởng về kịch bản văn học như vở kịch thơ Vào xuân, giải thưởng Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, nhiều huy chương cho vở này. Vở kịch thơ lịch sử "Sóng Bạch Đằng" (viết chung với Hoài Việt) cũng được công diễn nhiều buổi và được huy chương vàng. Vở kịch nói "Đời chỉ một lần" được đoàn kịch chuyên nghiệp Bông Hồng ở TP Hồ Chí Minh công diễn trên 200 buổi. Một số vở khác được trình bày trên sóng của Đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam và Đài phát thanh Hà Nội. Đã có khoảng trên một chục vở kịch ngắn và dài còn được lưu giữ và chưa công bố.

### \* Bước ngoặt lớn trong cuộc đời sáng tác của Nhà văn?

\* Nhà văn Băng Sơn: Vào khoảng đầu những năm 80, tôi mới ngộ nhận ra một điều: Thơ không nói hết được bao điều cần nói, nên cần phải viết văn xuôi. Sau khi tự thử nghiệm qua nhiều thể loại thì tự mình tìm ra sở trường, sở đoản của mình và chốt lại là ở một thể loại tùy bút. Tùy bút gần gũi với thơ. Nó biểu đạt xúc cảm về đời sống là chính, và viết một bài tùy bút xong, không mất quá nhiều công phu như tiểu thuyết hay truyện ngắn...

Đã qua công việc sáng tác thơ, có cách tư duy về hình tượng, hình ảnh, ngôn từ... nên viết tùy bút cũng gần giống như làm thơ từ cách tìm đề tài, lập tứ, tìm ngôn ngữ, hình ảnh... chỉ khác làm thơ là diễn tả nó ra bằng văn xuôi mà thôi, nên có nhiều người cho rằng tùy bút của Băng Sơn giàu chất thơ là thế. Tùy bút không thể giống bài báo phản ánh, không giống ký sự, ghi chép, bút ký cũng không thể giống phóng sự. Nó chỉ là nó, nói cách khác nó có đời sống riêng, quy luật riêng, không thể lẫn với bất cứ thể loại nào. Tôi đã có hàng ngàn bài, tuyển chọn in được khoảng hai chục tập tùy bút, trung bình dài 400 trang mỗi tập, được dư luận chú ý và bạn đọc hưởng ứng.

### \* Nhà văn có nhận xét gì về những cây bút viết tùy bút ở Việt Nam?

\* Nhà văn Băng Sơn: Người viết tùy bút ở Việt Nam không nhiều lắm so với người làm thơ cũng như người viết truyện ngắn, tiểu

thuyết hay viết báo. Sau Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Thạch Lam, nay có thêm Hoàng Phủ Ngọc Tường ở Huế, thì cũng nhiều người viết tùy bút, nhưng tiếc là ít có ai theo đuổi riêng biệt một thể loại này một cách bền bỉ, thường xuyên. Nhiều người viết khá hay, như Nguyễn Ngọc Ký viết bài "Đường chúng ta đi", hay Thép Mới viết bài "Cây tre Việt Nam", thì những người này lại hay chuyển sang thể loại khác.

**\* Ngoài thể loại truyện ngắn và tùy bút, nhà văn còn viết thể loại nào khác?**

\* Nhà văn Băng Sơn: Bên cạnh loại tùy bút thông thường, mỗi bài dài khoảng vài nghìn chữ, thì Băng Sơn còn có một loại tùy bút cực ngắn, gọi là đoản văn, mỗi bài chỉ khoảng ba đến bốn trăm chữ, vừa tròn trong một trang giấy A4. Thể loại này rất phù hợp với báo chí vì nó ngắn, dễ đọc, đọc nó không tốn thời gian, mà báo in cũng không mất nhiều diện tích, nên thể loại đoản văn này cũng đã được in trên dưới 1000 bài và tập hợp in thành gần chục tập sách riêng.

**\* Những thành công mà nhà văn đã đạt được trong sự nghiệp của mình?**

\* Nhà văn Băng Sơn: Là một nhà văn để cả đời mình theo đuổi sự nghiệp văn chương, không tự nói là thành công, mà chỉ tạm gọi là mình đã đi đúng đường mình chọn. Hiện Băng Sơn là Hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội nhà văn Hà Nội, Hội văn hóa dân gian Hà Nội... và một vài đoàn thể khác. Băng Sơn từng được nhận nhiều giải thưởng như: Giải Hội Nhà văn Việt Nam về thiếu nhi, giải báo Nhi Đồng, giải viết về "Hà Nội nghìn năm" của báo Hà Nội Mới (hai lần), giải về kịch của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, giải kịch bản văn học của Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, giải thưởng văn học năm năm một lần của Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội (2 lần), giải thưởng về bút ký của Hội Nhà báo Việt Nam, Huy chương vì sự nghiệp văn hoá, Huy chương vì sự nghiệp giáo dục thanh thiếu nhi.

**\* Ngoài đề tài về Hà Nội thì nhà văn còn đề cập đến vấn đề gì?**

\* Nhà văn Băng Sơn: Một loại đề tài mà tôi thường đề cập và tìm tòi chính là những vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá của đất nước và dân tộc, những vấn đề có khi là nhức nhối của nhiều người, cần lên tiếng để bảo vệ điều hay và bài trừ cái xấu... Ngoài ra, tôi cũng không quên mắng cho thiếu nhi và nếp sống đời thường cho thanh niên.

**\* Những “đứa con” tinh thần của nhà văn năm mới này?**

\* Nhà văn Băng Sơn: Những tác phẩm mới sẽ được ra đời trong năm 2003 là Tùy bút “Hồn mục”, “Phập phồng Hà Nội”, “Vào tuổi hai mươi”, “Niềm vui trần thế”, tập văn “Ứng xử đời thường”.

***\* Xin cảm ơn và chúc nhà văn một năm mới mạnh khỏe, viết khỏe!***

*Diệp Hiền – Ánh Tuyết (thực hiện)*

## ĐỌC TÙY BÚT BĂNG SƠN

Ba mươi năm về trước, tình cờ tôi gặp rồi quen Băng Sơn khi anh đưa con về sơ tán nơi tôi đang dạy học, đó còn là quê vợ anh: làng Thứa, thuộc phủ Đường Hào nay là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên. Biết anh làm thơ nên tôi cứ xoắn lấy để trò chuyện. Nghe anh kể về thơ, tâm hồn tôi cứ ào lên con sóng thềm khát nghề cầm bút. Đêm ấy tôi ngồi lì bên ngọn đèn hoa kỳ tù mù, phải che kín, chỉ sợ lọt một tí ánh sáng là thành mục tiêu oanh kích của không lực Hoa Kỳ.

Sáng hôm sau, tôi vừa mừng vừa thấp thỏm đưa cho Băng Sơn đọc bài thơ đầu tay của mình. Nghe anh nhận xét bài thơ, tôi ngây ngất rồi ngộ nhận: Ta cũng thi nhân lắm chứ! Nhưng rồi một phần ba thế kỷ, ngẫm lại thì ra mình tự xui đại mình dấn thân bốn cột nạng thơ đầy thôi! Tiền oan thì chưa biết nhưng cái "nghịch chương" cầm bút thì nhỡn tiền đấy rồi.

Cũng một phần ba thế kỷ ấy, không phải không có những thăng trầm, nhưng Băng Sơn vẫn viết, vẫn suy ngẫm, vẫn thả hồn bay vi vút để rồi mười năm trở lại đây, anh đã đóng đinh vào năm tháng, vào niềm yêu thương, nể trọng của bao người về một tùy bút Băng Sơn!

Chúng ta đã từng vui, từng hãnh diện về một Tùy bút Nguyễn Tuân. Cái tùy bút bậc thầy này không chỉ sừng sững trong lịch sử



văn học nước ta mà ngay nước Pháp, một trong những cái nôi văn học nhân loại, còn có cả một trường phái tùy bút Nguyễn Tuân!

Gần đây, tôi sống sờ và mê mải đọc Tùy bút Hoàng Phủ Ngọc Tường. Hơn mười năm trước, có lần tâm sự với Hoàng Phủ Ngọc Tường, tôi biết anh đang ấp ủ một tập Tùy bút về Tổ quốc. Đó là Côn Cỏ, Đồng Đăng, cầu Hồ Kiều, mũi Cà Mau.... Hiềm là tùy bút của Hoàng Phủ Ngọc Tường xuất hiện chưa nhiều và ít thường xuyên như Băng Sơn.

Băng Sơn là nhà thơ, anh từng là diễn viên kịch thơ, anh còn viết trường ca và cả kịch thơ. Năm 1984, anh in chung với Lữ Giang, Nguyễn Xuân Thâm tập thơ *Nắng bên sông. Tám năm sau, anh mới lại in chung với Nguyễn Hà tập thơ tứ tuyệt: Thơ hai người*. Sắp tới anh cho in tập thơ tứ tuyệt Bóng xa.

Dầu là in chung nhưng thơ Băng Sơn rất riêng: ngọt ngào và nhân hậu... với thơ, Băng Sơn là thi sĩ tài hoa đích thực! Người ta cho rằng thơ chỉ là gương mặt của một nền văn học, còn tầm vóc của nền văn học phải trông vào văn xuôi! thơ Băng Sơn là gương mặt đẹp hiền lành, đoan trang, còn chiều sâu và bề rộng văn chương Băng Sơn là ở văn xuôi, ở đoản văn và nhất là tùy bút. Anh không viết tiểu thuyết, không viết bút ký, kịch bản sân khấu....

Băng Sơn chuyên về tùy bút. Khó mà phân định rạch ròi thời gian anh viết văn xuôi từ bao giờ. Đoạn văn Băng Sơn xuất hiện từ hơn hai chục năm, còn tùy bút Băng Sơn thì xuất hiện thường xuyên khoảng mười năm trở lại đây. Trong khoảng mười năm, Băng Sơn ấn hành ngót hai chục đầu sách với ngót bảy ngàn trang sách, không kể hàng trăm bài thơ, hàng ngàn bài báo. Mười năm Băng Sơn xuất hiện thường xuyên trên 40 tờ báo, tạp chí ở Hà Nội và các thành phố lớn. Anh cũng thường viết cho các báo, các tạp chí văn nghệ ở các địa phương như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Nam....

Ba bốn năm gần đây, ở các Hội Báo xuân, Băng Sơn xuất hiện với khoảng ba bốn chục tùy bút xuân! Thường ngày, Băng Sơn có thói quen buổi sáng dạo qua mấy quây báo, gặp bạn bè, lang thang tìm cảm xúc. Buổi chiều cặm cụi trên chiếc máy chữ cũ kỹ với tay nghề đánh máy không chuyên, anh đánh máy bản thảo: Băng Sơn rất thích tự đánh máy bản thảo của mình mặc dù tốn nhiều công và thời gian. Tối tối, anh ngồi vào bàn viết, lúc này, tâm hồn trí tuệ anh là của riêng tùy bút. Cũng may là vợ anh, chị Mai Phương lại rất "đáng mặt" phu nhân "kẻ" lâm vào cái nghiệp văn chương. Chị Phương không ghen với tùy bút, nằm độ sách chờ chồng, thi thoảng lại bùng cho anh li sữa nóng hoặc cốc trà pha đường. Băng Sơn rất thích uống trà pha đường.

Ở khoảng tuổi từ ngót sáu mươi đến ngót bảy mươi, Băng Sơn trình làng với lượng đầu sách, lượng trang in như vậy, cuộc sống lại rất đậm bạc, thanh khiết! Con người ấy với lao động nghệ thuật sáng tạo kỳ diệu ấy biết tặng phần thưởng nào cho vừa.

Băng Sơn là nhà thơ nên tùy bút của anh mang đậm chất thơ. Ngàn thiên tùy bút của anh là ngàn bài thơ văn xuôi! Đọc tùy bút của Băng Sơn thấy nhạc điệu thi ở từng câu, từng dòng, hoà quyện lắng trong hồn người, âm hưởng trầm bổng, nhẹ lâng. Xin được trích đoạn tùy bút về một điều ngỡ là khô khốc, thời sự, vậy mà đọc lên vẫn xúc động nhạc điệu thi ca: "Hồ Tây vẫn lao xao sóng nước, Hồ Gươm vẫn liểu rủ thanh tân. Nhưng đã có một nước Việt Nam mới đang vươn vai để trở thành con rồng châu Á, mà một thành phố hồ Chí Minh tấp nập suốt ngày đêm đã xuất phát, đang tăng tốc độ, đang táo bạo trong cuộc hành trình thế kỷ" (Sức lửa mùa thu - Thấp thoáng hồn xưa - trang 254).

Một đoạn khác trong tùy bút Trinh nữ: "Lạ thật. Cây cỏ hoang, chẳng ai đoái hoài, đếm xỉa, mọc ven đường, cạnh bãi, chỗ bờ rào, lưng đồi khô.... vậy mà biết cử động, biết mở khép nổi riêng tây như có chứa đựng một tâm hồn đầy cảm hứng của thi nhân. Hay kiếp trước của cây cũng là một trinh nữ băng ngàn, tinh khiết, chẳng may bị bàn tay phạm tục làm nát một đời hoa nên kiếp này còn sợ sệt, bẽ

bàng, run rẩy, sợ từ một cái càng châu chấu, bẽ bàng với cả một tiếng rùng rùng nhịp bánh xe xa và run rẩy khi mùi tục bụi trần gian sà xuống". (Cái thú lang thang - trang 122). *Viết về một loài cây mà Băng Sơn thổi vào đó một linh hồn để rồi tấu lên âm điệu giàu trữ tình.*

Nhà thơ Ngô Quân Miện gọi văn xuôi Băng Sơn là văn xuôi có cánh thì đó là nhận xét chân thực và xúc động! Bởi lẽ ở tùy bút nào của Băng Sơn cũng giàu nhạc điệu như thi ca và đều "có cánh" như vậy. Băng Sơn rất chân thực lại rất tài hoa khi anh "ém" những rung động của mình về thiên nhiên, về đất nước, về con người và cuộc sống trong từng trang viết khiến câu chữ của anh có sức lay động, truyền cảm khiến người đọc cũng đồng cảm với tác giả, rung động những rung động của tác giả.

Tùy bút Băng Sơn mang đến cho người đọc ngọn gió mát lành giữa trưa hè oi ả, chút lửa ấm trong những ngày đông tháng giá... Giá trị mỹ cảm mà tùy bút Băng Sơn đem đến cho người đọc là từ ở cách nhìn và tấm lòng yêu thương của anh với thiên nhiên, cảnh vật, với quê hương đất nước, với con người và cuộc đời. Đọc tùy bút Băng Sơn không gặp những tình huống éo le, những âu lo thảng thốt mà chỉ thấy những niềm cảm khái, những băng khuâng thôn thức. Tùy bút Băng Sơn thật giàu chất nhân văn.

Lang thang là việc của kẻ nhàn cư đi tìm lạc thú hay của người bần hàn đi tìm sự tồn tại trong cuộc sống lắt lay, còn cái sự chu du gọi là "lang thang" của tao nhân mặc khách thì không nhàn cư chút nào. Họ đi ngơ như vô định mà trong lòng chất đầy nhĩ ý, tưởng là vô lo mà tâm hồn họ "thi tứ tung hoành". Băng Sơn đã nhận xét mọi tinh tế của cái thú lang thang. Hà Nội ba mươi sáu phố phường với năm cửa ô đến thời nay, Hà Nội có trên bốn trăm phố. Băng Sơn đã ghi cảm nhận của mình về một trăm có lẻ đường phố Hà Nội. Chỉ riêng đọc tập tùy bút *Những nẻo đường Hà Nội cũng thật công bằng khi gọi Băng Sơn là nhà Hà Nội học!*

Không biết bà cụ thân sinh tác giả tập tùy bút Thấp thoáng hồn xưa đã mấy lần quấy bánh đúc cho con mình ăn mà người con hầu hết cuộc đời sống ở thành phố lại viết về thứ bánh quê mùa dân dã khiến người đọc cứ như đang được thưởng thức hương vị loại bánh chân quê ngon kỳ lạ gợi lên cảm nhận về hồn quê hương dung dị vĩnh hằng. Với tập tùy bút Thấp thoáng hồn xưa, Băng Sơn thực sự chiếm lĩnh thiện cảm của cả những bạn đọc khó tính. Hơn mười năm, đất nước trong cuộc đổi đời, Băng Sơn đã góp một gương mặt tùy bút đỉnh đạc trong nền văn học nước nhà!

Có người cho tùy bút Băng Sơn không mới. Tôi lại cho rằng viết những điều nhiều người chưa cảm nhận là mới, viết về nội dung nhân văn thì ngàn năm sau vẫn còn là mới. Nói vậy không phải Băng Sơn không có những tùy bút thiếu cô đọng súc tích, có tùy bút lẫn sang địa hạt của phóng sự bút ký.

Viết tùy bút thì sự liên tưởng là đôi cánh. Sự liên tưởng của Băng Sơn thì phong phú khoáng đạt đến vô cùng. Đó cũng là sự liên tưởng của thi ca nên trong tùy bút Băng Sơn nhiều đoạn trong nhiều tùy bút của anh rất thơ. Tuy thẳng hoặc có những liên tưởng chưa hợp lý như anh liên tưởng lá chuối lột mọt bánh đúc sạch bóng thứ "sa tanh thiên nhiên" (Bánh đúc hồn quê - Thấp thoáng hồn xưa, trang 137). Năm áp chót của thiên nhiên thứ hai, Băng Sơn đã bước nửa chân sang tuổi xưa nay hiếm, anh bưng tách nước đã run run nhưng ngồi vào bàn viết thì gân cốt còn bền lắm lắm.

*Lê Minh Hợi - Báo Diễn Đàn văn Nghệ tết Kỷ Mão*

## MỐI TÌNH XUYÊN QUA NỬA THẾ KỶ

Ánh đèn sân khấu đã trở thành điểm hẹn của Băng Sơn và Mai Phương. Năm 1952, Hà Nội còn nằm trong vùng chiếm đóng của giặc Pháp, Băng Sơn theo một số anh chị em lập đoàn kịch diễn vở "Cô gái mây Tần" của nhà thơ Hoàng Cầm lúc ấy đang là Đoàn trưởng Đoàn văn công quân đội ở vùng kháng chiến. Băng Sơn thủ vai Tần Vũ, nữ diễn viên đóng vai Tần Huyền Cơ bị ốm nên đạo diễn ca sĩ Mai Phương thay thế.

Hai con người tài hoa mến nhau vì nét, trọng nhau vì tài dần dần cảm thấy mình thành một nửa cuộc đời của người kia, cùng chia đôi nỗi niềm và phân đôi niềm vui cho nhau. Giặc Pháp bắt lính, Băng Sơn phải trốn ra vùng tự do ở Đông Triều để khỏi bị bắt đi làm bia đỡ đạn cho giặc. Lúc ấy Mai Phương mới thấy một khoảng trống trong trái tim mình không gì bù đắp được. Nhận được lá thư của Băng Sơn do người quen bí mật đem về, Mai Phương bỏ nhà ra vùng tự do tìm Băng Sơn. Mãi đến khi nghe tin quân ta sắp về tiếp quản Thủ đô, hai người mới trở về nhà.

Giữa lúc ấy, một số người nhẹ dạ tìm đường di cư vào Nam. Ông anh Mai Phương bàn với em gái đi "du lịch" vào Sài Gòn một chuyến rồi hai năm sau lại trở về. Nếu không có Băng Sơn chắc hẳn Mai Phương đã đi. Một ông anh khác vừa ở mặt trận Lào trở về, thấy hai người quăn quýt với nhau như thế rất lo lắng lựa lời tâm sự với Mai Phương: Băng Sơn đã nghèo lại không có nghề nghiệp, khó đảm bảo cuộc sống ổn định sau này, em nên nghĩ lại xem. Mai Phương chỉ trả

lời: Nhiều người giàu có đã hỏi em nhưng em nghĩ đời người con gái có tâm hồn đồng điệu với mình mới khó còn tiền của, chúng em cứ chắt chiu mãi rồi cũng có.

Băng Sơn mở lớp dạy tư ở ngõ Hàng Hành. Chính những chiếc bàn học sinh ấy sau này ghép lại đã thành chiếc giường cưới của đôi vợ chồng trẻ. Gia sản chỉ có một cái hòm gỗ đựng mỗi người mấy bộ quần áo. Mỗi tuần Băng Sơn đến ngâm thơ, Mai Phương cũng đến hát trước giờ chiếu ở rạp chiếu bóng nhằm cân bằng thu chi trong gia đình.

Do làm việc quá sức, một đêm Băng Sơn ho ra máu. Bạn bè biết hai vợ chồng chẳng còn đồng xu dính túi nhưng trước mắt hãy cứu lấy mạng người cái đã nên cứ đưa đại Băng Sơn vào một bệnh viện tư. Sau này ông quản lý bệnh viện đem hoá đơn đến nhà đòi tiền viện phí, nhìn thấy gian phòng rộng như đất bụt, ông đã mủi lòng không nỡ bắt đôi vợ chồng nghèo thanh toán. Mai Phương thường coi Băng Sơn là người từ cõi chết trở về nên hết lòng chăm sóc chồng để "nửa cuộc đời" của mình không sớm vãn du nơi Cự Lạc.

Băng Sơn rất thương vợ, anh không đòi hỏi những món cầu kỳ nhưng đôi lúc trong khi vui chuyện, Mai Phương tỏ ý thích ăn món gì, chị cố nấu nướng bằng được. Nhân ngày 10 tháng 12 - sinh nhật Mai Phương, Băng Sơn không mò được toà soạn nào để lấy tiền nhuận bút, anh bèn đem cuốn từ điển Pháp - Việt bán cho hiệu sách Nam Hùng ở Bồ Hồ rồi đem tiền đi mua một bó hoa Ngọc Trâm - loại hoa Mai Phương thích nhất, mua một bưu ảnh hoa Ngọc Trâm tặng vợ và đóng một yến gạo tặng cả nhà không phải ăn độn bo bo.

Hàng xóm chưa nghe thấy đôi vợ chồng ấy to tiếng với nhau bao giờ. Người nọ biết chiều lòng người kia, đôi khi trong nhà có sự bất đồng về một công việc gì thì cả hai đều yên lặng, không nói với nhau câu nào cho đến khi một trong hai người bắt đầu thấy sự yên lặng đáng sợ ấy là vô lý bèn lên tiếng "làm duyên" rồi cả hai cùng cười.

Sau trận ốm thập tử nhất sinh, Băng Sơn đành giã từ ánh đèn sân khấu. Vốn là chàng trai có hoa tay, anh mua những mảnh nhung vụn đủ các màu về cắt dán thành đủ loại hoa vào thiệp chúc Tết, thiệp mừng sinh nhật. Nguồn thu nhập phù đó cũng đỡ dần cho Mai Phương một phần gánh nặng trong gia đình.

Đến thời mở cửa, báo chí ra khơi, Băng Sơn như con cá sống quần ở ao làng, nay được làn nước tràn bờ đưa ra sông rộng. Tuỳ bút và tản văn của anh luôn xuất hiện trên các báo trong Nam ngoài Bắc. Nhớ công lao người bạn đời, anh thường lấy bút danh Mai Phương; đôi khi cao hứng lên, anh lại lấy bút danh là Băng Phương (rút gọn bốn từ Băng Sơn - Mai Phương).

Cuốn sách "Thú ăn chơi người Hà Nội" của Băng Sơn đã được giải thưởng của Hội Nhà văn Hà Nội, Hội thảo Văn hoá ẩm thực trong thành phố Hồ Chí Minh mời anh và phu nhân vào dự. Đôi cánh bạc của máy bay A320 đã đưa đôi chim câu vượt qua vùng trời mà đôi vợ chồng hằng mơ ước. Các đầu bếp bậc thầy của các khách sạn đã trình diễn gần trăm món ăn đủ cả sơn hào hải vị. Băng Sơn nói với Mai Phương: Giá những món này do chính tay em nấu nướng, anh sẽ thấy ngon gấp bội phần..

Nửa thế kỷ đã trôi qua, đôi vợ chồng ấy vẫn là hai người tình như thời trai trẻ dưới ánh đèn sân khấu.

*Vũ Bảo - Báo Tiền Phong, số ra ngày 23/4/1998*



## BĂNG SƠN VỚI NHỮNG TÙY BÚT HÀ NỘI

Trong lịch sử một ngàn năm của Thăng Long - Hà Nội đã dung nạp biết bao nhiêu người tứ xứ đến làm ăn lập nghiệp. Người Đông Ngạc, La Khê, Đình Bảng mở hàng vải ở Hàng Ngang, Hàng Đào. Người Cự Đà với nghề dệt. Người Hè, Bưởi có mặt ở Nam Tràng, Ngũ Xá, Hàng Đồng.

Nghề ảnh của người dân Lai Xá và biết bao nhiêu làng nghề lấy kẻ chợ làm nơi giao lưu, tiêu thụ và dịch vụ: cắt tóc Ô Kim Liên, Ô Đồng Lâm, nem Phùng, bánh giày Quán Gánh, bún Phú Đô, gạo tám Mễ Trì, lụa Hà Đông, Linh Bưởi, cốm vòng tranh làng Hồ. Cái gì đẹp nhất nước, ngon nhất nước sau tiên vua là tiên cho Thăng Long, Hà Nội. Ngoại Kiều cũng tìm đến Thăng Long lập nghiệp: Tây đen bán vải, người Phúc Kiến, Quảng Đông chiếm gần hết phố Lãn ông, Hàng Buồm và xung quanh. Từ bán thuốc ê đến các thứ nhệ thiên đường, những hàng ăn từ sức tặc, Lò Mai Phàn đến các Đông Hùng Viên, Tân Phúc Điền, Mỹ Kinh.... Tây cú, tay thực dân làm nhiều nhà cho thuê ở Hà Nội. Tất cả những cái đó, ngọn ngành sâu xa và rộng lớn hơn rất nhiều đã được Băng Sơn khai thác trong các bài viết, tản văn, tùy bút của ông về Hà Nội.

Thạch Lam, Vũ Bằng, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân mỗi người một phong cách đã để lại trong âm hưởng người Hà Nội, Người trong cả nước và văn đàn những áng văn trác tuyệt. Đó là vàng bốn con chín của văn chương chữ quốc ngữ viết về văn hoá Hà Nội. Băng Sơn biết rằng các vị trưởng lão đó công lực thâm hậu và văn lâm đã trải chiếu



hoa cho các vị đó, còn Băng Sơn phải tự đi trải cái chiều của mình. Thật vậy, cái chiều của ông đã được trải vài thập niên 90 sau cả một đời suy ngẫm, tích góp, đọc và ghi chép. Cái bài tản văn tùy bút của ông đăng tải rầm rộ trên các mặt báo với nhiều lĩnh vực của văn hoá truyền thống và đời thường Hà Nội. Ông bay bổng với rượu và cơm nguội, la đà với đào thề và búp khoai cho tương ăn với cơm nôi đất. Ông trần trở những chân dung bạn bè và đời thường với hè phố cổ Ngõ Gạch, Sầm Công, Phất Lộc.... Băng Sơn đã căng mình ra như tiếng ve mùa hạ trong lim, trong sáu Hà Nội với sức làm việc đáng khâm phục.

Hà Nội bùng nổ về nhiều phương diện, lên cấp về mặt văn minh hàng hoá nhưng rất đáng lo ngại về mặt dân trí, đạo đức. Ông đã đề cập, cảnh tỉnh vấn đề này. Ông muốn giữ cho Hà Nội một vẻ đẹp về văn hoá, tinh thần dân tộc trong cái đi lên của văn minh vật chất. Băng Sơn lặn ngụp trong muôn mặt của văn minh đời thường của Hà Nội để cảm, để yêu, để xót xa, để giận giữ những cái Hà Nội hiện hữu.

Băng Sơn là một nhà văn, nhà thơ đa phương diện về văn hoá và đời thường Hà Nội. Thơ đã giúp ông sạch và bay bổng. Kiến thức cuộc đời và sách vở đã giúp ông lách đến tận khe kẽ của Hà Nội không chê vào đâu được.

**Doãn Trang, Lao động Xã hội, số 41 ra ngày 4/10/1996.**

## BĂNG SƠN: "CÂY" ĐOÀN VĂN CỦA HÀ NỘI

Tôi quen biết Băng Sơn từ những năm của thập niên 50, khi đó ông là người "gỗ đầu trẻ" ở Trường tiểu học Cao Bá Quát trong một ngõ nhỏ (ngõ Hàng Hành) gần hồ Hoàn Kiếm.

Băng Sơn, (tên thật là Trần Quang Bốn), sinh ngày 18-12-1932, quê cha ở Bình Lục (Hà Nam); quê mẹ ở làng Sét, Thanh Trì (Hà Nội). Sinh ra và lớn lên ở đất Cẩm Giàng, Hải Dương, ông làm thơ và viết văn từ năm 1949 và đã có những bài viết được đăng báo từ thuở thiếu thời với những bút danh khác nhau: Băng Sơn, Mai Băng Phương, Trần Cẩm Giàng, Quang Chi....

Đã có một thời, Băng Sơn là phóng viên báo Độc Lập, sau đó ông nghỉ hưu, chuyên tâm với nghề viết. Làm báo chỉ là cái "cớ" để Băng Sơn theo đuổi nghiệp văn chương. Trong suốt một thời gian dài, ông sáng tác thơ là chính - Và người đọc thường thấy thơ của Băng Sơn trên nhiều tờ báo lớn ở Thủ đô Hà Nội với chất thơ mượt mà, thấm đượm tâm hồn con người và cảnh vật.

Sau năm 1975, Băng Sơn viết đoản văn. Có thể nói đây là thể loại văn học sở trường của riêng Băng Sơn. Tư duy bằng ý thơ, nhưng biểu đạt bằng văn xuôi. Một cây bàng, một khóm tre, một cánh bướm, một giọt sương, một con phà, một chiếc điểm canh dê.... đều là chủ đề với lối viết đầy cảm xúc làm rung động tới tâm can người đọc của riêng Băng Sơn.

Trong mỗi chúng ta đều có quê hương, nơi lưu giữ biết bao kỷ niệm của một thời để thương, một thời để nhớ, nhất là kỷ ức tuổi thơ. Với quê hương, Băng Sơn viết: "đồng quê êm ả. Đồng quê yêu thương. Có bao nhiêu là tiếng nói, tiếng gọi ta về sống lại một thời thơ ấu êm đềm, dù cho ta đang ở một phương trời xa lắc. Rồi ta tự lắng nghe trong lòng ta những tiếng đồng quê thân thương ấy cứ cất lên vô hình trong sâu thẳm tim ta..." (bài Tiếng đồng quê trong tập "Bóng bảy màu" - Nhà xuất bản Kim Đồng, 1996).

Là "thổ công" của Thủ đô muôn mên, ngàn thương, là con người gắn bó với Hà Nội hơn nửa thế kỷ qua. Băng Sơn am hiểu tỏ tường mọi mặt đời sống xã hội của đất kinh kỳ. Ông nhớ từng gốc cây của những phố cổ và quanh hồ Gươm. Ông nhìn vào đâu cũng nhận ra kỷ niệm và bóng hình bạn bè, kẻ còn, người mất. Một đường phố cổ, một công viên có nhiều cây xanh. Một mái nhà rêu phong đến một món quà của riêng Hà Nội.... đều được con mắt tinh đời của ông "điểm mặt".

Với Hà Nội, ông có tình yêu đến lạ kỳ, vừa hoài cổ, vừa tân kỳ. Một tâm hồn văn sĩ hiểu thấu đáo Hà Nội xưa và nay đến từng chân tơ kẽ tóc. Riêng cách ăn chơi lịch lãm của người Hà Nội, Băng Sơn đã đem đến cho người đọc hai cuốn sách "Thú ăn chơi của người Hà Nội" tập 1 và tập 2 do NXB Văn Hoá ấn hành các năm 1993 và 1996, khoảng 600 trang. Chắc chắn đây sẽ là một món quà quý đối với bất cứ người dân nào của Hà Nội.

Tính đến nay, ông đã cho ra mắt bạn đọc khoảng 500 bài đoản văn đăng tải hầu hết trên các bài báo lớn ở thủ đô Hà Nội. Trong các năm 1993, 1995 và 1996 ba cuốn sách (đoản văn) của Băng Sơn: "Ngàn mùa hoa", "Con thuyền hoa". và "Bóng bảy màu" do các Nhà xuất bản Phụ Nữ và Kim Đồng ấn hành đã đến tay bạn đọc trên nhiều vùng của đất nước.

Tuỳ bút cũng là "thế mạnh" của Băng Sơn. Đến nay con số này ước khoảng 500 bài đã được đăng tải trên báo chí. Phần lớn những tuỳ bút hay được tập trung ở các cuốn "Hương sắc bốn mùa" NXB

Phụ nữ 1993; "Nước Việt hồn tôi" cũng do NXB Phụ nữ ấn hành năm 1995, khoảng 300 trang. Tiếp đến là tập tùy bút *"Nghìn năm còn lại"* do NXB Hà Nội ấn hành năm 1996.

### *Những ấn phẩm trên nói lên điều gì?*

Ở Băng Sơn không chỉ là tình yêu văn học, nổi đắm say với nghiệp văn chương, sự suy nghĩ chín chắn của một cây viết có bề dày năm tháng mà chính là sự miệt mài, làm việc hết mình, lao động không mệt mỏi, lao động sáng tạo và nghiêm túc của một con người "hiền dân" cả đời mình cho sự nghiệp văn chương. Sức làm việc của ông khiến nhiều cây bút chuyên nghiệp cũng phải vị nể. Bạn văn thường nói về ông: "Một kỷ lục gia về sức làm việc, một cây viết "dai phong".

Chả vậy mà người ta tính rằng một năm có 365 ngày, chỉ từ đầu năm đến cuối tháng 9-1997, Băng Sơn đã "sản sinh" 355 bài viết được in ấn trên nhiều tờ báo lớn ở Hà Nội và trên một số địa phương khác. Nếu theo số học mà tính, mỗi ngày "cây" đoản văn này của Hà Nội đã có hơn một bài viết, một "áng văn chương" làm đẹp thêm đời sống văn hoá của người dân Hà Thành. Bạn viết có người thường nói vui: "Băng Sơn là một trong những "ngũ hổ" viết khoẻ của Hà Nội: Băng Sơn, Lê Bầu, Phong Thu, Tạ Hữu Yên, Lữ Giang".

Sức làm việc của ông thực sự là điều đầy "bí ẩn", đầy khám phá, không chỉ có sức bền mà còn đầy mẫn cảm, kỳ thú và mộng mơ. Với trà ngon và thuốc lá Thủ đô, chỉ hút một thứ "Thủ đô", làm việc thâu đêm với đèn sách. Ngày qua ngày, tháng hết tháng, năm theo năm. Băng Sơn chạy đua với thời gian không biết mệt mỏi. Với ông thời gian thực sự là vàng ngọc. Hình như con người ông sinh ra để viết, không viết không chịu được.

Coi tôi là chỗ thân tình, ông bộc bạch về những ấn phẩm chuẩn bị "trình làng" trong tương lai không xa. Từ nay đến năm 1998. có thể in "Tùm lum" NXB Kim Đồng, khoảng gần 100 trang; tùy bút "Đường vua đi", NXB Thanh niên khoảng 300 trang; "Cái thú lang thang";

"Hồn và mực", NXB Hải Phòng, viết về chân dung một số văn nghệ sĩ. Cả bốn cuốn sách trên đã duyệt xong ma kết và đã đưa vào kế hoạch xuất bản trong thời gian tới.

*- Xin anh cho biết dự kiến trong tương lai? - Tôi "phỏng vấn" nhà văn*

Với khuôn mặt đôn hậu, mái tóc xoà bạch kim rất nghệ sĩ và luôn nở nụ cười tươi trên môi, Băng Sơn đưa tôi đọc những bài viết đầu của cuốn "100 ngôi nhà Hà Nội".

Đối với bạn tâm đắc, Băng Sơn rất trân trọng, quý mến và thường đọc cho nghe những sáng tác ban đầu của ông. Với câu nói "giàu vì vợ, sang vì bạn" là câu nói của miệng của người đời, thì Băng Sơn là người.... rất sang, bởi ông rất đông bạn bè. Bạn văn, thơ, hoạ, nhạc đều có cả.

Nếu nói về nhân cách của người cầm bút, thì Băng Sơn là con người giữ được phẩm hạnh của một nhà văn chân chính hành nghề, "kiếm sống" bằng chính sự làm việc cần cù, siêng năng của bản thân. Nhiều bạn thân quen ngạc nhiên khi biết ông làm việc cật lực như vậy và những tác phẩm được in ấn không phải là nhỏ nhoi, nhưng chưa là... Hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Ông thường "chối khéo", không giải thích, chỉ trả lời bằng những nụ cười.

*Lê Việt, Báo Thừa Thiên Huế, số ra ngày 16/11/1997.*

## CHÂN DUNG NHÀ BÁO VỀ HƯU VẤN VIẾT KHOẺ

Tôi biết Băng Sơn từ lúc tóc còn xanh, gặp ông trên những trang báo ngày, báo tuần, báo tháng, những cuốn sách, nhiều hơn là trong những cuộc giao du đời thường. Mỗi lần gặp nhau - thường là lúc đi "bán bài" ở các toà soạn - tôi thấy mến và có cảm tình với chàng trai tú tài toán thời xưa nhưng khi vào đời lại nổi tiếng về thơ và văn. Giờ đây, tuy về hưu 8 năm nay, ở tuổi 65, tóc đã bạc trắng, nhưng ông vẫn viết rất khoẻ dưới nhiều thể loại.

Khác với nhiều ký giả, ông bắt đầu nghiệp cầm bút bằng nhiều bài thơ đầu tiên in năm 1949 và năm 1950 đến nay, thơ ông được in đều trên hầu hết các báo và trong nhiều tuyển tập của hầu hết các nhà xuất bản ở Hà Nội, khoảng bốn, năm chục cuốn. Tôi ngạc nhiên trước khối lượng thơ ông, tới 4.000 bài và khoảng 500 bài thơ trữ tình đã được in.

Chỉ gần mười năm nay, Băng Sơn mới bắt đầu viết văn xuôi. Từ vốn sống tích lũy mấy chục năm và một tủ sách đồ sộ, ông đã viết được khoảng trên 300 bài tùy bút về các vấn đề văn hoá, hơn 500 bài đoản văn về vùng đồng bằng Bắc Bộ và khá nhiều bài báo khác.

Ông tập hợp những tùy bút và đoản văn đăng rải rác ở các báo, in thành 6 tập sách : Thú ăn chơi người Hà Nội (gần 300 trang, NXB Văn hoá), Hương sắc bốn mùa (gần 200 trang, NXB Phụ nữ),

Ngàn mùa hoa (100 đoản văn, NXB Phụ nữ), Nước Việt hồn tôi (hơn 200 trang, NXB Phụ nữ) và hai cuốn : Con thuyền hoa, Bóng bảy màu (đoản văn, NXB Kim Đồng) không kể hai cuốn thơ ở NXB Tác phẩm mới và NXB Văn Hoá.

Ông viết cả kịch, chủ yếu là kịch thơ, trong đó, vở kịch nói "Đời chỉ một lần" được đoàn kịch Bông Hồng ở thành phố Hồ Chí Minh dựng và trình diễn đến vài trăm buổi.

Băng Sơn cũng đã nhận được nhiều giải thưởng văn học ký của Hội Nhà báo Việt Nam, truyện ngắn cho thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam, kịch thơ của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, thơ của Hội Văn học Hà Nội (giải 5 năm lần thứ nhất), cùng nhiều giải thưởng khác của Sở Văn hoá, Mặt trận Tổ quốc, Hội văn Nghệ Hà Nội. Tháng 5 vừa qua, Băng Sơn vừa nhận giải thưởng về ký hay trên sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Một nét nghề nghiệp tôi tìm được ở người bạn đồng nghiệp là ông hiểu cận kề đất Hà Thành trong vòng nửa thế kỷ nay, thuộc loại " thổ công", "ma xó" Hà Nội. Độc giả thấy ở mảng này nhiều đề tài phong phú và đa dạng như: Xung quanh Hồ Gươm có những cây gì, mọc ở đâu, hoa lá ra sao, chỗ nào có những cây đa, cây đề.... Rồi các vườn hoa cũ, mới của Hà Nội, các phố cong, phố ngắn nhất, các ngõ ngách....Rồi đêm Hà Nội, hoa trái Hà Nội, món ăn Hà Nội từ rau muống luộc xanh rờn đến chả cá, phở bò, phở gà, phở ngẫu pín, bún thang, xôi lúa, bánh khúc, bánh cuốn nhân thịt.... cho đến quần áo, giày dép, kiểu tóc người Hà Nội.

Có lẽ mảng tùy bút này của Băng Sơn đã được độc giả và dư luận chú ý nên 3 tháng vừa qua, thư viện Hà Nội đã tổ chức hẳn một cuộc "Hội thảo tùy bút của Băng Sơn về Hà Nội" với 10 tham luận của nhiều người phải đứng nghe.

Băng Sơn cũng có nhiều bài viết về các vùng đất nước: Đền Hùng, Hạ Long, Hải Hưng, Hà Bắc, Hoà Bình.... đến những địa phương làm ra chiếu cói, hạt muối, đôi đũa tre, bay bổng lời hát ru,

câu ca trù.... Những bài đó thường xuất hiện trong các chuyên mục "Đất nước ta", "Thủ đô ta", "Chuyện cũ Hà Nội".... của báo Hà Nội Mới và nhiều báo khác.

Quan niệm về viết tùy bút trên báo, Băng Sơn muốn nâng báo chí lên tầm văn học, ít tân văn, nhiều nhân bản, nhiều chất thơ với ý thức một nhà văn viết báo. Vì vậy mà những bài đã đăng báo vẫn đứng vững, có thể tập hợp và các nhà xuất bản nhận in thành sách.

Tôi hỏi:

- Sao ông viết khỏe thế?

Ông nói rất thật:

- Tôi họ Trần, họ hàng với Tú Xương, nghĩa là nghèo rớt mùng tơi. Nhà ở chật. Đồ đạc ít, chỉ toàn sách. Nhiều năm nay, hầu như tôi sống bằng nhuận bút, không có nguồn thu nào khác. Được cái khỏe mạnh, không ốm đau nên ham làm việc. Sáng đi chơi rong phố, đến các toà soạn lĩnh nhuận bút, đưa bài mới, tôi lại ngồi viết, thường đến 3 giờ sáng. Định viết gì, tôi phải viết xong mới đi ngủ. Hiện nay, hầu như vài ngày tôi lại có bài đăng, không báo này thì báo khác, cứ đều đều.

- Thế từ đầu năm đến nay, ông viết được bao nhiêu bài?

- Năm 1996 này, tính đến hết tháng 5, tôi đã in được 165 bài các loại. Và từ nay đến cuối năm có thể in được 3 cuốn tùy bút về Hà Nội, về đất nước, về chân dung văn nghệ sĩ.

.....Hơn một giờ trôi nhanh, chúng tôi tạm chia tay. Băng Sơn dắt cái xe đạp tàng x uống đường và đạp đi. Tôi chợt nhớ một lần ông tâm sự với tôi:

- Tôi được "bà xã", bà Mai Phương ấy, giúp đỡ động viên nhiều chứ, kể cả những năm tháng nghèo nhất.



Thì bây giờ ông vẫn thế. Mà lạ thật, Băng Sơn vẫn cho anh con trai lớn nối nghiệp mình, làm phóng viên ở báo Thương Mại.

Thọ Cao, báo Sài Gòn giải phóng, số 288, ra ngày 17/8/1996

## BĂNG SƠN VÀ TÌNH YÊU HÀ NỘI

Nhà văn Băng Sơn hay đi lang thang dạo quanh phố phường. Anh thuộc những tên phố, tên nhà và những loài cây hoa mọc quanh hồ Hoàn Kiếm. Trong anh tình yêu Hà Nội lúc nào cũng dâng đầy. Anh không mấy khi phải ghi chép, nhưng mỗi khi ngồi vào bàn viết là một mạch từ 8 giờ tối đến 3 giờ sáng, cảm xúc tuôn trào như mạch suối trong vắt chảy từ con tim nhạy cảm của anh. Băng Sơn sinh năm 1932 tại Cẩm Giàng - Hải Dương nhưng từ nhỏ đến nay sống ở Hà Nội. Anh đã cho xuất bản 12 tập sách trong đó có thơ và kịch thơ, phần lớn là các tập tùy bút hoặc các tập đoản văn.

Băng Sơn có sở trường viết tùy bút. Anh là một trong 5 cây bút viết khoẻ nhất (ngũ hổ) của làng viết văn, viết báo Hà Nội. Tết Mậu Dần, Băng Sơn có 86 bài được đăng tải trên 45 tờ báo Trung ương và Hà Nội. Anh phụ trách nhiều chuyên mục trên các báo.

Băng Sơn nghiên cứu sâu văn hoá ẩm thực Việt Nam: Anh viết nhiều bài có giá trị về cách uống trà Hà Nội, đậu mơ Hà Nội, gia vị Hà Nội. Vào Huế anh cũng thạo món ăn Huế: bánh bèo, bánh bột lọc và cà phê vườn ở Huế.

Anh đã đi khắp đất nước nhưng chỉ thích sống ở Hà Nội. Anh cứ lang thang... anh yêu phố, yêu những con đường quen, mơ màng ngắm những đám mây bay và đắm say trong mùi hoa sữa. Suốt đời anh gắn bó với Hà Nội.

Năm 1997, Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản tùy bút "Đường vào Hà Nội" của Băng Sơn, dày 350 trang gồm 40 tùy bút. Băng Sơn đang có dự kiến cho xuất bản cuốn "100 ngôi nhà ở Hà Nội". Trong 100 ngôi nhà đó sẽ có 100 gia đình, 100 nhân vật độc đáo của Hà Nội xưa và nay.

Diệu Ân, báo Sài Gòn giải phóng, ra ngày 31/3/1998.

## "CÁI CHÍNH LÀ BẢN THÂN NGƯỜI VIẾT CÓ NHÀM CHÁN HAY KHÔNG"

Bảy mươi tuổi, ông có sức viết thật đáng nể: 2-3 bài/ ngày. Từng thể nghiệm ở nhiều thể loại khác nhau: thơ, xã luận v.v... nhưng sau Vũ Bằng và Nguyễn Tuân có lẽ người ta hay nhắc đến tên ông ở thể loại tùy bút: "Thú ăn chơi người Hà Nội" (tập 1,2,3,4 xuất bản các năm 1997,1999,2000), "Nước Việt hồn tôi" (Xuất bản năm 1995), "Nghìn năm còn lại" (1996), "Cái thú lang thang" (1997) v.v... và mới đây "Dòng sông Hà Nội" (2002) là những tập sách gồm nhiều bài viết của ông khai thác ở thể loại này.

*- Thưa nhà văn Băng Sơn, có thể nói loại tùy bút đã mang lại cho ông đến một duyên may, còn vận rủi, có khi nào ông nghĩ tới tình trạng "bội thực" của độc giả khi phải đọc mãi một tác giả với một thể loại nhất định?*

+ Nhà văn Băng Sơn: - Điều đầu tiên là không phải độc giả nào cũng đọc mãi một tác giả và chỉ đọc một thể loại cố định. Hơn nữa nội trong một thể loại, nếu có 1000 nhà văn thì có 1000 cách viết khác nhau. Tôi luôn cố gắng tìm ra một lối đi riêng, tránh lặp lại mình. Theo tôi, không sợ độc giả nhàm chán. Cái chính là bản thân người viết có nhàm chán hay không?

*- Vậy có khi nào nhà văn rơi vào tình trạng bất lực, tự cảm thấy mình rất nhàm chán?*

+ NV Băng Sơn: - Ở một đề tài cũ, tôi cố gắng đưa vào đó một cách viết mới, suy nghĩ mới. Bài sau luôn phải bổ sung cho bài

trước, mở rộng hơn bài trước. Những tác phẩm nằm trong số này không nhiều. Thường thì khi ngồi trước máy chữ, trước đó trong đầu tôi đã hiện hình những ý tưởng mới rồi. Nguyên tác của tôi là: Khi không phát hiện ra điều gì mới, không viết. Tôi tránh lặp lại mình bằng cách đó.

*- Cuốn sách mới nhất của ông được NXB Thanh niên ấn hành tháng 1-2002 có tên "Dòng sông Hà Nội". Ông có thể giải thích đôi chút về tên gọi đầy chất thơ này?*

+ NV Băng Sơn: - Đây là một cuốn sách có số phận khá long đong, nó nằm ở NXB 2 năm sau đó mới được ra đời. Sách dày 344 trang gồm nhiều bài tùy bút về Hà Nội, bạn bè, những sự vật quen thuộc của quê hương đất nước: bóng tre, mùa sen, trăng chiêm, cháo lá đa v.v... về cơ bản vẫn là những bài viết theo mạch cũ là tùy bút trữ tình.

Hà Nội trong hình dung của tôi là hình ảnh một dòng sông thường nhận về mình những nguồn nước nhỏ to, rồi tìm cho mình một hướng đi riêng ra biển. Hà Nội cũng nhận về mình tất cả sản vật, tinh túy, con người của mọi địa phương. Nó lọc đi tạp chất, chỉ giữ lại tinh hoa. Vì thế mà Hà Nội hào hoa, thanh lịch tao nhã, tế nhị. Âm ảnh của tôi về "Dòng sông Hà Nội" đã trở thành tên gọi của cuốn sách.

*- Đòi viết văn của ông gắn liền với thể loại tùy bút. Vậy thể nào là một tác phẩm tùy bút hay thưa ông?*

+ NV Băng Sơn: - Định nghĩa "hay" trong văn chương nói chung là rất khó. Với cá nhân tôi, một tác phẩm khi viết ra mà mình có thể tạm bằng lòng trước hết là phải trong sáng. Toát ý người viết và người đọc bằng cách này cách khác cũng có thể hiểu được. Vì ngôn ngữ của tùy bút gần với thơ, tôi cố gắng tìm chữ "đắt" giàu sức gợi. Ví dụ khi viết về liên chị quan họ, tôi gọi họ là "nàng gái" chữ "nàng" nghe có cổ hợp với không khí của quan họ. Tả cô dân quân "áo lẫn tròn" cũng sẽ gợi hơn "bờ vai lẫn tròn". Vũ khí của

người viết tùy bút là liên tưởng. Do đó viết tùy bút, khi đọc lên thấy lung linh, thấy óng ánh là được.

*- Xin cảm ơn nhà văn*

Đỗ Thu Hằng, Phụ nữ Thủ đô, số 14, ra ngày 3/4/2002